

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2-9

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

= O =



NADYPHAR

WHO GMP - GLP - GSP - GDP

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2014

TP. HCM, 04/2015



NADYPHAR

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2-9
299/22 Lý Thường Kiệt, P15, Q11

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP.HCM, Ngày 02 tháng 04 năm 2015

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2-9

Năm báo cáo : 2014

I. THÔNG TIN CHUNG :

1. Thông tin khái quát :

- Tên giao dịch tiếng Việt : CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2-9.
- Tên giao dịch tiếng Anh : NATIONAL DAY PHARMACEUTICAL JOINT STOCK COMPANY OF HCM CITY.
- Tên viết tắt : NADYPHAR.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số : 0302404048.
- Vốn điều lệ : 55.500.000.000VNĐ.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu : 110.738.102.821VNĐ.
- Địa chỉ : 299/22 Lý Thường Kiệt – P15 – Q11 TP.HCM.
- Số điện thoại : 08.38687347 – 08.38688474
- Số fax : 08.38687351
- Website : nadyphar.com.vn

2. Quá trình hình thành và phát triển :

Công ty Cổ Phần Dược Phẩm 2-9 TP.HCM (Nadyphar) tiền thân là Xí Nghiệp Dược Phẩm 2-9 được thành lập từ năm 1976 trên cơ sở sát nhập bảy viện Bảo chế tư nhân cũ trước 30/04/1975 tại Sài Gòn.

- 02/08/1977 Ủy ban Nhân dân Thành Phố ra quyết định số 437/QĐUB thành lập công nhận Xí nghiệp Dược phẩm 2-9 trực thuộc Sở y Tế Thành Phố Hồ Chí Minh là Doanh nghiệp Nhà nước và là đơn vị kinh tế cơ sở có tư cách pháp nhân và hạch toán kinh tế độc lập.

- 15/06/2001 theo quyết định số 736/QĐ-TTg Công ty đã chuyển đổi thành Công ty Cổ phần.

- 10/09/2001 Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành Phố Hồ Chí Minh đã cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103000594. Từ tháng 10/2001 Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần với tên gọi “Công ty Cổ Phần Dược Phẩm 2-9 TP. HỒ CHÍ MINH”, vốn điều lệ ban đầu là 18 tỷ đồng trong đó phần vốn của Nhà nước tại Công ty chiếm 29% còn lại là phần vốn góp của Cán bộ Công nhân viên trong Công ty và các cổ đông ngoài Công ty.

- 17/01/2006 được cấp lại giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần 2 (4103000594) có bổ sung hạng mục kinh doanh : đầu tư xây dựng , kinh doanh cao ốc văn phòng, nhà ở. Nhà máy sản xuất được phẩm đạt tiêu chuẩn GMP-WHO, GLP, GSP.

- Kể từ đó đến nay đã công ty đã được cấp giấy Chứng nhận ĐKKD 13 lần với nội dung tăng vốn điều lệ lên 55,5 tỷ đồng và bổ sung thêm chức năng SXKD thực phẩm chức năng và các ngành nghề kinh doanh khác.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh :

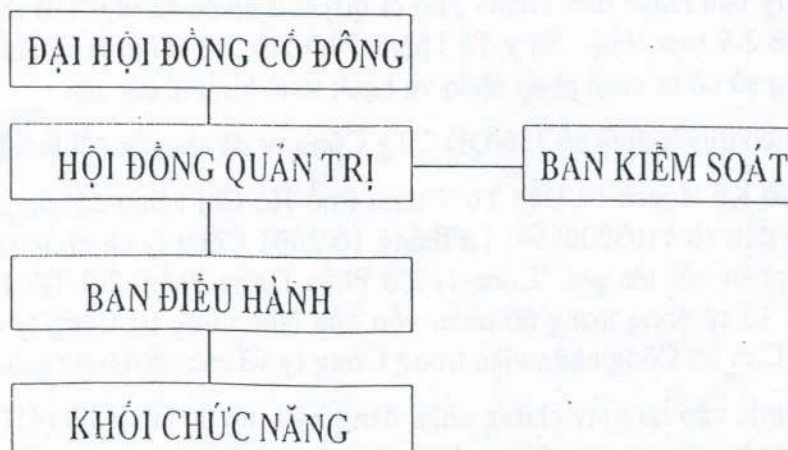
➤ Ngành nghề kinh doanh của Công ty chủ yếu là sản xuất và kinh doanh dược phẩm. Sau khi Cổ phần hóa qua giấy phép đăng ký lần đầu, Công ty đã thực hiện đăng ký để thay đổi xin cấp giấy phép kinh doanh với ngành nghề sau :

- Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu.
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu dược phẩm.
- Gia công, sản xuất bao bì dược phẩm.
- Kinh doanh bất động sản, cho thuê mặt bằng. Đầu tư xây dựng, kinh doanh cao ốc văn phòng, nhà ở. Cho thuê văn phòng, cho thuê kho.
- Sản xuất, kinh doanh thực phẩm chức năng.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải(Dịch vụ Logistic)
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh
- Kiểm tra phân tích kỹ thuật
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác(máy móc ,thiết bị y tế)
- Bán buôn vải, hàng may sẵn,giày dép.
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại(Mua bán vàng trang sức,mỹ nghệ.Bán buôn Bạc và kim loại quý trừ mua bán vàng miếng)
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh.(Bạc,Đá quý, Đồ trang sức,Mỹ nghệ)
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu(Hàng thủ công mỹ nghệ,Đồ lưu niệm, Phụ liệu may mặc và giày dép, Tơ, Xơ, Sợi dệt)

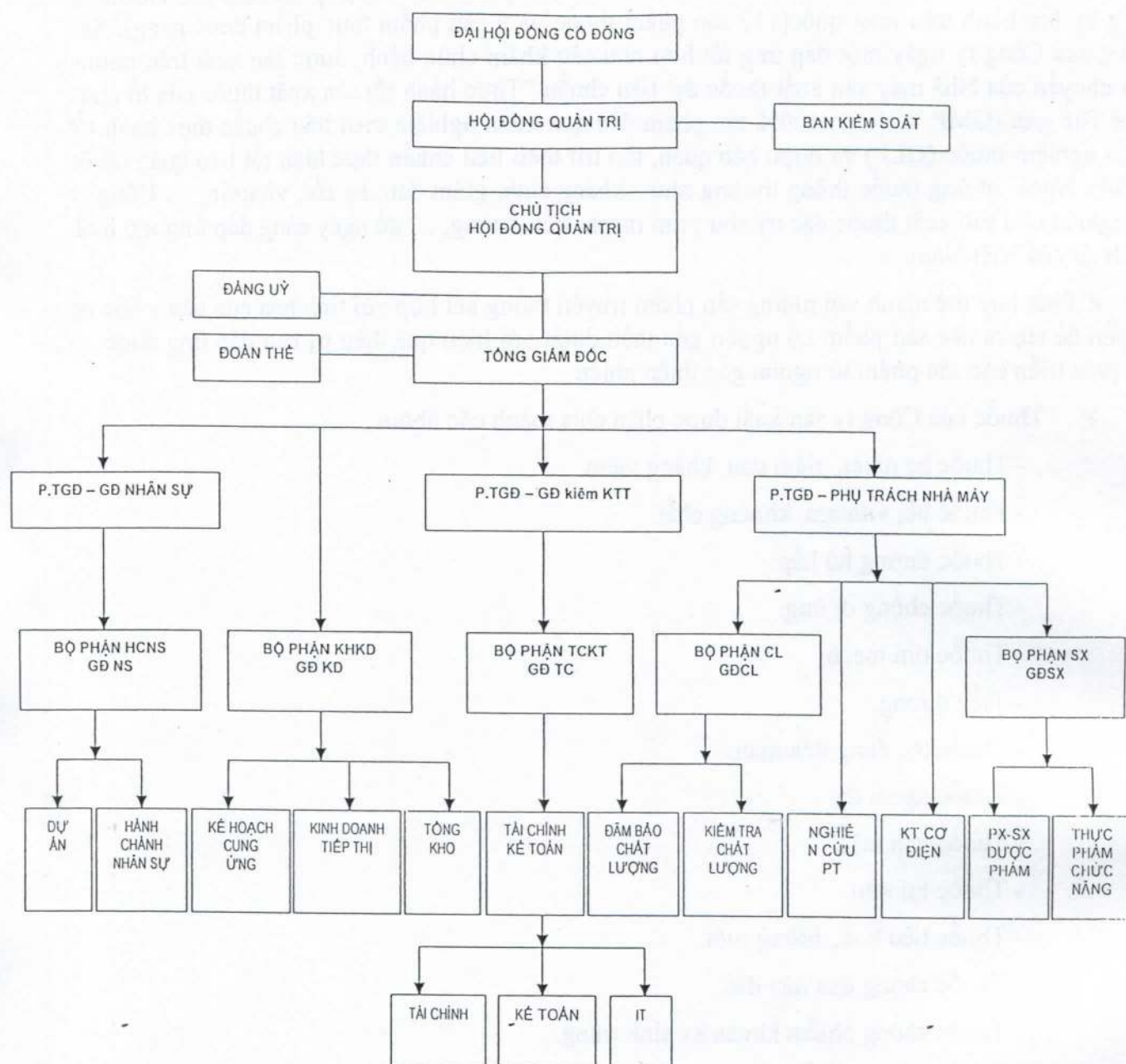
➤ Địa bàn kinh doanh :

Thành phố Hồ Chí Minh, các tỉnh miền Tây, các tỉnh miền Trung và Tây nguyên,các tỉnh Miền Bắc, các tỉnh miền Đông Nam bộ.

4. Thông tin về mô hình quản trị :



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2-9. TP HCM



Trong năm 2014, Công ty đã quyết tâm cải tiến cơ cấu tổ chức SXKD :

- Xây dựng, kiện toàn hệ thống tổng kho bao gồm : kho nguyên liệu hóa dược và dược liệu, kho bao bì và vật tư, kho thành phẩm.
- Sắp xếp nhân sự tại phân xưởng sản xuất và các phòng ban.
- Đưa vào hoạt động kinh doanh hệ thống kho: 1A, 1B, 1C, 1D tại khu vực 299/22 L.ý Thường Kiệt và xét duyệt kho 1C đạt tiêu chuẩn thực hành tốt phân phối thuốc GDP, Thực hành tốt bảo quản thuốc GSP.

5. Định hướng phát triển :

5.1. Sản phẩm :

- Hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất và phân phối thuốc cho người tiêu dùng thông qua các công ty, các nhà thuốc trong và ngoài nước. Công ty có Nhà máy đạt các tiêu chuẩn WHO – GMP, GLP, GSP, đây là yếu tố cần thiết giúp Công ty Cổ Phần Dược Phẩm 2-9 vững bước trên con đường hội nhập vào nền kinh tế khu vực và thế giới.

b. Trong lĩnh vực sản xuất thuốc hiện tại có 126 sản phẩm của Công ty được Bộ Y Tế cấp số đăng ký lưu hành trên toàn quốc (117 sản phẩm thuốc và 9 sản phẩm thực phẩm chức năng). Sản phẩm của Công ty ngày một đáp ứng tốt hơn nhu cầu khám chữa bệnh, được sản xuất trên những dây chuyền của Nhà máy sản xuất thuốc đạt tiêu chuẩn “Thực hành tốt sản xuất thuốc của tổ chức Y tế Thế giới (GMP-WHO)”, 100% sản phẩm đều qua kiểm nghiệm theo tiêu chuẩn thực hành tốt kiểm nghiệm thuốc (GLP) và được bảo quản, tồn trữ theo tiêu chuẩn thực hiện tốt bảo quản thuốc (GSP). Ngoài những thuốc thông thường như : kháng sinh, giảm đau, hạ sốt, vitamin, ... Công ty đã nghiên cứu sản xuất thuốc đặc trị như : tim mạch, tiểu đường, ... để ngày càng đáp ứng mô hình bệnh tật của Việt Nam.

c. Phát huy thế mạnh với những sản phẩm truyền thống kết hợp với tinh hoa của nền y học cổ truyền để tạo ra các sản phẩm có nguồn gốc thảo dược với hiệu quả điều trị cao đáp ứng được xu thế phát triển các sản phẩm từ nguồn gốc thiên nhiên

➤ Thuốc của Công ty sản xuất được phân chia thành các nhóm :

- Thuốc hạ nhiệt, giảm đau, kháng viêm.
- Thuốc bổ, vitamin, khoáng chất.
- Thuốc đường hô hấp
- Thuốc chống dị ứng.
- Thuốc tim mạch.
- Tiểu đường.
- Thuốc tác dụng đến máu.
- Thuốc ngoài da.
- Thuốc gan mật.
- Thuốc lợi tiểu.
- Thuốc tiêu hóa, đường ruột.
- Thuốc chống đau nửa đầu.
- Thuốc chống nhiễm khuẩn ký sinh trùng.
- Thuốc sát trùng tẩy uế.
- Thuốc có nguồn gốc thảo dược.

Một số sản phẩm mới và đăng ký lại trong năm 2014 của Công ty :

- Tizanad 2mg (Tizanidin 2mg), Albendazol 400mg, Acemol NDP500 , Gynonadyphar, Sildenafil , Sâm NadyPas, Phase 2, Kim Tiền Thảo, Selenium, Vitamin D3 K2, Nadysulin, Enteric:

Các nhóm sản phẩm được sản xuất dưới nhiều dạng: Viên nén, viên bao phim, viên bao đường, viên nang, thuốc bột, thuốc cốm, thuốc nước, thuốc ống uống, dầu cao, thuốc mỡ, thuốc phân, v.v.... Ngoài ra để chất lượng của thuốc ngày càng ổn định và nâng cao, Công ty đang áp dụng công nghệ tiên tiến của thế giới như sử dụng các nguyên liệu dạng vi hạt hoặc nghiên cứu đưa vào sản xuất thuốc giải phóng hoạt chất có kiểm soát.

➤ Ngoài ra Công ty còn đẩy mạnh sản xuất gia công các sản phẩm là dược phẩm, thực phẩm chức năng.

5.2. Hệ thống phân phối :

a. Hệ thống phân phối đạt tiêu chuẩn thực hành tốt phân phối thuốc GDP và thực hành tốt bảo quản thuốc GSP của Công ty được tiếp thị và phủ rộng khắp trong cả nước, đảm bảo việc cung ứng đầy đủ tất cả các sản phẩm của công ty một cách chuyên nghiệp đảm bảo cung ứng thuốc cho nhu cầu điều trị.

b. Công ty thực hiện phương châm phân phối thuốc đến tay người tiêu dùng đạt chất lượng thông qua hệ thống Công ty, nhà thuốc và mạng lưới trình dược viên, cộng tác viên của Công ty. đồng thời Công ty cũng tiến hành mở rộng thêm thị phần trong và ngoài nước bằng cách củng cố, tăng cường mạng lưới trình dược, mạng lưới cộng tác viên cùng với việc tạo mối quan hệ thường xuyên với các khách hàng để thăm dò thị trường, tìm hiểu thêm các thông tin phản hồi về sản phẩm của Công ty nhằm thực hiện tốt khẩu hiệu “Nadyphar chất lượng vì sức khỏe mọi nhà”.

Trong năm 2014 công ty đã phân phối 1.294 đối tượng khách hàng (Trong đó: Các Công ty Dược: 180; Các bệnh viện và trung tâm y tế: 76; nhà thuốc lẻ: 1.038). Song song với phân phối trong nước, công ty hiện tại đang phân phối tại thị trường Campuchia, đàm phán các hợp đồng cung cấp với các đối tác tiềm năng như Nam Phi, Myanmar, Đan Mạch....

5.3. Hơn 30 năm hình thành và phát triển, Công ty CPDP 2-9 (Nadyphar) là một trong những Công ty sản xuất thuốc chữa bệnh có uy tín tại Việt Nam. Trong năm 2014 và các năm trước Công ty đã đạt các danh hiệu như :

- Hàng Việt Nam chất lượng cao năm 2014
- Doanh nghiệp xanh 2013
- Danh hiệu sản phẩm Đảm bảo Chất lượng 2013 (mặt hàng Nadyfer).
- Thương hiệu mạnh Việt Nam 2013
- Thương hiệu Việt bền vững.
- Thương hiệu nổi tiếng 2006
- Thương hiệu Quốc tế- Việt Nam trên đường hội nhập
- Danh hiệu uy tín đáng tin cậy (2006-2007-2008)
- Tốp 100 thương hiệu uy tín chất lượng 2008
- Top ten hàng đầu hội nhập WTO (2009)
- Giải thưởng Ngôi Sao Chất Lượng Quốc Tế,
- Hàng Việt Nam Chất Lượng Cao nhiều năm liền (2001 đến 2012)

5.4. Sau khi Công ty được chuyển đổi sở hữu là Công ty Cổ phần, mục tiêu của Công ty luôn hướng đến việc lợi ích cho tất cả các bên liên quan trong đó bao gồm cổ đông Công ty. Công ty luôn tập trung vào các quan điểm :

- a. Công bằng, minh bạch, hài hoà giữa quyền lợi cổ đông và quyền lợi người lao động trong khuôn khổ tôn trọng pháp luật.
- b. Sử dụng vốn có hiệu quả và bảo toàn vốn, lấy lợi nhuận hợp pháp làm nền tảng cho mọi thu nhập của Công ty.
- c. Xem việc sản xuất Dược phẩm làm nền tảng cho phát triển chính của Công ty và chất lượng sản phẩm được đặt lên hàng đầu, đưa thương hiệu NADYPHAR đến với mọi người.
- d. Đầu tư hiệu quả trong các lĩnh vực khác.
- e. Từng bước mở rộng ngành nghề kinh doanh, phát triển mạng lưới và chi nhánh bán hàng, đồng thời củng cố đẩy mạnh phát triển thị trường, áp dụng linh hoạt các chính sách về giá cả, chi

phí hoa hồng, chiết khấu, tiếp thị cùng với các chính sách khen thưởng cho các mức độ công hiến phù hợp để tạo động lực phát huy hiệu quả trong SXKD.

5.5. Chiến lược phát triển trung hạn và dài hạn :

5.5.1. Nhiệm vụ chiến lược của Công ty là xây dựng Công ty trở thành một trong những Công ty Dược của Việt Nam phát triển vững mạnh toàn diện trong lĩnh vực SXKD Dược phẩm, đạt mức tăng trưởng lợi nhuận từ 10% /năm trở lên. Công ty tiếp tục ổn định và mở rộng quy mô sản xuất, thăm dò thị trường, tìm kiếm đối tác để hợp tác và gia công sản phẩm góp phần làm tăng hiệu quả của Công ty.

5.5.2. Mở rộng mạng lưới kinh doanh để tăng thêm thị trường tiêu thụ, tăng cường việc đầu tư nghiên cứu phát triển sản phẩm mới có chất lượng cao, đẩy mạnh sản xuất thực phẩm chức năng tại Nhà máy Q2 để đa dạng hóa sản phẩm.

5.5.3. Tập trung khai thác các mặt bằng hiện có một cách hiệu quả thông qua việc hợp tác kinh doanh đầu tư xây dựng cao ốc văn phòng, kho bãi.

5.5.4. Một số chiến lược cụ thể cho định hướng phát triển của Công ty cụ thể trong các hoạt động sau :

a. Hoạt động sản xuất, kinh doanh :

- Nâng cao năng lực SXKD, định hướng cho việc xuất khẩu dược phẩm, kinh doanh đa ngành nghề theo quy định của pháp luật,
- Kiểm soát chi phí chặt chẽ, sử dụng vốn có hiệu quả cao nhất để đầu tư máy móc thiết bị, ứng dụng các công nghệ tiên tiến để tăng năng suất lao động cung cấp những sản phẩm có chất lượng cao đạt tiêu chuẩn quốc tế, giá thành hợp lý nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao và khắt khe của thị trường trong, ngoài nước.
- Mở rộng và phát triển hệ thống phân phối sản phẩm, đa dạng hoá thị trường. Đẩy mạnh tham gia đầu thầu cung cấp thuốc cho khối điều trị tại các bệnh viện và các chương trình quốc gia.
- Tăng cường công tác sản xuất gia công dược phẩm, thực phẩm chức năng
- Xây dựng các chương trình quảng cáo đồng bộ, có hiệu quả, khuyến mãi và xây dựng giá cả phù hợp đến tay người tiêu dùng, nhiều năm qua tham gia thực hiện chương trình bình ổn giá của Sở Y Tế TP. Hồ Chí Minh.
- Nghiên cứu mặt hàng mới có nguồn gốc Dược liệu. Mặt hàng có chất lượng và giá trị điều trị cao, có sức cạnh tranh trên thị trường.
- Đã đưa vào hoạt động hệ thống kho đạt tiêu chuẩn GDP,GSP tại văn phòng Công ty 299/22 Lý Thường Kiệt.Trong năm 2014 hoàn tất việc nâng cấp kho 1D đạt tiêu chuẩn GDP,GSP nhằm hỗ trợ doanh thu cho hoạt động SXKD.
- Từng bước củng cố, tăng cường nghiên cứu sản phẩm là thực phẩm chức năng, nâng cao năng suất của dây chuyền sản xuất thực phẩm chức năng.
- Chuẩn bị các dự toán cho dây chuyền sản xuất thuốc đông dược

b. Hoạt động tiếp thị, quảng bá thương hiệu :

- Tăng cường tham gia chương trình bình ổn các mặt hàng dược phẩm thiết yếu trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh năm 2014 đến người dân, các cơ sở điều trị và các cơ sở bán thuốc
- Tiếp tục tăng cường tham gia chủ trương “ Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”, “Người Việt dùng thuốc Việt”.

- Xây dựng thương hiệu NADYPHAR bền vững, không ngừng mở rộng và giữ vững thị trường truyền thống, mở thêm thị trường mới sang Campuchia và các nước khác.
- Tăng cường việc tiếp thị ở thị trường nội địa, quốc tế thông qua các hình thức tham gia các hội chợ triển lãm nhằm giới thiệu sản phẩm và khuyến khích thương hiệu trên các kênh thông tin cũng như trên các diễn đàn thiết thực và có hiệu quả.
- Mở rộng quan hệ công chúng, chăm sóc khách hàng chu đáo, tổ chức Hội nghị khách hàng hàng năm. Tổng kết hoạt động của Gia đình Nadyphar và tổ chức cho các thành viên tham quan du lịch theo tiêu chuẩn.
- Tham gia các hiệp hội, ngành hàng, các tổ chức chuyên môn, các hội nghề nghiệp để tìm cơ hội hợp tác đầu tư, phát hành Catalog giới thiệu sản phẩm, đưa thông tin sản phẩm vào các tài liệu khoa học để hướng dẫn, giới thiệu sản phẩm cùng với việc cung cấp đầy đủ thông tin về sản phẩm cho giới điều trị và người tiêu dùng.

c. Hoạt động tài chính :

- Duy trì hệ thống tài chính lành mạnh và ổn định, sử dụng các quỹ tài chính của Công ty đúng mục đích, có hiệu quả và có tái tạo thặng dư bổ sung nguồn vốn phát triển ngày càng nhiều hơn.
- Công tác kế toán luôn tuân thủ Luật Kế Toán, Luật Quản Lý Thuế. Cập nhật thường xuyên và hiệu chỉnh kịp thời các thay đổi chính sách thuế của Nhà nước quy định.
- Thực hiện báo cáo định kỳ cho Cơ Quan Thuế, Chi Cục Thống Kê, Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước.
- Tích cực tìm kiếm các nguồn vốn tài trợ, đầu tư có mức chi phí thấp để hỗ trợ bổ sung hiệu quả trong kinh doanh.

d. Nguồn nhân lực :

- Tăng cường phát triển nguồn nhân lực, chú trọng bồi dưỡng kiến thức chuyên môn nghiệp vụ đối với Cán bộ lãnh đạo, Cán bộ quản lý và đội ngũ công nhân viên phù hợp với yêu cầu mới. Xây dựng chính sách trọng dụng nhân tài, thu hút chất xám phục vụ cho nhu cầu ngày càng phát triển của Công ty.
- Tổ chức các khóa huấn luyện đào tạo cho Cán bộ, công nhân viên về chuyên môn theo sự hỗ trợ các đơn vị cùng ngành liên quan.
- Tuyển dụng, đào tạo đội ngũ công nhân kỹ thuật lành nghề và cán bộ quản lý có năng lực, trình độ đủ đảm đương nhiệm vụ. Trẻ hóa từng bước đội ngũ cán bộ của Công ty, chú trọng tới việc đào tạo đội ngũ cán bộ kế thừa. Có chính sách lương, thưởng hợp lý
- Nghiêm túc tuân thủ các nội quy, quy định của pháp luật nhà nước như: Luật DN, Luật lao động 2012, Luật BHXH, Luật Việc làm...

6. Các rủi ro :

- Thị trường Việt Nam đang trong giai đoạn hội nhập, sự cạnh tranh quyết liệt và gay gắt giữa các doanh nghiệp trong nước đặc biệt là sự cạnh tranh giữa doanh nghiệp trong nước và ngoài nước trong lĩnh vực đầu thầu và cung ứng thuốc.
- Các chế độ, chính sách quản lý chuyên ngành ban hành ngày càng khắt khe.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM :

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh :

a. Sản lượng tiêu thụ :

BẢNG TÓM TẮT SẢN LƯỢNG TIÊU THỤ

Stt	Sản phẩm	Đvt	Năm 2013	Năm 2014	Tỷ lệ
1	Thuốc Viên	Viên	236.274.002	256.297.128	108,48%
2	Thuốc ống uống	ống	15.776.916	13.775.514	87,31%
3	Thuốc nước	Lít	3.080	18.063	586,46%
4	Dầu nước	Lít	366	655	178,96%
5	Thuốc bột	Kg	32.223	28.684	89,02%
6	Thuốc cốm	Kg	78.913	64.681	81,97%
7	Phấn	Kg	8.863	10.800	121,86%
8	Thuốc mỡ	Kg	480	317	66,04%

b. Thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014 :

THỰC HIỆN SẢN XUẤT KINH DOANH

Nội dung	Thực hiện 2013	Thực hiện 2014	So với năm trước
Tổng doanh thu & TN khác	143.221.694.975	137.227.842.040	95,82%
Lợi nhuận trước thuế	26.171.522.004	28.171.049.623	107,64%
Lợi nhuận sau thuế	19.604.478.977	21.902.347.385	111,72%
Nộp ngân sách	17.137.221.347	15.570.986.287	90,86%
Tỷ lệ chia cổ tức	17%	18%	
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.532	3.946	111,72%

2. Tổ chức và nhân sự :

2.1. Danh sách Ban điều hành :

BẢNG TÓM TẮT CHỨC DANH – LÝ LỊCH BAN ĐIỀU HÀNH

Chức danh	Tóm tắt lý lịch	Số cổ phần biểu quyết
Tổng Giám Đốc DS.Cáp Hữu Ánh	* Họ và tên : CÁP HỮU ÁNH * Giới tính : Nam * Trình độ văn hóa : 12/12 * Trình độ chuyên môn : Dược sĩ ĐH – Dược sĩ chuyên khoa I. * Chức vụ công tác hiện nay : - Từ 06/2011 là Phó Chủ tịch HĐQT Cty CPDP 2-9 (NaDyPhar) nhiệm kỳ III (2011 – 2015) - Tổng Giám Đốc Cty CPDP 2-9. - Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên Công Ty TNHH Đầu Tư Nam Thiên Phát. - Phó Chủ Tịch HĐQT Cty CP XNK Y Tế (Yteco). - Phó Chủ Tịch Hội Dược Học Thành phố.	Số cổ phần cá nhân tại Cty CPDP 2-9 : 83.725CP (1.51%)
P.Tổng Giám Đốc – Giám Đốc Nhân Sự DS.Trương Thị Thái Hòa	* Họ và tên : TRƯƠNG THỊ THÁI HÒA * Giới tính : Nữ * Trình độ văn hóa : 12/12 * Trình độ chuyên môn : Dược sĩ Đại học. * Chức vụ hiện nay : - Thành viên HĐQT Cty CPDP 2-9 nhiệm kỳ III (2011 – 2015) - Phó Tổng Giám Đốc – Giám Đốc Nhân Sự Cty CPDP 2-9.	Số cổ phần cá nhân tại Cty CPDP 2-9 : 41.575CP (0.75%)
P.Tổng giám Đốc – Giám Đốc Tài Chính kiêm Kế Toán Trưởng CN.Trịnh Bích Dung	* Họ và tên : TRỊNH BÍCH DUNG * Giới tính : Nữ * Trình độ văn hóa : 12/12 - Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế. * Chức vụ công tác hiện nay : - Thành viên HĐQT Cty CPDP 2-9 nhiệm kỳ III (2011 – 2015). - Phó Tổng Giám Đốc – Giám Đốc Tài Chính Kiêm Kế Toán Trưởng Cty CPDP 2-9.	Số cổ phần cá nhân tại Cty CPDP 2-9 : 46.397CP (0.84%)
P.Tổng Giám Đốc – Phụ Trách Nhà Máy DS.Bùi Ngọc Thắng	* Họ và tên : BÙI NGỌC THẮNG * Giới tính : Nam * Trình độ văn hóa : 12/12	Số cổ phần cá nhân tại Cty CPDP 2-9 : 34.522CP (0.62%)

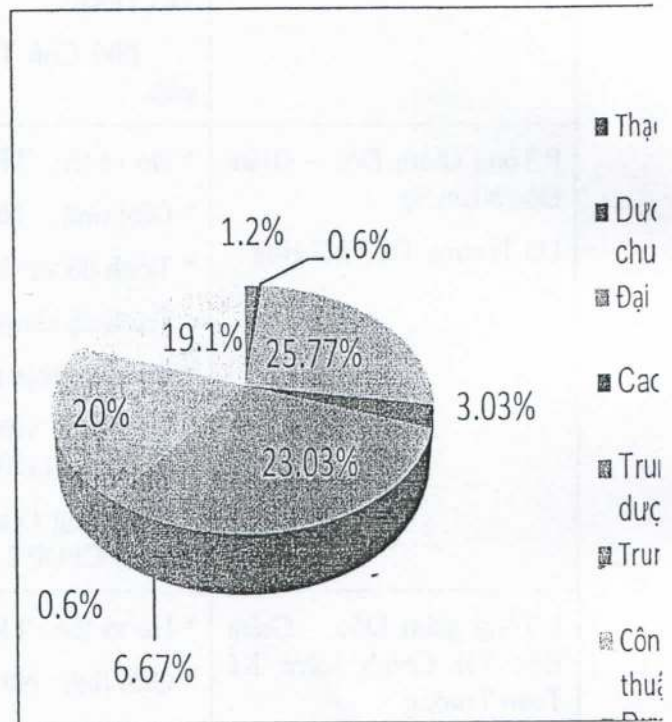
	* Trình độ chuyên môn : Dược sĩ Đại học. * Chức vụ công tác hiện nay : - Thành viên HĐQT Cty CPDP 2-9 nhiệm kỳ III (2011 – 2015). - Phó Tổng Giám Đốc phụ trách Nhà máy Cty CPDP 2-9.	
--	--	--

2.2. Số lượng người lao động trong Công ty :

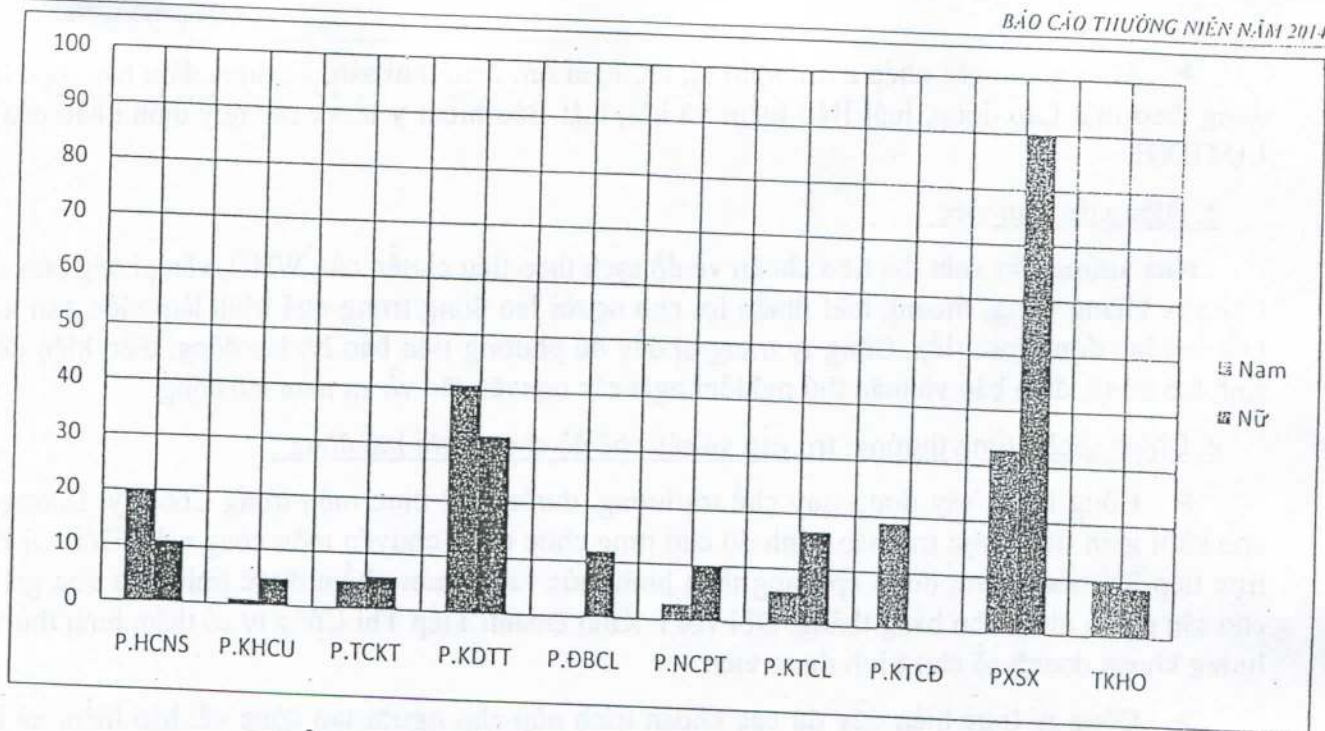
Tính đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, tổng số lao động của Công ty là 330 người. Cơ cấu lao động phân chia theo trình độ như sau :

BẢNG CƠ CẤU LAO ĐỘNG THEO TRÌNH ĐỘ

Trình độ	Số người	Tỷ lệ
Thạc sĩ	4	1.2%
Dược sĩ chuyên khoa	2	0.6%
Đại học	85	25.77%
- Đại học Dược	23	
- Đại học Kinh tế	28	
- Đại học cơ khí	7	
- Đại học khác	27	
Cao đẳng	10	3.03%
Trung cấp dược	76	23.03%
Trung cấp khác	22	6.67%
Công nhân kỹ thuật	2	0.6%
Dược tá	66	20%
Tốt nghiệp PTTH	63	19,1%
Tổng cộng	330	100%



CƠ CẤU GIỚI TÍNH THEO PHÒNG BAN



BẢNG CƠ CẤU TRÌNH ĐỘ THEO PHÒNG BAN

Đơn vị	Tổng số	Nam	Nữ	Trên ĐH	ĐH Được	ĐH Khác	CĐ	TC Được	TC Khác	Được tá	Sơ cấp khác	Phổ thông
P.HCNS	31	20	11	2	1	7	0	0	6	0	0	15
P.KHCÚ	6	1	5	0	1	4	0	1	0	0	0	0
P.TCKT	11	05	6	1	0	9	1	0	0	0	0	0
P.KDTT	73	41	32	0	2	14	2	21	3	12	0	19
P.ĐBCL	12	0	12	0	4	0	1	7	0	0	0	0
P.NCPT	13	03	10	1	5	1	0	5	1	0	0	0
P.KTCL	23	06	17	2	1	17	0	3	0	0	0	0
P.KTCĐ	19	19	0	0	0	8	3	0	5	0	1	2
PX	123	33	90	0	7	1	3	31	6	52	1	22
T. Kho	19	10	9	0	2	1	0	8	1	2	0	5
	330	138	192	6	23	62	10	76	22	66	02	63

c. Theo cơ cấu trên, số cán bộ công nhân viên có trình độ Đại học và trên Đại học chiếm 27,77 % tổng số lao động Công ty và là lực lượng nòng cốt để Công ty thực hiện các chiến lược phát triển trong tương lai.

2.3. Chính sách đối với người lao động:

Công ty thực hiện các chế độ, chính sách đối với người lao động đúng theo Luật lao động, Luật BHXH và các quy định của Nhà Nước.

a. Chế độ làm việc:

- Thời gian làm việc 44 giờ/tuần.
- Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo đúng quy định của Luật Lao Động cùng với các chính sách đãi ngộ của Công ty như tiền ăn giữa ca, chế độ độc hại, bồi dưỡng nặng nhọc.

➤ Thời gian nghỉ phép năm, nghỉ lễ, tết, nghỉ ốm đau, thai sản,... được đảm bảo thực hiện đúng theo luật Lao động, luật Bảo hiểm xã hội, luật Bảo hiểm y tế và các quy định khác của Bộ LĐTBXH.

b. Điều kiện làm việc:

Nhà xưởng sản xuất đạt tiêu chuẩn về độ sạch theo tiêu chuẩn của WHO, văn phòng làm việc Công ty khang trang, thoáng mát thuận lợi cho người lao động trong quá trình làm việc, sản xuất. Đối với lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động, điều kiện vệ sinh lao động, đảm bảo và tuân thủ nghiêm ngặt các nguyên tắc về an toàn lao động.

c. Chính sách lương thưởng, trợ cấp và các chế độ cho người lao động :

➤ Công ty đã xây dựng quy chế trả lương, thưởng để thực hiện trong Công ty. Lương trả cho khối gián tiếp được trả theo trình độ cho từng chức danh chuyên môn công việc. Đối với khối trực tiếp SX tiền lương được áp dụng theo hình thức lương sản phẩm được tính theo đơn giá SP cho sản phẩm nhập kho hàng tháng. Đối với P.Kinh Doanh Tiếp Thị Công ty có thêm hình thức trả lương khoán doanh số cho trình được viên.

➤ Công ty thực hiện đầy đủ các khoản trích nộp cho người lao động về: bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, song song với việc trích nộp, Công ty đảm bảo thực hiện đúng và đầy đủ việc chi trả về các chính sách chế độ theo qui định của Nhà Nước cho người lao động cũng như Nội quy lao động, Thỏa ước lao động tập thể của Công ty. Ngoài ra Công ty cũng thực hiện các chế độ trợ cấp khó khăn, chế độ thăm hỏi khi người lao động ốm đau, hoàn cảnh gia đình có khó khăn và các chế độ khác như cưới hỏi, ma chay v.v... Năm 2014 Công ty đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn thể Cán bộ công nhân viên và tổ chức cho CBCNV đi nghỉ mát tại Vũng tàu

➤ Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty góp phần tăng hiệu quả trong SXKD đối việc tăng năng suất, chất lượng hoàn thành công việc. Hàng năm, Công ty tổ chức tổng kết và khen thưởng cán bộ công nhân viên với các hình thức: Thưởng sáng kiến, Thưởng các danh hiệu (Lao động tiên tiến, Chiến sĩ thi đua, Thưởng ABC), Thưởng tập thể với các danh hiệu (Tập thể lao động xuất sắc, Tập thể lao động tiên tiến)

➤ Năm 2014 mức thu nhập bình quân của CBCNV công ty là 7.833.542 đồng /người/tháng.

d. Chính sách thu hút đào tạo nguồn nhân lực:

Công ty đã chú trọng việc đào tạo và tái đào tạo liên tục đội ngũ trẻ để kế thừa, đẩy mạnh các hoạt động về đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là những kiến thức và kỹ năng về GMP - GLP - GSP, GDP, kỹ năng về quản lý, kỹ năng về chuyên môn nghiệp vụ. Việc đào tạo tại Công ty được thực hiện như sau :

➤ Đào tạo CNV mới tuyển: Sau khi tuyển dụng, công nhân viên mới tuyển đều được đào tạo để nắm được các yêu cầu cơ bản về: quá trình hình thành Công ty, cơ cấu hoạt động Công ty, mục tiêu cũng như những quy định trong sản xuất và tác nghiệp.

➤ Đào tạo hàng năm: Căn cứ nhu cầu hoạt động của Công ty về năng lực, trình độ cán bộ, mức độ gắn bó với Công ty, hàng năm Công ty định ra kế hoạch đào tạo dưới nhiều hình thức : cử đi đào tạo, tham gia các khóa học bồi dưỡng, đào tạo tại chỗ bằng các khóa chuyên đề, huấn luyện nội bộ hoặc kết hợp với các tổ chức chuyên nghiệp bên ngoài. Trong năm 2014 Công ty đã gửi đi tập huấn các lớp : Giám đốc Nhân sự, thuế thu nhập cá nhân, các thực hành GPs, nghiệp vụ đấu thầu, chuẩn bị hồ sơ đăng ký thuốc, marketing du kích vv...

➤ Công ty thực hiện việc tổ chức các lớp học nâng bậc tay nghề cho CNSX khi đến hạn nâng lương nhằm nâng cao trình độ tay nghề cho Công nhân.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

3.1. Các khoản đầu tư lớn :

a. Các dự án đầu tư các công trình xây dựng :

➤ Công trình liên doanh xây dựng Cao ốc văn phòng, trung tâm thương mại 136 Lý Chính Thắng của Công ty TNHH Đầu tư Nam Thiên Phát :

- Đã được Sở Xây Dựng TP.Hồ Chí Minh cấp Giấy phép xây dựng số 08/GPXD ngày 12-01-2011.

- Đã xin gia hạn Giấy phép xây dựng lần 2 : Từ ngày 12-01-2013 đến 12-01-2014. Công trình đang trong giai đoạn đấu thầu chọn nhà thầu thi công phần ngầm gồm 04 tầng hầm. dự kiến trong Quý III/2014 khởi công. Tuy nhiên trong quá trình triển khai thực hiện, chính sách nhà đất của nhà nước thay đổi quá lớn.HĐQT công ty đang đàm phán để sang nhượng dự án.

➤ Dự án công trình hợp tác liên doanh tại 90 Hùng vương , Q 5. TPHCM

HĐQT đã thống nhất chọn giải pháp sang nhượng dự án cho Cty TNHH GB Pharma (chuyển nhượng tài sản trên đất). Đã ký hợp đồng và đang tiến hành làm các thủ tục chuyển nhượng.

➤ Mặt bằng số 5 Kinh Dương Vương đã ký hợp đồng với Thẻ giới di động 10 năm kể từ ngày 28/12/2014.

➤ Đã hoàn thành Dự án đầu tư sửa chữa kho 299/22 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, Tp HCM. Đã xét duyệt xong GDP,GSP kho 1C và đã đưa vào sử dụng 04 kho (Kho 1A, kho 1B, kho 1C và kho 1D)

➤ Lập dự án tiền khả thi xây dựng dây chuyền mới để sản xuất dược liệu đạt tiêu chuẩn GMP

b. Sửa chữa, bảo trì các công trình xây dựng nhà máy, xét duyệt GMP :

➤ Đã hoàn thành các công tác sửa chữa, cải tạo, bảo trì, nâng cấp mở rộng các công trình đã xây dựng tại nhà máy, nhằm phát huy tác dụng sử dụng và hiệu quả kinh tế cao, luôn được Công ty quan tâm thực hiện, đã xét duyệt định kỳ các tiêu chuẩn GPs, lần thứ IV, vào đầu tháng 5/2013.

3.2. Công ty TNHH Đầu Tư Nam Thiên Phát:

➤ Vốn điều lệ : 60.000.000.000VNĐ

➤ Tỷ lệ góp vốn của Cty CPDP 2-9 40% tương đương 24.000.000.000VNĐ đã góp 14.760.000.000VNĐ.

➤ Tỷ lệ góp vốn của Cty XDTMDV G.B 60% tương đương 36.000.000.000 VNĐ đã góp 22.140.000.000VNĐ

4. Tình hình tài chính :

4.1. Tình hình tài chính :

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	So năm trước

* Tổng giá trị tài sản	173.759.433.471	161.796.495.595	93,12%
* Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	142.543.808.022	136.517.018.929	95,77%
* Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	26.121.892.355	28.135.673.813	107,71%
* Lợi nhuận khác	49.629.649	35.375.810	71,28%
* Lợi nhuận trước thuế	26.171.522.004	28.171.049.623	107,64%
* Lợi nhuận sau thuế	19.604.478.977	21.902.347.385	111,72%
* Nộp ngân sách	17.137.221.347	15.570.986.287	90,86%
* Tỷ lệ chia cổ tức	17%	18%	

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu :

CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

Các chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
* Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	1,47 lần	1,73 lần	
* Hệ số thanh toán nhanh ((TSLĐ – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn)	0,77 lần	0,93 lần	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
* Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,35	0,29	
* Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	0,54	0,40	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
* Vòng quay hàng tồn kho (vòng)	2,24	2,23	
* Doanh thu thuần/tổng tài sản	0,82	0,81	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu :

5.1. Cổ phần :

- Tổng số cổ phần : 5.550.000CP
- Loại cổ phần lưu hành : cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do : 5.550.000CP
- Số lượng cổ phần bị hạn chế : 0CP

5.2. Cơ cấu cổ đông :

- Tổng số cổ đông : 385 người (kèm theo danh sách)

BẢNG TỶ LỆ CỔ PHẦN SỞ HỮU CỦA CÁC CỔ ĐÔNG

S T T	CỔ ĐÔNG SỞ HỮU	SỐ CP SỞ HỮU	TỶ LỆ SO VỚI VỐN ĐIỀU LỆ (%)
I	CỔ ĐÔNG LỚN	2,786,175	50.20
a	Cổ đông đại diện vốn nhà nước	1,609,500	29
b	Cổ đông là tổ chức (Công ty Cổ Phần Xây Dựng Thương Mại Dịch Vụ G.B Sài Gòn)	555.958	10.02
c	Cổ đông là cá nhân:	620,717	
1	C 409 Ngô Thị Cẩm Ly	233,610	4.21
2	C 340 Nguyễn Thanh Huyền	121,692	2.19
3	C 355 Trần Văn Đạt	101,913	1.84
4	B 449 Cáp Hữu Ánh	83,725	1.51
5	B 171 Đinh Thị Mỹ Linh	79,777	1.44
II	CỔ ĐÔNG KHÁC	2,763,825	49.80
TỔNG CỘNG		5,550,000	100 %

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh :

Năm 2014, ngành Dược Phẩm, vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức, sức mua thấp, hàng hóa tiêu thụ chậm, cạnh tranh ngày càng gay gắt, quyết liệt..., đặc biệt trong lĩnh vực đấu thầu, cung ứng thuốc. Nhiều yếu tố tác động đến tình hình SX- KD, chính sách và môi trường pháp lý chưa ổn định; ví dụ, chính sách đấu thầu thuốc theo thông tư 01/ Bộ Y Tế chưa thật sự tạo điều kiện ưu tiên cho thuốc SX trong nước.

Hạn chế của Công ty là danh mục sản xuất thuốc tăng chậm, mà lại giảm đi các mặt hàng chiến lược như Euquimol ..., các mặt hàng khác thì bị cạnh tranh quyết liệt như Pecaldex... mặc

đủ thuốc của Công ty có chất lượng đảm bảo, có uy tín với khách hàng, nhưng giá cao, khó cho công tác đầu thầu.

Tuy nhiên trong năm 2014, Công Ty tiếp tục phát huy ưu điểm trong việc chọn lọc sản phẩm trong sản xuất- kinh doanh, ngưng các sản phẩm bị lỗ và tăng cường các sản phẩm có doanh thu và lợi nhuận cao, cho nên mặc dù doanh thu có giảm, không đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra, nhưng lợi nhuận vẫn đạt chỉ tiêu kế hoạch.” +Điểm nổi bật trong năm 2014 là công tác cung ứng nguyên liệu, vật tư, bao bì đã có nhiều biện pháp để cải tiến và làm tốt hơn hẳn các năm trước, công tác hoạch định tồn kho và cung ứng NL-VT đã có tiến bộ đáng kể, góp phần tiết kiệm, giảm chi phí trong SX-KD và tăng lợi nhuận cho Công ty.

➤ CBCNV đã có nhiều cố gắng tích cực, chủ động sáng tạo góp phần nâng cao hiệu quả công tác.

➤ Sự phối hợp chặt chẽ nhuần nhuyễn giữa Ban Tổng giám đốc và các đoàn thể trong công ty góp phần thúc đẩy các phong trào thi đua hoàn thành nhiệm vụ công tác.

➤ Lao động có trình độ chiếm tỷ lệ cao trong tổng số lực lượng lao động, kỹ năng lao động ngày càng đáp ứng nhu cầu hơn 85% số lao động được sử dụng đúng trình độ và đảm nhận được các vị trí công việc phức tạp điều này ảnh hưởng và tác động rất lớn tới năng suất, chất lượng và hiệu quả lao động.

➤ Quan hệ lao động hài hòa, thu nhập người lao động có chuyển biến, định mức lao động, đơn giá sản phẩm sát với thực tế có căn cứ khoa học để sắp xếp lao động hợp lý hơn và nâng cao hiệu quả các thiết bị đã đầu tư.

➤ HĐQT sâu sát, kịp thời chỉ đạo để nâng cao hiệu quả đầu tư tài chính, hoạt động SXKD, thu nhập người lao động và đảm bảo tỷ lệ chia cổ tức cho cổ đông.

➤ CBCNV người lao động Công ty đã có nhiều cố gắng tích cực, chủ động, sáng tạo góp phần nâng cao hiệu quả công tác của Công ty.

1.1. Sản xuất và tiêu thụ sản phẩm :

➤ Không sản xuất kinh doanh các sản phẩm lỗ, kém hiệu quả, bỏ quy cách đóng gói không phù hợp.

➤ Doanh thu và thụ nhập khác: 137,23 tỷ VNĐ đạt 85 % kế hoạch bằng 95,82 % so với năm 2013. Trong đó doanh thu dược phẩm là 130,75 tỷ đồng đạt 84% kế hoạch và 95% so với năm 2013.

➤ Lợi nhuận trước thuế : 28,17 tỷ VNĐ đạt 101% kế hoạch bằng 107,64% so với năm trước.

➤ Doanh thu năm nay chưa khả quan, lợi thế là “ ưu tiên sử dụng thuốc Việt” trong khối điều trị, Công ty đã tăng cường công tác trình dược, tiếp thị nhưng không xoay chuyển trong tình thế giảm cầu, bên cạnh những khuyến mãi đồng loạt của thị trường dược phẩm.

➤ Để có giá thầu cạnh tranh cung ứng thuốc theo Thông tư 01 cần giảm giá nguyên liệu, tá dược..., qui trình sản xuất gọn, ít tiêu hao năng lượng, năng suất cao, giá nhân công rẻ.

1.2. Công tác nghiên cứu phát triển và quản lý chất lượng :

➤ Công ty đã vận dụng thế mạnh của dược liệu và cuộc vận động “Người Việt dùng thuốc Việt” để triển khai các sản phẩm mới có chất lượng cao phục vụ cho sức khỏe mọi nhà song do điều kiện khách quan và khối lượng công việc khá nhiều nên chưa thực hiện hết tiến độ dự kiến.

➤ Trong năm đã đăng ký lại 19 sản phẩm, đăng ký mới 12 sản phẩm, triển khai sản xuất 5 sản phẩm mới(2 mặt hàng thuốc và 3 mặt hàng thực phẩm chức năng. Xây dựng tiêu chuẩn mặt

hàng mới:05 mặt hàng. Thiết kế và cải tiến bao bì phù hợp nhiều sản phẩm và đề ra biện pháp khắc phục sự cố, đảm bảo sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng khi xuất xưởng.

➤ Cải tiến ổn định quy trình sản xuất, điều chỉnh sử dụng thiết bị phù hợp để giảm thời gian lao động.

1.3. Công tác tài chính kế toán :

➤ Cân đối vốn, góp phần tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh, không để xảy ra thất thoát, quản lý quỹ tiền mặt an toàn, chính xác.

➤ Theo dõi lập kế hoạch và thu hồi công nợ đầy đủ, nhanh chóng đảm bảo hiệu quả sử dụng nguồn vốn.

➤ Hướng dẫn các phòng ban chức năng thực hiện đúng quy chế tài chính, kiểm tra tính hợp lệ của tất cả các loại chứng từ, hoàn chỉnh thủ tục kế toán trước khi trình duyệt.

➤ Lập và nộp báo cáo tài chính đúng, đủ, kịp thời cho các cơ quan thẩm quyền theo đúng chế độ quy định của nhà nước.

➤ Nộp ngân sách, trả nợ vay đúng hạn, không để xảy ra nợ quá hạn.

➤ Tuân thủ luật kế toán, cập nhật, hiệu chỉnh kịp thời các thay đổi về chính sách thuế, ghi chép và hạch toán đúng, đầy đủ các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh phù hợp với quy định của nhà nước và quy chế quản lý tài chính của Công ty.

1.4. Công tác quan hệ công chúng :

➤ Xây dựng quan hệ hành chính, tiếp xúc tốt với chính quyền địa phương, với cơ quan quản lý Nhà nước, với ngân hàng, với các Đoàn thể cấp trên để Công ty thực hiện đúng quy định pháp luật, trách nhiệm xã hội, văn hóa kinh doanh, xây dựng quan hệ lao động hài hòa, bảo vệ môi trường và tham gia các hoạt động xã hội khác.

➤ Tiếp xúc với cơ quan truyền thông để quảng bá thương hiệu, sản phẩm Việt Nadyphar, luôn lắng nghe và trao đổi với khách hàng để tìm kiếm cơ hội hợp tác KD, phát triển sản phẩm.

➤ Tạo lập thương hiệu, hình ảnh và ấn tượng tốt đẹp về Nadyphar trong lòng cổ đông, cán bộ, nhân viên và công chúng.

1.5. Công tác kiểm soát nội bộ :

➤ Công ty tuân thủ hệ thống kiểm soát nội bộ, được kiểm tra giám sát để quản trị rủi ro, sai sót, đảm bảo chính xác các số liệu kế toán và báo cáo tài chính.

➤ Tăng cường công tác kiểm soát bán hàng, mua hàng, tồn kho, tài sản cố định, tiền mặt, tài khoản ngân hàng, hệ thống các dữ liệu và tài liệu.

1.6. Công tác chăm lo đời sống CBCNV :

➤ Công ty đảm bảo thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách hiện hành của Nhà nước dành cho người lao động, luôn quan tâm thực hiện chế độ chính sách phù hợp đối với lao động nữ, lao động cao tuổi, lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao. Thực hiện các chế độ phụ cấp độc hại, tiền ăn giữa ca phù hợp trượt giá.

➤ Điều chỉnh định mức lao động khoa học, hợp lý, bình đẳng, lập kế hoạch biện pháp an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp và chăm lo cải thiện điều kiện làm việc, trang bị đầy đủ phương tiện BHLĐ để bảo vệ con người, sản phẩm và môi trường. Có trách nhiệm đào tạo, huấn luyện, hướng dẫn người lao động thực hiện đúng các qui định về thực hành tốt GPs, an toàn lao động, vệ sinh lao động, xây dựng và ban hành các nội quy về an toàn lao động, vệ sinh lao động, nội qui vận hành máy móc thiết bị, ngăn ngừa nguy cơ tai nạn, nguy hiểm, độc hại...

➤ Công ty đã xây dựng đội ngũ công nhân nâng cao nhận thức pháp luật, chuyên môn và bản lĩnh chính trị đã khen thưởng. Đã khen thưởng động viên kịp thời người lao động hoàn thành vượt mức kế hoạch năm 2014. Lao động xuất sắc đạt 10% tổng số CBCNV, có 2 chiến sĩ thi đua, 8 tổ và 9 tập thể phòng ban là lao động tiên tiến.

➤ Tăng tiền thưởng tết, quà tết, lì xì, sinh nhật cho người lao động.

➤ Công ty được tặng Bằng khen của UBNDTP, Công đoàn cơ sở nhận cờ thi đua, Chủ tịch CĐ nhận bằng khen của LĐLĐ TP, và nhiều giấy khen của Công đoàn cấp trên.

1.7. Công tác hành chính nhân sự :

➤ Kỹ năng lao động ngày càng đáp ứng nhu cầu, hơn 90% số lao động được sử dụng đúng trình độ và đảm nhận được các vị trí công việc phức tạp.

➤ Quan hệ lao động hài hòa, định mức lao động, đơn giá sản phẩm sát với thực tế, sắp xếp lao động hợp lý.

➤ Công ty rất quan tâm về công tác đào tạo, huấn luyện đội ngũ kế thừa, thường xuyên lưu ý công tác PCCC, cứu nạn và công tác y tế cơ sở, phòng chống bệnh nghề nghiệp.

➤ Tổ chức khám sức khỏe định kỳ, đóng bảo hiểm y tế, BHXH cho người lao động.

➤ Tổ chức sơ kết, tổng kết năm, hội nghị người lao động hàng năm nhằm xây dựng quan hệ lao động hài hòa, tăng cường trách nhiệm hai bên (người sử dụng lao động, tăng hiệu quả làm việc của đội ngũ nhân viên) và nâng cao hiệu quả các thiết bị đã đầu tư.

2. Tình hình tài chính :

2.1. Tình hình tài sản :

Do những khó khăn chung của nền kinh tế trong đó có ngành dược, năm 2014 doanh thu chỉ bằng hơn 95% so với năm 2013. Do qui mô kinh doanh giảm, tổng tài sản năm 2014 cũng giảm so với năm 2013 từ 173,8 tỷ xuống 161,8 tỷ (giảm 12 tỷ khoảng 6,9 %). Nhưng đi sâu vào chi tiết, việc giảm này lại mang ý nghĩa tích cực, là kết quả cụ thể của sự thành công trong quản trị cung ứng vật tư, hàng tồn kho cũng như quản lý công nợ theo đó:

+ Hàng tồn kho giảm từ 37 tỷ (2013) xuống còn 33 tỷ (2014) (hơn 10%), trong đó dự phòng giảm giá hàng tồn kho từ 600 triệu xuống hơn 400 triệu; cho thấy việc kế hoạch hóa cung ứng nguyên liệu, dự trữ thành phẩm khá hiệu quả không chỉ về số lượng mà cả chất lượng (giảm hàng cận hạn sử dụng ...) qua đó giảm ứ đọng vốn, đẩy nhanh vòng quay hàng tồn kho.

+ Nợ phải thu giảm từ 26,3 tỷ (2013) giảm xuống còn 24 tỷ (2014), số ngày thu tiền bình quân giảm 70 ngày xuống 62 ngày. Trong điều kiện công nợ chông chéo phức tạp và cạnh tranh gay gắt hiện nay của thị trường dược, thành quả này là điểm sáng đáng trân trọng và cần được phát huy. Nó làm giảm sự chiếm dụng vốn từ khách hàng, giải quyết áp lực tài chính cho công ty

2.2 Tình hình nguồn vốn

Về tình hình nguồn vốn, có sự thay đổi đáng kể về chất. Dù Công ty vẫn thanh toán đúng hạn, đầy đủ để giữ chân, duy trì quan hệ với các nhà cung cấp có năng lực tốt,

+ Nợ phải giảm rất đáng kể (57,8 tỷ năm 2013 xuống còn 38,3 tỷ năm 2014), trong đó chủ yếu là nợ vay ngắn hạn giảm từ 24 tỷ (2013) chỉ còn hơn 5 tỷ (cuối tháng 12/2014), giảm đến hơn 75%. Mặt khác nợ dài hạn cũng giảm 40%.

+ Tỷ số nợ phải trên vốn chủ sở hữu giảm 0,54 xuống 0,4

+ Tỷ số nợ phải trả trên tổng tài sản giảm 0,35 xuống 0,29

Một lần nữa, ta lại thấy hiệu quả công tác quản trị trong nhiều lĩnh vực không chỉ lành mạnh hóa tình hình tài chính của Công ty mà còn giúp giảm bớt sự phụ thuộc vào nợ vay Ngân hàng, tiết kiệm chi phí lãi vay.

2.3 Đánh giá tình hình tài chính

Với những phân tích như đã trình bày trên, trong hoàn cảnh tình hình kinh doanh vẫn đang gặp phải những khó khăn nhất định về doanh thu, công tác quản trị tài chính của công ty năm 2014 có sự đóng góp đáng kể trong việc hoàn thành kế hoạch lợi nhuận của Công ty, đảm bảo tỷ lệ trả cổ tức đạt và vượt nghị quyết của Đại hội cổ đông.

+ Các chỉ tiêu về chỉ số sinh lời cụ thể như sau :

Tỷ suất sinh lợi trên doanh thu (ROS): tăng từ 13,75% (2013) lên 16,04% (2014)

Tỷ suất sinh lợi trên vốn chủ sở hữu (ROE) : tăng từ 17,3% (2013) lên 18,3% (2014)

Tỷ suất sinh lợi trên tổng tài sản (ROA) : tăng từ 11,23% (2013) lên 13,05% (2014)

Điều này là một sự khởi sắc tốt bởi nền kinh tế năm 2014 có nhiều biến động, bản thân công ty để vượt qua sự khó khăn đó đã là một sự nỗ lực rất lớn. Dù vậy Công ty vẫn nhận thấy cần phải nỗ lực hơn nữa thực hiện nhiều biện pháp kinh doanh, tài chính để đạt sự tăng trưởng “ ổn định , bền vững”.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY:

1. Đánh giá về các mặt hoạt động của Công ty :

➤ Năm 2014 được đánh giá nhận định là năm có chuyển biến tích cực hơn trong nền kinh tế toàn cầu và trong nước. Tuy có triển vọng sáng sủa khởi sắc hơn nhưng vẫn chưa thoát khỏi các khó khăn thách thức trong nền kinh tế đất nước.

➤ Chính sách của nhà nước về thuế đất và thuế sử dụng mặt bằng, đất đai tăng quá cao gây khó khăn cho hoạt động sản xuất và giảm lợi nhuận, ảnh hưởng đến tiến độ các dự án đầu tư về đất đai, mặt bằng. Tuy nhiên trong năm 2014 công ty được giảm thuế đất giúp cho doanh nghiệp giảm bớt khó khăn

➤ Kế hoạch sản xuất kinh doanh đạt chưa cao nhưng các chỉ tiêu quan trọng đều đạt và vượt các chỉ tiêu cùng kỳ đề ra.

➤ Công ty chậm đưa vào các sản phẩm mới, các sản phẩm là thực phẩm chức năng nhằm đa dạng hóa sản phẩm, góp phần tăng doanh số.

➤ Một số thời điểm không đủ hàng để đáp ứng nhu cầu của khách hàng.

➤ Công tác SXKD đã thực hiện Quy chế hoạch định tồn kho, tập trung sản xuất và tiêu thụ các mặt hàng chiến lược có doanh thu và lợi nhuận cao, hạn chế sản xuất các mặt hàng gây lỗ.

➤ Các dự án bị chậm do nhiều lý do khách quan nhưng công ty cần triển khai tích cực hơn nữa.

➤ Hoạt động tài chính, chi phí tài chính đúng mức, hoạt động tín dụng, quản lý tài chính năng động và có hiệu quả góp phần đảm bảo tốt nguồn vốn cho sản xuất.

2. Đánh giá về hoạt động của Ban điều hành Công ty :

➤ Biết phát huy thế mạnh ở các sản phẩm truyền thống, ở chất lượng sản phẩm và ở thị trường, khách hàng quen thuộc của công ty.

➤ Đội ngũ CBCNV có tâm huyết và gắn bó với công ty, đồng thời hạn chế các mặt yếu kém và tồn tại trong các năm qua.

➤ Nhanh nhạy trong việc xử lý giá bán các sản phẩm, tập trung tiêu thụ các sản phẩm có tỷ suất lợi nhuận cao, khuyến khích khách hàng tiêu thụ nhóm sản phẩm này.

➤ Có chính sách hợp lý, quan tâm trọng đào tạo sử dụng đội ngũ CBCNV, chăm lo tốt đời sống vật chất tinh thần để mọi người luôn gắn bó và yên tâm đóng góp sức lực và trí tuệ cho công ty.

➤ Đã chỉ đạo việc phối hợp trong công việc giữa các phòng ban chức năng. Sự phối hợp này cần nhịp nhàng hơn nữa nhằm đáp ứng yêu cầu tăng trưởng và phát triển SXKD.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị :

➤ Khâu kế hoạch cung ứng tiếp tục vận dụng tốt Quy chế hoạch định tồn kho, chấn chỉnh khâu cung ứng nguyên liệu, vật tư, đáp ứng từng bước nhu cầu của sản xuất và tiêu thụ, phấn đấu không để thiếu nguyên vật liệu cho các mặt hàng chiến lược. Tìm được nguồn nguyên liệu giá rẻ nhưng đảm bảo chất lượng đủ sức cạnh tranh trên thị trường. Thực hiện tốt quy chế hàng tồn kho. Tăng cường thêm nhân lực và phương tiện cho bộ phận giao hàng nhằm đáp ứng yêu cầu hàng hóa của khách hàng.

➤ Khâu nghiên cứu phát triển cần cải tập trung quan tâm đặc biệt đến công tác nghiên cứu đưa vào SXKD những mặt hàng mới, đưa ra thị trường các sản phẩm đáp ứng nhu cầu của khách hàng. Cơ cấu lại các nhóm sản phẩm, tỷ lệ các sản phẩm thích hợp về Tân Dược, Đông dược, Dược liệu và Thực phẩm chức năng.

➤ Khâu kinh doanh tiếp thị phải có chính sách giá cả, chiết khấu một cách hợp lý tùy theo đối tượng khách hàng, mở rộng thêm nhiều đối tượng khách hàng, có giải pháp thu tiền đúng quy định giảm nợ xấu. Cần xây dựng Quy chế công nợ, hoàn thiện Quy chế hoạch định tồn kho theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Đánh giá hiệu quả các sản phẩm đang lưu hành trên thị trường và đề xuất cải tiến bao bì mẫu mã phù hợp với yêu cầu của thị trường.

➤ Khâu kỹ thuật cơ điện cần kiểm tra lại thiết bị đã đầu tư, xem lại hiệu quả của việc đầu tư, nhằm tiết giảm chi phí, có kế hoạch mua sắm, thực hiện bảo dưỡng thiết bị theo quy định nhằm tăng năng suất cho nhà máy.

➤ Khâu hành chánh nhân sự cần chú ý đến tổ chức nhân sự phải gọn và phù hợp với yêu cầu SXKD. Có chính sách ưu tiên tuyển dụng thêm cán bộ chuyên môn, quản lý giỏi kế thừa và hỗ trợ các cán bộ hạn chế chuyên môn quản lý hoặc cán bộ lớn tuổi cần được nghỉ ngơi. Cải thiện làm việc cho CBCNV, công nhân, đảm bảo tốt chính sách lao động tiền lương, tăng thu nhập cho người lao động, đảm bảo an toàn chống cháy nổ, an ninh trật tự trong công ty.

➤ Khâu sản xuất cần chú trọng định mức lao động, nâng cao năng suất lao động, quản lý ngày giờ công sử dụng lao động linh hoạt ở hai dây chuyền sản xuất, không để lãng phí lao động, chú trọng tiết kiệm điện, tiếp tục chính sách khoán nhằm kích thích người lao động tăng năng suất lao động và cải thiện thu nhập cho người lao động.

➤ Khâu tài chính kế toán tiếp tục tham mưu và phân tích tình hình tài chính của Công ty. Thực hiện báo cáo định kỳ, đánh giá hoạt động tài chính của Công ty, đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động tài chính. Quản lý nguồn vốn, sử dụng nguồn vốn có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu của SXKD. Không để tình trạng thiếu vốn, hoặc ứ đọng vốn trong khâu cung ứng nguyên liệu vật tư, tồn trữ sản phẩm. Không để tình trạng thất thoát vốn xảy ra hoặc tình trạng nợ khó đòi làm thất thoát vốn.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY :

1. Hội đồng quản trị :

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị :

a. Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị :

- Họ và tên : CHU MAI HÀO
- Giới tính : Nam
- Trình độ văn hóa : 10/10

- Trình độ chuyên môn : Dược sĩ ĐH - Dược sĩ chuyên khoa 2.
- Tổng số cổ phần hiện có : 72.769 CP chiếm tỷ lệ 1,31%
- Chức vụ công tác hiện nay :
 - Chủ Tịch HĐQT Công ty Cổ Phần Dược Phẩm 2-9 TP.HCM nhiệm kỳ III (2011 - 2015)

b. Phó Chủ tịch HĐQT - Tổng Giám Đốc :

- Họ và tên : CÁP HỮU ÁNH
- Giới tính : Nam
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Dược sĩ ĐH - Dược sĩ chuyên khoa 1.
- Tổng số cổ phần hiện có : 83.725CP chiếm tỷ lệ 1.51%
- Chức vụ công tác hiện nay :
 - Từ 06/2011 là Phó Chủ tịch HĐQT Cty CPDP 2-9 nhiệm kỳ III (2011 - 2015)
 - Tổng Giám Đốc Cty CPDP 2-9.
 - Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên Công Ty TNHH Đầu Tư Nam Thiên Phát.
 - Phó Chủ Tịch HĐQT Cty CP XNK Y Tế (Yteco).
 - Phó Chủ Tịch Hội Dược Học Thành phố.

c. Thành viên HĐQT :

- Họ và tên : TRƯƠNG THỊ THÁI HÒA
- Giới tính : Nữ
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Dược sĩ Đại học.
- Tổng số cổ phần hiện có : 41.575CP chiếm tỷ lệ 0.75%
- Chức vụ hiện nay :
 - Thành viên HĐQT Cty CPDP 2-9 nhiệm kỳ III (2011 - 2015)
 - Phó Tổng Giám Đốc Cty CPDP 2-9 - Giám Đốc Nhân Sự.

d. Thành viên HĐQT :

- Họ và tên : TRỊNH BÍCH DUNG
- Giới tính : Nữ
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế.
- Tổng số cổ phần hiện có : 46.397CP chiếm tỷ lệ 0.84%
- Chức vụ công tác hiện nay :
 - Thành viên HĐQT Cty CPDP 2-9 nhiệm kỳ III (2011 - 2015).
 - Phó Tổng Giám Đốc - Giám Đốc Tài Chính Kiêm Kế Toán Trưởng Cty CPDP 2-9.

e. Thành viên HĐQT :

- Họ và tên : BÙI NGỌC THẮNG

- Giới tính : Nam
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Dược sĩ Đại học.
- Tổng số cổ phần hiện có : 34.522CP chiếm tỷ lệ 0.62%
- Chức vụ công tác hiện nay :
 - Thành viên HĐQT Cty CPDP 2-9 nhiệm kỳ III (2011 - 2015).
 - Phó Tổng Giám Đốc - Phụ trách Nhà máy Cty CPDP 2-9.

f. Thành viên HĐQT

- Họ và tên : CAO TỬ TÀI
- Giới tính : Nam
- Trình độ văn hóa : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Dược sĩ Đại học.
- Tổng số cổ phần hiện có : 48.872CP chiếm tỷ lệ 0.88%
- Chức vụ công tác hiện nay :
 - Thành viên HĐQT Cty CPDP 2-9 nhiệm kỳ III (2011 - 2015).

g. Thành viên HĐQT :

- Họ và tên : NGUYỄN AN GIANG
- Giới tính : Nam
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ Quản trị kinh doanh.
- Tổng số cổ phần hiện có: 555,958 CP chiếm 10,02% (Đại diện vốn G.B Sài Gòn)
- Chức vụ công tác hiện nay :
 - Thành viên HĐQT Cty CPDP 2-9 nhiệm kỳ III (2011 - 2015).
 - Giám đốc Ngân hàng TMCP Đông Nam Á – Chi nhánh Sài Gòn.

1.2. Phân công công việc các thành viên Hội đồng quản trị :

- DS. Chu Mai Hào : Chủ tịch HĐQT đại diện trước pháp luật, chủ tài khoản, phụ trách công tác thi đua khen thưởng, công tác tài chính, chỉ đạo xây dựng và thực hiện các quy chế.
- DS. Cáp Hữu Ánh : P. Chủ tịch HĐQT phụ trách lĩnh vực sản xuất kinh doanh, công tác đối ngoại, phó chủ tài khoản, tham mưu cho HĐQT về phương hướng phát triển của Công ty, thay mặt khi chủ tịch đi vắng hoặc khi cần thiết.
- DS. Trương Thị Thái Hòa : thành viên HĐQT phụ trách công tác tổ chức nhân sự, đào tạo, tham mưu cho Tổng Giám Đốc và Chủ tịch HĐQT về công tác này.
- CN.Trịnh Bích Dung : thành viên HĐQT phụ trách công tác tài chính kế toán, hạch toán, tham mưu cho HĐQT về lĩnh vực tài chính, sử dụng bảo tồn phát triển nguồn vốn và các dự án đầu tư .
- DS. Bùi Ngọc Thắng : thành viên HĐQT phụ trách khu vực nhà máy sản xuất dược phẩm Q2.
- DS. Cao Tử Tài : thành viên HĐQT không tham gia điều hành

- Ths. Nguyễn An Giang: Thành viên HĐQT không tham gia điều hành
- 1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị :
- Trong năm 2014 Hội đồng quản trị đã tổ chức 7 cuộc họp. Nội dung các cuộc họp như sau
- a. Cuộc họp ngày 15/01/2014 :
 - Tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013
 - Phương hướng các chỉ tiêu nhiệm vụ sản xuất kinh doanh 2014
- b. Cuộc họp ngày 08/04/2014 :
 - Kết quả thực hiện các chỉ tiêu SXKD Quý I/2014.
 - Phương hướng SXKD Quý II/2014
 - Công tác tổ chức đại hội cổ đông thường niên năm 2014
- c. Cuộc họp ngày 12/05/2014 :
 - Đóng góp cho các dự án của Công Ty .
- d. Cuộc họp ngày 09/07/2014 :
 - Kết quả thực hiện các chỉ tiêu SXKD 6 tháng đầu năm 2014 và phương hướng 6 tháng cuối năm 2014 .
 - Các vấn đề sử dụng mặt bằng , các dự án liên doanh .
- e. Cuộc họp ngày 30/09/2014 :
 - Miễn nhiệm chức danh Thành viên HĐQT đối với ông Trần Anh Tuấn
 - Bổ sung ông Nguyễn An Giang làm TV HĐQT Công ty cổ phần DP 2-9
- f. Cuộc họp ngày 15/10/2014 :
 - Kết quả thực hiện KHSXKD 9 tháng đầu năm 2014, Kế hoạch SXKD 3 tháng cuối
 - Phương hướng SXKD năm 2015
- g. Cuộc họp ngày 25/11/2014:
 - Chuyển nhượng dự án 136 Lý Chính Thắng Quận 3 .
- 1.4. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT ban hành trong năm 2014 :

Stt	Số nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
01	D01-004/14QĐ_NDP	08/01/2014	Thành lập hội đồng thi đua khen thưởng - kỷ luật Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm 2/9
02	047/NQHDQTNKIII	15/01/2014	Tổng kết hoạt động sản xuất Kinh doanh năm 2013 và phương hướng các chỉ tiêu năm 2014
03	168/NQHĐQTNKIII	11/04/2014	Sơ kết tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất Kinh doanh quý I/2014 và phương hướng quý II/2014
04	D01090/14QĐ_NDP	09/06/2014	Bổ nhiệm Tổng Giám Đốc điều hành Công Ty CPDP 2-9
05	D01026/14TB_NDP	30/09/2014	Thay đổi nhân sự trong hội đồng quản trị, ông Nguyễn An Giang thay ông Trần Anh

			Tuần căn cứ theo công văn số 07/CV-GB ngày 26 tháng 09 năm 2014 của Công Ty TNHH TM dịch vụ GB về việc thay đổi người đại diện phần vốn
06	370/HĐQTNKIII	10/07/2014	Sơ kết tình hình thực hiện kế hoạch Sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2014 và phương hướng hoạt động SXKD 6 tháng cuối năm 2014
07	567/HĐQTNKIII	17/10/2014	Sơ kết hoạt động sản xuất kinh doanh quý III và kế hoạch SXKD 3 tháng cuối năm 2014, dự kiến kế hoạch SXKD 2015
08	D01131/14QD NDP	21/11/2014	Thành lập ban quản lý dự án
09	660/HĐQTNKIII	05/12/2014	Chuyển nhượng dự án 136 Lý Chính Thắng quận 3

2. Ban kiểm soát :

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát :

a. Trưởng BKS :

- Họ và tên : NGUYỄN THỊ HUYỀN TRÂM
- Giới tính : Nữ
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế.
- Chức vụ công tác hiện nay :
 - Trưởng BKS Công ty CPDP 2-9 nhiệm kỳ III (2011 - 2015).
 - Phó phòng Kế Toán Tài Chính Công ty TNHH Một Thành Viên Dược Sài Gòn.

b. Thành viên BKS :

- Họ và tên: PHẠM THỊ HOÀNG
- Giới tính: Nữ
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế chuyên ngành TCKT.
- Chức vụ công tác hiện nay:
 - Thành viên BKS Cty CPDP 2-9 (Nadyphar) nhiệm kỳ III (2011 - 2015).
 - Trưởng BKS Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Dược Liệu Pharmedic. .

c. Thành viên BKS:

- Họ và tên: NGUYỄN THẾ PHONG
- Giới tính: Nam
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: CN. Kinh tế (chuyên ngành kinh tế kỹ thuật)
- Chức vụ công tác hiện nay:
 - Thành viên BKS Cty CPDP 2-9 nhiệm kỳ III (2011 - 2015) từ ngày 09/04/2013.

- Kế toán trưởng Công ty TNHH Sao Phúc An.

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát :

➤ Các hoạt động của Ban kiểm soát :

- Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, giám sát việc thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và điều lệ Công ty.
- Xem xét các báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động do Ban Tổng giám đốc thực hiện.
- Đóng góp ý kiến cho HĐQT về đầu tư vốn trong các dự án ngoài Công ty, góp ý xây dựng các quy chế để quản lý vốn hiệu quả cho Công ty.
- Xem xét các báo cáo do tổ chức kiểm toán thực hiện.
- Xem xét việc chấp hành nghĩa vụ của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

➤ Đánh giá hoạt động của HĐQT :

- Năm 2014 HĐQT đã làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, đã quản lý chỉ đạo hoạt động của Công ty theo đúng pháp luật, điều lệ Công ty và quy chế hoạt động của HĐQT, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đề ra.
- Chỉ đạo phân chia lợi nhuận năm 2014 theo đúng nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Đã đưa vào sử dụng kho đạt tiêu chuẩn GDP và GSP tại 299/22 Lý Thường Kiệt, mang lại khoản lợi nhuận đáng kể cho Công ty trong kế hoạch cho thuê kho bãi và mở rộng dịch vụ xuất nhập khẩu.
- Luôn tạo điều kiện để Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty, thực hiện nhiệm vụ được giao.
- Luôn quan tâm sâu sát tình hình kinh doanh của Công ty, các chế độ chính sách được sự hậu thuẫn của tất cả CBCNV.

➤ Đánh giá hoạt động của Ban Tổng Giám Đốc :

- Đã thực hiện tốt nhiệm vụ điều hành Công ty theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật, nhà nước, điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty và nghị quyết của HĐQT.
- Năm 2014 Ban Tổng giám đốc đã có những thay đổi trong cách quản lý, điều hành sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, đẩy mạnh sản xuất tiêu thụ những mặt hàng có tỷ suất sinh lợi cao. Quyết định tăng mạnh mức chi phí bán hàng như : thưởng, khuyến mãi cho khách hàng để đẩy mạnh doanh số nhưng vẫn đảm bảo đơn giá sản phẩm bán ra vẫn có lãi.
- Có sự chỉ đạo phối hợp chặt chẽ từ khâu cung ứng nguyên liệu đến sản xuất và tiêu thụ, kết hợp với việc phân tích lãi, lỗ của P.Kế toán tài chính, đưa ra đơn giá bán hợp lý cho từng chính sách, chương trình khuyến mãi để tăng doanh thu và lợi nhuận.
- Thường xuyên quan tâm và có các chính sách chăm sóc khách hàng. Tạo uy tín tốt với các đối tác, tìm kiếm mở rộng cơ hội kinh doanh.
- Thực hiện đầy đủ quyền lợi, chế độ của người lao động theo đúng luật Lao động, điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, chi trả và đóng BHXH đầy đủ đúng quy định.

3. Các giao dịch, thù lao, khoản lợi ích của Hội đồng quản trị :

3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích :

THÙ LAO VÀ THƯỞNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT

Stt	Họ và tên	Thù lao	Thưởng	Tổng cộng
	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	384,000,000	375,000,000	759,000,000
1	CHU MAI HÀO	84,000,000	73,000,000	157,000,000
2	CÁP HỮU ÁNH	60,000,000	65,000,000	125,000,000
3	TRƯƠNG THỊ THÁI HÒA	48,000,000	58,000,000	106,000,000
4	TRỊNH BÍCH DUNG	48,000,000	58,000,000	106,000,000
5	BÙI NGỌC THẮNG	48,000,000	57,000,000	105,000,000
6	NGUYỄN AN GIANG	12,000,000	5,000,000	17,000,000
7	CAO TỬ TÀI	48,000,000	40,000,000	88,000,000
8	TRẦN ANH TUẤN	36,000,000	19,000,000	55,000,000
	BAN KIỂM SOÁT	132,000,000	110,000,000	242,000,000
1	NGUYỄN T HUYỀN TRÂM	48,000,000	41,000,000	89,000,000
2	PHẠM THỊ HOÀNG	42,000,000	36,000,000	78,000,000
3	NGUYỄN THẾ PHONG	42,000,000	33,000,000	75,000,000
	THƯ KÝ HĐQT	18,000,000	12,000,000	30,000,000
1	NGUYỄN HÒA HÙNG	18,000,000	12,000,000	30,000,000
	TỔNG CỘNG	534,000,000	497,000,000	1,031,000,000

3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

➤ B 002 Chu Mai Hào - Chủ tịch HĐQT:

. Số cổ phần sở hữu năm 2013: 59,772 cổ phần

◆ Số cổ phần mua thêm năm 2014: 12,997 cổ phần

➤ B 449 Cáp Hữu Ánh - PCT. HĐQT - Tổng Giám Đốc.

. Số cổ phần sở hữu năm 2013: 83,725 cổ phần

◆ Số cổ phần giao dịch năm 2014: 0 cổ phần

➤ B 016 Trịnh Bích Dung - Thành viên HĐQT - P.TGD-GĐTC.

. Số cổ phần sở hữu năm 2013: 46,397 cổ phần

◆ Số cổ phần giao dịch năm 2014: 0 cổ phần

➤ C 464 Nguyễn Thế Phong - Thành viên Ban kiểm soát:

- . Số cổ phần sở hữu năm 2013: 2,500 cổ phần
 ♦ Số cổ phần giao dịch năm 2014: 0 cổ phần

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH :

➤ Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán vào ngày 31/12/2014, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên được lập ngày 16/03/2014 của Công ty Cổ Phần Dược Phẩm 2-9 TP.HCM (dưới đây gọi tắt là Công ty) từ trang 05 đến trang 30 kèm theo. Chủ tịch HĐQT Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày các báo cáo tài chính này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo này căn cứ kết quả kiểm toán của chúng tôi.

➤ Cơ sở ý kiến :

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có sự đảm bảo hợp lý là báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh các thông tin trong báo cáo tài chính. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Công ty thực hiện, cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi.

➤ Ý kiến kiểm toán :

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của công ty cổ phần dược phẩm 2-9 TP.HCM vào ngày 31/12/2014 cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào cùng ngày phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

➤ Báo cáo tài chính được kiểm toán :

Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị



DS. Chu Mai Thảo



RSM DTL Auditing
Connected for Success

**CÔNG TY CỔ PHẦN
DƯỢC PHẨM 2-9 TP.HỒ CHÍ MINH**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Hội đồng Quản Trị	1 - 2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2014	5 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12 - 30

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2-9 TP.HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 299/22 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dược Phẩm 2-9 TP.Hồ Chí Minh (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

1. CÁC THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Dược Phẩm 2-9 TP.Hồ Chí Minh được chuyển từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 736/QĐ-TTg ngày 15 tháng 06 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Công ty Cổ phần Dược Phẩm 2-9 Hồ Chí Minh được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103000594 ngày 10 tháng 09 năm 2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 24 tháng 10 năm 2013.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 299/22 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, Tp. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 55.500.000.000 VND.

2. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Chu Mai Hào	Chủ tịch
Ông Cáp Hữu Ảnh	Phó Chủ tịch
Bà Trương Thị Thái Hòa	Thành viên
Ông Cao Tứ Tài	Thành viên
Ông Bùi Ngọc Thắng	Thành viên
Bà Trịnh Bích Dung	Thành viên
Ông Nguyễn An Giang	Thành viên (được bổ nhiệm từ ngày 01 tháng 10 năm 2014)
Ông Trần Anh Tuấn	Thành viên (được miễn nhiệm từ ngày 30 tháng 09 năm 2014)

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Cáp Hữu Ảnh	Tổng Giám đốc
Bà Trương Thị Thái Hòa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Ngọc Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trịnh Bích Dung	Phó Tổng Giám đốc

3. TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Hội đồng Quản trị được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2-9 TP.HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 299/22 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Hội đồng Quản trị Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Hội đồng Quản trị xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

4. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán DTL, thành viên của RSM Quốc tế, bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho các năm tài chính tiếp theo của Công ty.

5. CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hội đồng Quản trị Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2015



CHU MAI Hào



Số: 15.156/BCKT-DTL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2-9 TP.HỒ CHÍ MINH

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dược Phẩm 2-9 TP.Hồ Chí Minh (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 16 tháng 03 năm 2015 từ trang 05 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng Quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dược Phẩm 2-9 TP.Hồ Chí Minh vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2015

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL
KT.TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐẶNG THỊ HỒNG LOAN

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0425-2013-026-1

KIỂM TOÁN VIÊN

PHẠM THỊ BÍCH HẠNH

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 1505-2013-026-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		72.652.005.986	80.354.823.629
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	9.861.011.539	6.901.549.723
1. Tiền	111		6.861.011.539	5.901.549.723
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.000.000.000	1.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		5.000.000.000	7.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		5.000.000.000	7.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	5.2	24.165.535.033	28.672.524.769
1. Phải thu khách hàng	131		24.000.931.668	26.269.460.023
2. Trả trước cho người bán	132		523.799.472	2.383.024.785
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		605.683.737	678.044.529
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(964.879.844)	(658.004.568)
IV. Hàng tồn kho	140	5.3	32.971.434.414	37.711.303.238
1. Hàng tồn kho	141		33.391.515.422	38.311.136.459
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(420.081.008)	(599.833.221)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		654.025.000	69.445.899
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		563.711.000	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		90.314.000	69.445.899

(Phần tiếp theo trang 06)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		89.144.489.609	93.404.609.842
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		37.488.099.825	56.770.195.248
1. TSCĐ hữu hình	221	5.4	32.633.276.016	35.859.028.944
+ Nguyên giá	222		96.321.360.526	94.731.690.928
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(63.688.084.510)	(58.872.661.984)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
+ Nguyên giá	225		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	5.5	4.669.005.841	20.725.348.336
+ Nguyên giá	228		5.436.726.091	22.478.622.239
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(767.720.250)	(1.753.273.903)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		185.817.968	185.817.968
III. Bất động sản đầu tư	240	5.6	36.512.051.389	21.948.399.487
+ Nguyên giá	241		51.746.077.150	34.474.841.002
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		(15.234.025.761)	(12.526.441.515)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.7	14.850.000.000	14.190.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		14.760.000.000	14.100.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		90.000.000	90.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		294.338.395	496.015.107
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		252.338.395	454.015.107
3. Tài sản dài hạn khác	268		42.000.000	42.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		161.796.495.595	173.759.433.471

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		38.320.688.373	57.809.506.282
I. Nợ ngắn hạn	310		35.404.304.550	52.946.903.579
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.8	5.716.569.258	23.938.656.160
2. Phải trả người bán	312		5.547.923.952	5.071.478.912
3. Người mua trả tiền trước	313		660.753.544	21.832.921
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.9	3.193.584.393	3.689.979.973
5. Phải trả người lao động	315	5.10	7.381.957.454	8.011.344.839
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.11	8.085.395.690	8.006.555.513
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	5.12	4.818.120.259	4.207.055.261
II. Nợ dài hạn	330		2.916.383.823	4.862.602.703
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	5.13	1.595.503.800	2.221.722.680
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.14	1.320.880.023	2.640.880.023
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		123.475.807.222	115.949.927.189
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.15	123.475.807.222	115.949.927.189
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		55.500.000.000	55.500.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		17.380.542.000	17.380.542.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		24.833.657.560	23.738.540.191
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		5.550.000.000	5.550.000.000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		20.211.607.662	13.780.844.998
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		161.796.495.595	173.759.433.471

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Chỉ tiêu	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công, hàng viện trợ		37.401.958	37.401.958
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		1.396.500	1.396.500
5. Ngoại tệ các loại		-	-
+ USD		0,92	0,92
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

NGƯỜI LẬP BIỂU

PHAN THỊ NAM HÀ

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TRỊNH BÍCH DUNG

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2015



Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

CẤP HỮU ÁNH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp trực tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		139.423.860.597	144.540.376.040
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(45.586.505.529)	(57.076.114.608)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(28.910.189.903)	(26.613.370.726)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(1.214.962.933)	(2.358.711.114)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(6.437.382.070)	(6.968.355.649)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		7.969.939.085	6.607.378.934
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(35.735.182.025)	(39.761.158.233)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		29.509.577.222	18.370.044.644
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(971.380.021)	(5.109.479.453)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		3.163.636	196.368.162
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(12.000.000.000)	(7.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		14.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(660.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		589.757.711	372.618.063
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		961.541.326	(11.540.493.228)

(Phần tiếp theo trang 11)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		67.311.751.996	74.257.083.971
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(85.533.838.898)	(79.134.593.286)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(9.289.569.830)	(6.016.311.475)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(27.511.656.732)	(10.893.820.790)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		2.959.461.816	(4.064.269.374)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		6.901.549.723	10.965.819.097
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		9.861.011.539	6.901.549.723

NGƯỜI LẬP BIỂU

PHAN THỊ NAM HÀ

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TRỊNH BÍCH DUNG

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2015



CÁP HỮU ANH

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2-9 TP.HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 299/22 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dược Phẩm 2-9 TP.Hồ Chí Minh (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là một doanh nghiệp Nhà nước. Ngày 10 tháng 09 năm 2001, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Dược Phẩm 2-9 TP.Hồ Chí Minh theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103000594 ngày 10 tháng 09 năm 2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 24 tháng 10 năm 2013.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 299/22 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, Tp. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 13 là 55.500.000.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 330 (31/12/2013: 354).

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu dược phẩm, gia công sản xuất bao bì dược phẩm;
- Cho thuê mặt bằng;
- Đầu tư, kinh doanh cao ốc văn phòng, nhà ở;
- Cho thuê văn phòng;
- Cho thuê kho;
- Sản xuất, kinh doanh thực phẩm chức năng;
- Dịch vụ logistic (trừ kinh doanh bến bãi ô tô, hóa lỏng khí để vận chuyển và hoạt động liên quan đến vận tại hàng không);
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

2.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là chứng từ ghi sổ.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Hội đồng Quản trị phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2-9 TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 299/22 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Hội đồng Quản trị, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn không quá 3 tháng hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro trong việc chuyển thành tiền.

4.3. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.4. Hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

+ Đối với Thành phẩm: Đơn vị lập dự phòng theo tỷ lệ 100% giá trị của hàng tồn kho đã hết hạn sử dụng, hàng hư hỏng do trong quá trình lưu trữ, hàng còn thời hạn sử dụng dưới 09 tháng. Đơn vị lập dự phòng theo tỷ lệ 10% giá trị của hàng tồn kho còn thời hạn sử dụng đến 12 tháng.

+ Đối với Nguyên vật liệu, bao bì: Đơn vị lập dự phòng theo tỷ lệ 100% giá trị của hàng tồn kho do không đạt chất lượng, hết hạn đăng ký, hàng đã hết hạn sử dụng và hàng còn thời gian sử dụng dưới 5 tháng.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho.

4.5. Tài sản cố định hữu hình

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	Năm 2014
+ Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
+ Máy móc thiết bị	03 – 10 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 07 năm

4.6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính, cụ thể như sau:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày là giá trị quyền sử dụng diện tích đất tại 930C4 Đường C, Khu công nghiệp Cát Lái, Cụm 2, Phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, TP.Hồ Chí Minh không có thời hạn sử dụng nên không trích khấu hao.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm kế toán không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

4.7. Bất động sản đầu tư

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá. Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

- Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm bất động sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	25 – 50 năm
+ Quyền sử dụng đất	48 năm
+ Máy móc, thiết bị	06 – 10 năm

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế là giá trị quyền sử dụng diện tích đất tại 05 Kinh Dương Vương, Phường 12, Quận 6, TP.Hồ Chí Minh được khấu hao trong 48 năm.

Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này.

4.8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh được ghi nhận theo giá gốc.
- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.

4.9. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận theo Nghị quyết Hội đồng quản trị: tỷ lệ tạm chia cổ tức năm 2014 là 18% trên vốn điều lệ của Công ty.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế:

- + Quỹ đầu tư phát triển được trích với tỷ lệ 5% lợi nhuận sau thuế (không bao gồm chi phí thuế TNDN hoãn lại).

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2-9 TP.HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 299/22 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

- + Quỹ dự phòng tài chính không trích lập thêm do đã bằng 10% vốn điều lệ.
- + Quỹ khen thưởng được trích với tỷ lệ 12% lợi nhuận sau thuế (không bao gồm chi phí thuế TNDN hoãn lại).
- + Quỹ phúc lợi được trích với tỷ lệ 3% lợi nhuận sau thuế (không bao gồm chi phí thuế TNDN hoãn lại).
- + Quỹ thù lao Hội đồng Quản trị được trích với tỷ lệ 5% lợi nhuận sau thuế (không bao gồm chi phí thuế TNDN hoãn lại).

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.
- Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.
- Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

4.11. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty trước khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

4.12. Thuế

- + Thuế thu nhập doanh nghiệp

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành
Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 22%.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

- + Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

+ Dược phẩm	5%
+ Thực phẩm chức năng	10%
+ Các dịch vụ khác	10%

- + Các loại thuế khác: Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.13. Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản cho vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2-9 TP.HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 299/22 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.14. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	88.747.500	61.039.900
Tiền gửi ngân hàng	6.772.264.039	5.840.509.823
Các khoản tương đương tiền	3.000.000.000	1.000.000.000
Tổng cộng	9.861.011.539	6.901.549.723

Tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn với thời hạn 1 tháng và lãi suất 4%/năm.

5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	24.000.931.668	26.269.460.023
Trả trước cho người bán	523.799.472	2.383.024.785
Các khoản phải thu khác	605.683.737	678.044.529
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	25.130.414.877	29.330.529.337
Dự phòng khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	(964.879.844)	(658.004.568)
Giá trị thuần của các khoản phải thu	24.165.535.033	28.672.524.769

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

Biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi trong năm như sau:

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Số dự đầu năm	658.004.568	467.438.192
Tăng dự phòng trong năm	306.875.276	190.566.376
Số dư cuối năm	964.879.844	658.004.568

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2-9 TP.HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 299/22 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

5.3. Hàng tồn kho

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	15.304.641.644	16.123.443.586
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	3.735.166.162	2.873.856.105
Thành phẩm	14.351.707.616	19.313.836.768
Cộng giá gốc hàng tồn kho	33.391.515.422	38.311.136.459
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(420.081.008)	(599.833.221)
Giá trị thuần có thể thực hiện	32.971.434.414	37.711.303.238

(Phần tiếp theo trang 18)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2-9 TP.HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 299/22 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

5.4. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

VND

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	37.544.359.745	47.442.438.049	4.993.317.978	4.751.575.156	94.731.690.928
Mua trong năm	-	70.000.000	-	-	70.000.000
Đầu tư XD CB hoàn thành	193.374.802	1.326.294.796	-	-	1.519.669.598
Tăng tài sản do chuyển từ bất động sản đầu tư	1.601.366.865	-	-	-	1.601.366.865
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(1.601.366.865)	-	-	-	(1.601.366.865)
Số dư cuối năm	37.737.734.547	48.838.732.845	4.993.317.978	4.751.575.156	96.321.360.526
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	13.274.063.776	37.018.960.208	4.008.777.050	4.570.860.950	58.872.661.984
Khấu hao trong năm	1.511.669.677	2.862.035.274	378.449.634	69.940.303	4.822.094.888
Khấu hao lũy kế từ bất động sản đầu tư chuyển sang	40.034.172	-	-	-	40.034.172
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(46.706.534)	-	-	-	(46.706.534)
Số dư cuối năm	14.779.061.091	39.880.995.482	4.387.226.684	4.640.801.253	63.688.084.510
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	24.270.295.969	10.423.477.841	984.540.928	180.714.206	35.859.028.944
Tại ngày cuối năm	22.958.673.456	8.957.737.363	606.091.294	110.773.903	32.633.276.016

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản đã dùng thế chấp cho các khoản vay là 1.535.708.193 VND – Xem thêm mục 5.8.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 38.915.856.456 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2-9 TP.HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 299/22 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

5.5. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

VND

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	21.810.286.239	668.336.000	22.478.622.239
Mua trong năm	-	179.340.000	179.340.000
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(17.221.236.148)	-	(17.221.236.148)
Số dư cuối năm	4.589.050.091	847.676.000	5.436.726.091
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	1.084.937.903	668.336.000	1.753.273.903
Khấu hao trong năm	301.371.630	99.384.250	400.755.880
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(1.386.309.533)	-	(1.386.309.533)
Số dư cuối năm	-	767.720.250	767.720.250
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	20.725.348.336	-	20.725.348.336
Tại ngày cuối năm	4.589.050.091	79.955.750	4.669.005.841

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 668.336.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2-9 TP.HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 299/22 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

5.6. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

VND

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Nhà	Máy móc thiết bị	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	3.371.736.760	24.643.278.636	6.459.825.606	34.474.841.002
Mua trong năm	-	50.000.000	-	50.000.000
Tăng tài sản do chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-	1.601.366.865	-	1.601.366.865
Tăng tài sản do chuyển từ tài sản cố định vô hình	17.221.236.148	-	-	17.221.236.148
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(1.601.366.865)	-	(1.601.366.865)
Số dư cuối năm	20.592.972.908	24.693.278.636	6.459.825.606	51.746.077.150
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	212.419.404	8.259.799.826	4.054.222.285	12.526.441.515
Tăng trong năm	131.080.794	873.126.345	310.395.212	1.314.602.351
Khấu hao lũy kế từ tài sản cố định hữu hình chuyển sang	-	46.706.534	-	46.706.534
Khấu hao lũy kế từ tài sản cố định vô hình chuyển sang	1.386.309.533	-	-	1.386.309.533
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(40.034.172)	-	(40.034.172)
Số dư cuối năm	1.729.809.731	9.139.598.533	4.364.617.497	15.234.025.761
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	3.159.317.356	16.383.478.810	2.405.603.321	21.948.399.487
Tại ngày cuối năm	18.863.163.177	15.553.680.103	2.095.208.109	36.512.051.389

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản đã dùng thế chấp cho các khoản vay là 5.122.441.586 VND – Xem thêm mục 5.8.

Nguyên giá bất động sản đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 3.989.123.482 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2-9 TP.HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 299/22 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

5.7. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	14.760.000.000	14.100.000.000
Đầu tư dài hạn khác	90.000.000	90.000.000
Cộng giá gốc các khoản đầu tư dài hạn	14.850.000.000	14.190.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	-	-
Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn	14.850.000.000	14.190.000.000

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty liên doanh bao gồm:

	Cuối năm	Đầu năm
Góp vốn bằng tài sản cố định	4.200.000.000	4.200.000.000
Góp vốn bằng tiền	1.660.000.000	1.000.000.000
Cán trừ công nợ	8.900.000.000	8.900.000.000
Cộng	14.760.000.000	14.100.000.000

Đầu tư vào công ty liên doanh là khoản đầu tư vào Công ty TNHH Đầu Tư Nam Thiên Phát theo hợp đồng hợp tác đầu tư và kinh doanh khu phức hợp tại 136 Lý Chính Thắng với Công ty CP XD-TM-DV G.B Sài Gòn. Theo hợp đồng, Công ty Dược Phẩm 2/9 góp 40% vốn điều lệ, trong đó, góp vốn bằng tài sản cố định là công trình kiến trúc trên đất tại 136 Lý Chính Thắng với giá trị do hai bên góp vốn đánh giá là 4.200.000.000 đồng.

Đầu tư dài hạn khác là đầu tư cổ phiếu Công ty Cổ phần Dược phẩm 3/2.

5.8. Vay và nợ ngắn hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Vay ngân hàng	2.969.569.258	19.479.656.160
Vay đối tượng khác	1.427.000.000	3.139.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả – Xem thêm mục 5.14	1.320.000.000	1.320.000.000
Tổng cộng	5.716.569.258	23.938.656.160

Các khoản vay ngân hàng được thế chấp bằng bất động sản là tòa nhà tại 299/22 Lý Thường Kiệt. Các khoản vay này chịu lãi suất từ 6,5%/năm. Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động – Xem thêm mục 5.4 và 5.6.

Các khoản vay đối tượng khác là khoản vay cán bộ công nhân viên chịu lãi suất 6,5%/năm và lãi suất này sẽ được điều chỉnh hàng tháng căn cứ theo lãi suất cho vay của ngân hàng. Các khoản vay này không có đảm bảo bằng tài sản.

5.9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	309.934.257	433.058.544
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.867.025.526	3.237.382.070
Thuế thu nhập cá nhân	16.624.610	19.539.359
Tổng cộng	3.193.584.393	3.689.979.973

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2-9 TP.HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 299/22 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

5.10. Phải trả người lao động

Là khoản trích lập quỹ dự phòng tiền lương còn phải trả cho người lao động.

5.11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Cổ tức phải trả	6.859.093.353	6.158.663.183
Chi phí trích trước	1.146.992.705	1.719.482.975
Tài sản thừa chờ xử lý	2.540.009	24.361.788
Kinh phí công đoàn	70.536.066	95.195.802
Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.233.557	8.851.765
Tổng cộng	8.085.395.690	8.006.555.513

5.12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	4.207.055.261	4.004.049.644
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.285.352.108	2.990.120.990
Trích lập thù lao hội đồng quản trị	1.095.117.369	996.706.997
Tặng khác	1.730.000	38.737.000
Sử dụng trong năm	(3.771.134.479)	(3.822.559.370)
Số dư cuối năm	4.818.120.259	4.207.055.261

5.13. Phải trả dài hạn khác

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Nhận góp vốn thực hiện dự án	-	1.500.000.000
Nhận ký quỹ thuê mặt bằng	909.832.728	223.870.680
Nhận ký quỹ giá công	255.000.000	191.708.000
Nhận ký quỹ thuê kho	430.671.072	306.144.000
Số dư cuối năm	1.595.503.800	2.221.722.680

5.14. Vay và nợ dài hạn

Là khoản nợ dài hạn của Công ty CP XD-TM-DV G.B Sài Gòn về chi phí xây dựng Công trình 78-80 CMT8, trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả là 1.320.000.000 đồng – Xem thêm mục 5.8. Khoản nợ này sẽ được cân trừ với tiền cho thuê nhà hằng năm tại địa chỉ 78-80 CMT8.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2-9 TP.HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 299/22 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

5.15. Vốn chủ sở hữu

5.15.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu

	VND					
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	55.500.000.000	17.380.542.000	22.741.833.194	5.550.000.000	9.565.727.627	110.738.102.821
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	19.604.478.977	19.604.478.977
Trích quỹ	-	-	996.706.997	-	(996.706.997)	-
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(2.990.120.990)	(2.990.120.990)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(9.435.000.000)	(9.435.000.000)
Giảm khác	-	-	-	-	(1.967.533.619)	(1.967.533.619)
Số dư đầu năm nay	55.500.000.000	17.380.542.000	23.738.540.191	5.550.000.000	13.780.844.998	115.949.927.189
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	21.902.347.385	21.902.347.385
Trích quỹ	-	-	1.095.117.369	-	(1.095.117.369)	-
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(3.285.352.108)	(3.285.352.108)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(9.990.000.000)	(9.990.000.000)
Giảm khác	-	-	-	-	(1.101.115.244)	(1.101.115.244)
Số dư cuối năm nay	55.500.000.000	17.380.542.000	24.833.657.560	5.550.000.000	20.211.607.662	123.475.807.222

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2-9 TP.HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 299/22 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

5.15.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	Cuối năm	Đầu năm
Vốn góp của Nhà nước	16.095.000.000	16.095.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	39.405.000.000	39.405.000.000
Tổng cộng	55.500.000.000	55.500.000.000

5.15.3. Cổ phần

	Năm nay	Năm trước
▪ Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	5.550.000	5.550.000
▪ Số lượng cổ phần đã bán ra		
+ Cổ phần phổ thông	5.550.000	5.550.000
▪ Số lượng cổ phần đang lưu hành		
+ Cổ phần phổ thông	5.550.000	5.550.000
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.		

5.15.4. Lãi cơ bản trên cổ phần

	Năm nay	Năm trước
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	21.902.347.385	19.604.478.977
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	5.550.000	5.550.000
Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)	3.946	3.532

5.15.5. Phân phối lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	13.780.844.998	9.565.727.627
Lợi nhuận sau thuế trong năm	21.902.347.385	19.604.478.977
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	(1.095.117.369)	(996.706.997)
Trích lập Quỹ dự phòng tài chính	-	-
Trích lập Quỹ khen thưởng	(2.628.281.686)	(2.392.096.792)
Trích lập Quỹ phúc lợi	(657.070.422)	(598.024.198)
Chia cổ tức	(9.990.000.000)	(9.435.000.000)
Thù lao hội đồng quản trị	(1.095.117.369)	(996.706.997)
Nộp bổ sung thuế TNDN theo quyết toán thuế năm 2010 - 2012	-	(675.699.321)
Nộp bổ sung thuế GTGT theo quyết toán thuế năm 2010 - 2012	-	(11.216.973)
Nộp tiền chậm nộp thuế theo Quyết định 4755/QĐ-CT-KT4	-	(215.116.026)
Nộp tiền vi phạm hành chính về thuế theo Quyết định 4755/QĐ-CT-KT4 và 4756/QĐ-CT-KT4	-	(68.794.302)
Giảm khác	(5.997.875)	-
Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm	20.211.607.662	13.780.844.998

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2-9 TP.HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 299/22 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng sản xuất	135.300.152.845	142.575.995.433
Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công	89.079.120	190.944.030
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	5.731.673.207	4.463.907.428
Chiết khấu thương mại	(4.378.614.508)	(3.049.655.090)
Hàng bán bị trả lại	(225.271.735)	(1.637.383.779)
Doanh thu thuần	136.517.018.929	142.543.808.022

6.2. Giá vốn hàng bán

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm	76.150.205.498	80.871.092.181
Giá vốn dịch vụ gia công	46.848.225	136.448.259
Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư	2.715.013.189	2.777.044.221
Hao hụt mất mát hàng tồn kho	(23.380.489)	(45.915.650)
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(179.752.213)	276.660.601
Tổng cộng	78.708.934.210	84.015.329.612

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	566.357.711	355.518.063
Cổ tức, lợi nhuận được chia	23.400.000	17.100.000
Chiết khấu thanh toán	13.470.581	35.942.038
Doanh thu hoạt động tài chính khác	4.835.460	864.000
Tổng cộng	608.063.752	409.424.101

6.4. Chi phí tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	1.214.962.933	2.358.711.114
Chiết khấu thanh toán	70.045.483	108.731.114
Tổng cộng	1.285.008.416	2.467.442.228

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2-9 TP.HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 299/22 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

6.5. Chi phí bán hàng

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	7.284.594.904	6.199.640.908
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	290.246.056	466.573.778
Chi phí khấu hao TSCĐ	339.376.726	515.363.029
Chi phí dịch vụ mua ngoài	377.526.614	800.688.971
Chi phí bằng tiền khác	6.390.532.640	9.716.961.716
Tổng cộng	14.682.276.940	17.699.228.402

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	8.756.466.993	6.011.369.364
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	389.867.008	534.024.668
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.071.457.575	1.101.310.676
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.231.223.232	1.853.858.481
Chi phí bằng tiền khác	2.557.299.218	2.958.209.961
Chi phí dự phòng các khoản phải thu khó đòi	306.875.276	190.566.376
Tổng cộng	14.313.189.302	12.649.339.526

6.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	28.171.049.623	26.171.522.004
Cộng các khoản điều chỉnh tăng	1.245.799.557	1.929.810.530
Trừ các khoản điều chỉnh giảm	(1.816.060.427)	(3.134.704.254)
Trừ thu nhập không chịu thuế	(23.400.000)	(17.100.000)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	27.577.388.753	24.949.528.280
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	22%	25%
Chi phí thuế TNDN phải nộp trong năm	6.067.025.526	6.237.382.070

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí được trừ khi tính thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2-9 TP.HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 299/22 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

6.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại, thuế TNDN hoãn lại phải trả của Công ty và những biến động trong năm và năm trước được trình bày như sau:

			VND
	Chi phí trích trước	Dự phòng	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	(743.435.459)	(40.240.605)	(783.676.064)
Hạch toán là chi phí (thu nhập) trong kết quả kinh doanh năm trước	313.564.715	16.096.242	329.660.957
Số dư đầu năm nay	(429.870.744)	(24.144.363)	(454.015.107)
Hạch toán là chi phí (thu nhập) trong kết quả kinh doanh năm nay	177.532.349	24.144.363	201.676.712
Số dư cuối năm nay	(252.338.395)	-	(252.338.395)

6.9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	47.185.138.133	51.383.656.383
Chi phí nhân công	32.476.400.906	32.196.901.802
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.517.160.021	7.376.454.121
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.882.962.483	7.455.760.546
Chi phí khác bằng tiền	11.414.796.751	16.467.517.763
Dự phòng hàng tồn kho	(179.752.213)	276.660.601
Dự phòng nợ phải thu	306.875.276	190.566.376
Tổng cộng	103.603.581.357	115.347.517.592

7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

- Thù lao Hội đồng quản trị và thu nhập của Ban Giám đốc:

		VND
	Năm nay	Năm trước
Thù lao Hội đồng quản trị	1.031.000.000	926.000.000
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc	2.163.280.080	1.587.279.429
Tổng cộng	3.194.280.080	2.513.279.429

8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

- Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

- Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng (bao gồm tiêu chuẩn ghi nhận, cơ sở đo lường, cơ sở ghi nhận doanh thu và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.13.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2-9 TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 299/22 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

Các loại công cụ tài chính

VND

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	01/01/2014
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.861.011.539	6.901.549.723
Phải thu khách hàng	23.036.051.824	25.611.455.455
Đầu tư ngắn hạn	5.000.000.000	7.000.000.000
Đầu tư dài hạn	14.850.000.000	14.190.000.000
Tài sản tài chính khác	49.000.000	42.000.000
Tổng cộng	52.796.063.363	53.745.005.178
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	4.396.569.258	22.618.656.160
Phải trả người bán	5.547.923.952	5.071.478.912
Nợ ngắn hạn và dài hạn	2.640.880.023	3.960.880.023
Chi phí phải trả	1.146.992.705	1.719.482.975
Công nợ tài chính khác	1.595.503.800	2.221.722.680
Tổng cộng	15.327.869.738	35.592.220.750

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

▪ **Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

▪ **Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro trọng yếu về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi vay vốn với lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Công ty quản lý bằng cách duy trì một tỷ lệ hợp lý giữa các khoản vay với lãi suất cố định và các khoản vay với lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

▪ **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2-9 TP.HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 299/22 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

▪ Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Công ty tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Công ty duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2014	VND		
	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Các khoản vay	4.396.569.258	-	4.396.569.258
Phải trả người bán	5.547.923.952	-	5.547.923.952
Nợ ngắn hạn và dài hạn	1.320.000.000	1.320.880.023	2.640.880.023
Chi phí phải trả	1.146.992.705	-	1.146.992.705
Công nợ tài chính khác	-	1.595.503.800	1.595.503.800

01/01/2014	VND		
	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Các khoản vay	22.618.656.160	-	22.618.656.160
Phải trả người bán	5.071.478.912	-	5.071.478.912
Nợ ngắn hạn và dài hạn	1.320.000.000	2.640.880.023	3.960.880.023
Chi phí phải trả	1.719.482.975	-	1.719.482.975
Công nợ tài chính khác	-	2.221.722.680	2.221.722.680

Hội đồng Quản trị đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Hội đồng Quản trị tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2014	VND		
	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng	23.036.051.824	-	23.036.051.824
Đầu tư ngắn hạn	5.000.000.000	-	5.000.000.000
Đầu tư dài hạn	-	14.850.000.000	14.850.000.000
Tài sản tài chính khác	7.000.000	42.000.000	49.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2-9 TP.HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 299/22 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

01/01/2014	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng	25.611.455.455	-	25.611.455.455
Đầu tư ngắn hạn	7.000.000.000	-	7.000.000.000
Đầu tư dài hạn	-	14.190.000.000	14.190.000.000
Tài sản tài chính khác	-	42.000.000	42.000.000

9. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

10. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 được Hội đồng Quản trị phê duyệt và phát hành vào ngày 16 tháng 03 năm 2015.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU

PHAN THỊ NAM HÀ

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TRỊNH BÍCH DUNG



DANH SÁCH CỔ ĐÔNG CÓ QUYỀN THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2015

(Chốt đến ngày 10/03/2015)

STT	Mã	Số	HỌ	TÊN	ĐỊA CHỈ	SỐ CMND/ĐKKD	Ngày cấp	Quốc tịch	Tổng số CP sở hữu	MỆNH GIÁ	Tỷ lệ (%)
1	A	001	CTY TNHH MTV DƯỢC SÀI GÒN	(ĐD VỐN NN)	18-20 NGUYỄN TRƯỜNG TỘ QUẬN 4	300523385	18/03/2010	Việt Nam	1,609,500	16,095,000,000	29.0%
2	C	317	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM	3/2	10 CÔNG TRƯỜNG QUỐC TẾ P.6 QUẬN 3	0204043876	14/11/2002	Việt Nam	12,375	123,750,000	0.22%
3	B	058	NGUYỄN NGỌC	ẤN	358/4B CÁCH MẠNG THÁNG 8 - F10 - QUẬN 3	021573624	03/09/2008	Việt Nam	4,702	47,020,000	0.08%
4	B	184	NGUYỄN HOÀI	ẤN	2/7 QUÁCH VĂN TUẤN F12 QUẬN TÂN BÌNH	024305147	28/09/2004	Việt Nam	618	6,180,000	0.01%
5	B	219	NGUYỄN THỊ	ẤN	71/18 LÊ QUANG ĐỊNH Q.BÌNH THẠNH	020177281	13/03/2007	Việt Nam	3,500	35,000,000	0.06%
6	C	027	NGUYỄN THỊ LAN	ANH	13/B4 LÊ VĂN THỌ F9 QUẬN GÒ VẤP	024895457	21/01/2008	Việt Nam	4,375	43,750,000	0.08%
7	B	065	TRẦN THỊ TÚ	ANH	229/32/6 BÙI THỊ XUÂN F1 QUẬN TÂN BÌNH	021053922	07/04/2010	Việt Nam	4,330	43,300,000	0.08%
8	B	066	LÊ THỊ TUYẾT	ANH	333/3 NGUYỄN TRỌNG TUYẾN F10 Q.PHÚ NHUẬN	020391901	18/10/1996	Việt Nam	2,145	21,450,000	0.04%
9	B	449	CÁP HỮU	ÁNH	569 TRƯỜNG CHINH - P.TÂN THỚI NHẤT - QUẬN 12	020083932	01/04/2009	Việt Nam	83,725	837,250,000	1.51%
10	B	119	NGUYỄN THỊ	ÁNH	225 XÔ VIẾT NGHỆ TĨNH P.17-Q. BÌNH THẠNH	021738803	03/10/2009	Việt Nam	1,855	18,550,000	0.03%
11	B	143	NGUYỄN THỊ NGỌC	ÁNH	136 BIS LÝ CHÍNH THẮNG P.7 QUẬN 3	020025663	10/03/1997	Việt Nam	5,625	56,250,000	0.10%
12	B	164	NGUYỄN THỊ	ÁNH	291/27 TRƯỜNG CHINH P.14 Q.TÂN BÌNH	020048996	13/09/1995	Việt Nam	15,000	150,000,000	0.27%
13	B	085	ĐẶNG THỊ	ẢNH	24/11Q NGUYỄN VĂN ĐỪNG F6 QUẬN 5	020344046	30/05/2001	Việt Nam	4,837	48,370,000	0.09%
14	C	382	TRẦN THỊ THU	BA	CTY CPCK BẢO VIỆT 11 NGUYỄN CÔNG TRỨ QUẬN 1	024485902	20/02/2006	Việt Nam	1,650	16,500,000	0.03%

STT	Mã	Số	HỌ	TÊN	ĐỊA CHỈ	SỐ CMND/ĐKKD	Ngày cấp	Quốc tịch	Tổng số CP sở hữu	MỆNH GIÁ	Tỷ lệ (%)
15	C	311	PHAN KỲ	BẮC	67/236A BÙI ĐÌNH TÚY F12 QUẬN BÌNH THẠNH	023146735	15/02/2003	Việt Nam	11,250	112,500,000	0.20%
16	C	335	LÊ VĂN	BÁ	N39 KP HOÀNG HOA THÁM-F13-Q. TÂN BÌNH	021835497	25/04/1996	Việt Nam	10,460	104,600,000	0.19%
17	C	433	VŨ THỊ	BẢN	57/24 BÀU CÁT-P.14-Q.TÂN BÌNH	024110378	03/03/2003	Việt Nam	19,727	197,270,000	0.36%
18	C	400	NGŨ VĂN	BẦY	365/22 CHU VĂN AN - P.12- Q. BÌNH THẠNH	020827979	13/10/2003	Việt Nam	3,300	33,000,000	0.06%
19	B	031	TRÀ THỊ	BẾ	59 NGUYỄN ĐÌNH KHƠI - PHƯỜNG 4 - QUẬN TÂN BÌNH	020248178	18/10/2008	Việt Nam	8,415	84,150,000	0.15%
20	C	439	NGUYỄN SỸ	BÍCH	42F LẠC LONG QUÂN - P.5 - QUẬN 11	020150645	14/05/2008	Việt Nam	5,000	50,000,000	0.09%
21	B	120	TRẦN THỊ	CÁNH	3 ĐƯỜNG 23 - P.BÌNH AN - QUẬN 2	025162539	09/09/2009	Việt Nam	1,270	12,700,000	0.02%
22	B	032	PHAN THỊ	CHÂU	53 ĐƯỜNG 7A P.BÌNH TRỊ ĐÔNG Q.BÌNH TÂN	020177085	29/08/2007	Việt Nam	2,500	25,000,000	0.05%
23	C	244	LÊ MINH	CHÂU	97 NGUYỄN CÔNG TRÚ F19 BÌNH THẠNH	022441232		Việt Nam	1,125	11,250,000	0.02%
24	C	262	LÊ THỊ MỸ	CHÂU	167/9 LÊ VĂN LƯƠNG KP 2 P.TÂN KIẾNG QUẬN 7	021103667	27/07/2006	Việt Nam	2,250	22,500,000	0.04%
25	C	286	TRẦN THỊ MINH	CHÂU	281/66/10 LÊ VĂN SỸ F1 TÂN BÌNH	022018634	20/10/2009	Việt Nam	1,237	12,370,000	0.02%
26	C	453	NGUYỄN NGỌC HUYỀN	CHÂU	28 NGUYỄN HỒNG ĐÀO - P.14 - QUẬN TÂN BÌNH	024443939	27/12/2005	Việt Nam	20,000	200,000,000	0.36%
27	B	195	NGUYỄN THỊ QUẾ	CHI	36 ĐƯỜNG 1011 PHẠM THẾ HIỂN F5 QUẬN 8	023322029	04/12/2009	Việt Nam	23,212	232,120,000	0.42%
28	C	404	LÊ DŨNG	CHINH	47/3 HUỖNH MÃN ĐẠT P.19 QUẬN BÌNH THẠNH	023208236	15/12/2007	Việt Nam	7,500	75,000,000	0.14%
29	B	035	ĐẶNG KHOÁT	CHUNG	42/6 TRẦN BÌNH TRỌNG - P5 - Q. BÌNH THẠNH	021564136	12/09/2009	Việt Nam	4,950	49,500,000	0.09%
30	B	108	NGUYỄN THỊ	CHUNG	144/2 LÝ CHÍNH THẮNG P.7 QUẬN 3	021565042	07/06/2002	Việt Nam	19,361	193,610,000	0.35%
31	B	054	TRẦN MINH	CƯỜNG	382/12/9 TÂN KỲ TÂN QUÝ - P.SƠN KỶ - Q.TÂN PHÚ	022781218	14/05/2008	Việt Nam	10,028	100,280,000	0.18%
32	B	059	NGUYỄN NHẬT	CƯỜNG	47/2A3 ĐƯỜNG TÂN HÓA F14 QUẬN 6	022514966	07/11/2006	Việt Nam	9,375	93,750,000	0.17%

STT	Mã	Số	HỌ	TÊN	ĐỊA CHỈ	SỐ CMND/ĐKKD	Ngày cấp	Quốc tịch	Tổng số CP sở hữu	MỆNH GIÁ	Tỷ lệ (%)
33	B	132	NGUYỄN THỊ KIM	CÚC	366/5A PHAN XÍCH LONG P.2 QUẬN PHÚ NHUẬN	020421149	01/04/2004	Việt Nam	4,500	45,000,000	0.08%
34	C	234	NGUYỄN THỊ	CÚC	48 HOA SÚ - CHUNG CƯ PN.TECHCONS B12 - 05	020094247	11/12/1991	Việt Nam	1,125	11,250,000	0.02%
35	C	460	LÊ ĐÌNH	DÂN	84 ĐƯỜNG 37 - PHƯỜNG TÂN KIẾNG - QUẬN 7	024870375	24/09/2012	Việt Nam	2,925	29,250,000	0.05%
36	B	017	VŨ VĂN	DIỆN	57/19 BÀU CÁT 9-F14-Q.TÂN BÌNH	021570746	28/07/2007	Việt Nam	12,857	128,570,000	0.23%
37	B	016	TRỊNH BÍCH	DUNG	197/33 NGUYỄN THỊ NHỎ F9 TÂN BÌNH	022236962	30/08/2010	Việt Nam	46,397	463,970,000	0.84%
38	B	124	NGUYỄN THỊ THUỶ	DUNG	20/1 LÊ QUANG ĐỊNH - P.14 -Q.BÌNH THẠNH	023824897	15/08/2000	Việt Nam	300	3,000,000	0.01%
39	B	147	NGÔ THỊ	DUNG	44/36 PHẠM VĂN HAI F2 QUẬN TÂN BÌNH	020925878	01/07/1997	Việt Nam	4,950	49,500,000	0.09%
40	B	170	ĐỖ THỊ KIM	DUNG	175/2 HUỖNH VĂN BÁNH F12 QUẬN PHÚ NHUẬN	020177360	14/10/1999	Việt Nam	8,550	85,500,000	0.15%
41	C	228	KHA QUỲNH	DUNG	120/8 NGUYỄN VĂN HƯỜNG F.THẢO ĐIỀN QUẬN 2	020089436	30/07/2003	Việt Nam	24,750	247,500,000	0.45%
42	C	370	ĐÌNH THỊ HỒNG	DUNG	23A/3 PHAN ĐĂNG LŨU-P.3-Q.BÌNH THẠNH	022867532	21/02/2009	Việt Nam	8,167	81,670,000	0.15%
43	B	064	NGUYỄN THẾ	DŨNG	111 C.CƯ HOÀNG HOA THÁM 3 F12 QUẬN TÂN BÌNH	021575075	11/06/2007	Việt Nam	825	8,250,000	0.01%
44	C	374	NGUYỄN NGHIÊM	DŨNG	629D BÀ HẠT P.6 QUẬN 10	022391252	11/12/2006	Việt Nam	3,300	33,000,000	0.06%
45	C	425	NGUYỄN TRỌNG	DŨNG	SỐ 5 IF16 THÀNH CÔNG NGÕ 165 THÁI HÀ LÁNG HÀ Đ	010442993	26/12/1997	Việt Nam	2,475	24,750,000	0.04%
46	B	075	NGUYỄN VĂN	DUY	7A/43/5 THÀNH THÁI-F14-QUẬN 10	022824044	09/12/1995	Việt Nam	550	5,500,000	0.01%
47	B	008	NGUYỄN THỊ MỸ NGỌC LÊ	DUYÊN	483/13 LÊ VĂN SĨ F12 QUẬN 3	022248407	21/07/1994	Việt Nam	1,237	12,370,000	0.02%
48	C	279	PHẠM THỊ	DUYÊN	39 ĐƯỜNG BÀU CÁT 6 F14 QUẬN TÂN BÌNH	024291656	18/11/2004	Việt Nam	2,475	24,750,000	0.04%
49	C	459	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	DUYÊN	463 LÊ VĂN SỸ - PHƯỜNG 2 - QUẬN TÂN BÌNH	022722077	18/06/2011	Việt Nam	2,762	27,620,000	0.05%
50	D	474	CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG	DV G.B SÀI G	78 - 80 CÁCH MẠNG THÁNG 8 - P.6 - QUẬN 3	0309763776	02/02/2010	Việt Nam	555,958	5,559,580,000	10.02%

STT	Mã	Số	HỌ	TÊN	ĐỊA CHỈ	SỐ CMND/ĐKKD	Ngày cấp	Quốc tịch	Tổng số CP sở hữu	MỆNH GIÁ	Tỷ lệ (%)
51	B	194	ĐẶNG THỊ	GIAO	2/7 QUÁCH VĂN TUẤN P.12 QUẬN TÂN BÌNH	020177243	04/09/2008	Việt Nam	12,375	123,750,000	0.22%
52	C	402	NGUYỄN THỊ	GIÀU	229/4 BÙI THỊ XUÂN P.1 QUẬN TÂN BÌNH	022670791	09/01/1992	Việt Nam	412	4,120,000	0.01%
53	C	249	PHẠM THỊ THU	HÂN	14B NGUYỄN HỒNG P.1 QUẬN GÒ VẤP	022471238	03/02/2009	Việt Nam	9,900	99,000,000	0.18%
54	B	040	NGUYỄN THỊ XUÂN	HẰNG	36 ĐÌNH TIẾN HOÀNG P.1 QUẬN BÌNH THẠNH	020263394	04/04/1996	Việt Nam	5,102	51,020,000	0.1%
55	C	357	CHU NGỌC THANH	HẰNG	29 HOA SỨ -P.7-Q. PHÚ NHUẬN	020738559	21/05/2010	Việt Nam	990	9,900,000	0.02%
56	B	067	ĐẶNG THỊ LIỄU	HẠNH	118/127C/5 PHAN HUY ÍCH - PHƯỜNG 15 - QUẬN TÂN	020913650	19/05/2005	Việt Nam	4,825	48,250,000	0.09%
57	B	102	CAO THỊ	HẠNH	57/19 BÀU CÁT 9 PHƯỜNG 14 - QUẬN TÂN BÌNH	023937340	23/07/2001	Việt Nam	12,375	123,750,000	0.22%
58	B	200	DIỆP THỊ TIẾT	HẠNH	71 NGUYỄN KIM F7-QUẬN 10	020089410	12/03/2009	Việt Nam	3,340	33,400,000	0.06%
59	C	289	TRẦN THỊ NGỌC	HẠNH	261/37/1 CHU VĂN AN F12 Q.BÌNH THẠNH	022469557	10/02/2004	Việt Nam	4,950	49,500,000	0.09%
60	C	466	CHU LƯƠNG	HẠNH	123/1 ĐỖ XUÂN HỢP-P.PHƯỚC LONG B-Q.9	023019718	01/11/1996	Việt Nam	5,000	50,000,000	0.09%
61	B	109	NGUYỄN THỊ	HÀ	134/109/90A LÝ CHÍNH THẮNG P.7 QUẬN 3	021565284	19/06/1996	Việt Nam	2,475	24,750,000	0.04%
62	D	437	CTY TNHH SX TM	HÀ VĨNH PHÁ	32/18 ÂU CƠ - P.9 - Q.TÂN BÌNH	0312575973	05/12/2013	Việt Nam	20,000	200,000,000	0.36%
63	B	002	CHU MAI	HÀO	123/1 ĐỖ XUÂN HỢP-P.PHƯỚC LONG B-QUẬN 9	020177140	23/10/2003	Việt Nam	72,769	727,690,000	1.31%
64	C	422	NGUYỄN HOÀNG	HẢI	453 KA /64 LÊ VĂN SĨ F12 QUẬN 3	021566943	17/09/2002	Việt Nam	65,074	650,740,000	0.77%
65	B	044	NGUYỄN THỊ	HIỀN	236H LÊ VĂN SĨ P.1 QUẬN TÂN BÌNH	022027527	04/08/2005	Việt Nam	6,435	64,350,000	0.12%
66	B	187	NGUYỄN THỊ	HIỀN	430/21 CÁCH MẠNG THÁNG 8 F11 QUẬN 3	020177152	02/10/2009	Việt Nam	6,000	60,000,000	0.11%
67	C	242	TRẦN HUY	HIỀN	LẦU 6 TOÀ NHÀ VICONSHIP SÀI GÒN SỐ 6 - 8 ĐOÀN VĂN BƠ - QUẬN 4	021777243	20/11/98	Việt Nam	1,125	11,250,000	0.02%
68	C	343	HOÀNG THỊ THU	HIỀN	56/2 ấp Quyết Thắng Bình Thắng DT An Bình Dương	280900959	04/03/2003	Việt Nam	5,850	58,500,000	0.11%

STT	Mã	Số	HỌ	TÊN	ĐỊA CHỈ	SỐ CMND/ĐKKD	Ngày cấp	Quốc tịch	Tổng số CP sở hữu	MỆNH GIÁ	Tỷ lệ (%)
69	C	424	NGUYỄN THỊ DIỆU	HIỀN	119B/58/16 NGUYỄN THỊ TẤN P.2 QUẬN 8	025013997	21/10/2008	Việt Nam	5,850	58,500,000	0.11%
70	B	476	HUỖNH THỊ DIỆU	HIỀN	95 NGUYỄN CHÍ THANH - PHƯỜNG 9 - QUẬN 5	024998291	26/05/2008	Việt Nam	1,954	19,540,000	0.35%
71	C	251	NGUYỄN THỊ	HIỀN	1 NGÁCH 4/14 NGÕ 4 P. PHƯƠNG MAI-ĐỒNG ĐA-HÀ NỘI	011587230	01/08/2009	Việt Nam	2,475	24,750,000	0.04%
72	C	329	CHU LƯƠNG	HIẾU	123/1 ĐỖ XUÂN HỢP-P.PHƯỚC LONG B-QUẬN 9	023176700	02/12/2003	Việt Nam	5,475	54,750,000	0.10%
73	B	103	ĐÀO THỊ	HOA	N39 KPHOẢNG HOA THÁM P.13 QUẬN TÂN BÌNH	020821235	20/12/2000	Việt Nam	12,983	129,830,000	0.23%
74	B	167	VŨ THỊ NAM	HOA	27A1 CC 830 SỰ VẠN HẠNH (nối dài) F13 QUẬN 10	020077824	04/09/2003	Việt Nam	26,968	269,680,000	0.49%
75	B	212	ĐINH THỊ HUYỀN	HOA	190/21 ĐƯỜNG XÓM ĐẤT F10 QUẬN 11	020177076	05/12/1993	Việt Nam	1,975	19,750,000	0.04%
76	C	264	NGUYỄN THỊ HỒNG	HOA	549/49 NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU P.2 QUẬN 3	022771480	22/08/1999	Việt Nam	1,125	11,250,000	0.02%
77	C	417	NGUYỄN THỊ	HOA	62/1/8 TRƯỜNG CÔNG ĐỊNH F14 Q.TÂN BÌNH	023821573	24/10/2001	Việt Nam	5,500	55,000,000	0.10%
78	C	257	BẠCH LONG	HỒNG	33B NGUYỄN BÌNH KIỆM QUẬN 1	022542011	18/08/1988	Việt Nam	6,750	67,500,000	0.12%
79	D	435	DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN IN	HỒNG PHÚC	3C-3D-3E ĐƯỜNG SỐ 14 - P.BÌNH HƯNG HOÀ A - Q.BÌNH THẠNH	04101004640	08/07/2002	Việt Nam	5,000	50,000,000	0.09%
80	B	053	NGUYỄN QUANG	HOÀNG	21 LƯƠNG VĂN CÁN F15 QUẬN 8	021042916	14/07/2008	Việt Nam	3,000	30,000,000	0.05%
81	B	190	LÊ THỊ XUÂN	HOÀNG	67/234 BÙI ĐÌNH TÚY F12 QUẬN BÌNH THẠNH	020865779	15/08/2000	Việt Nam	4,950	49,500,000	0.09%
82	B	220	CA THỊ	HOÀNG	449/4 LÊ QUANG ĐỊNH Q.BÌNH THẠNH	020417433	14/03/06	Việt Nam	4,500	45,000,000	0.08%
83	C	229	PHẠM THỊ	HOÀNG	14B NGUYỄN HỒNG P.1 Q.GÒ VẤP	020089587	09/07/2009	Việt Nam	16,087	160,870,000	0.29%
84	C	247	TRẦN KIM	HOÀNG	247 HÀN HẢI NGUYỄN P2 QUẬN 11	020146311	26/11/95	Việt Nam	1,237	12,370,000	0.02%
85	C	259	VÕ KIM	HOÀNG	SỐ 2 LÔ C Đ. TRƯỜNG SƠN F15 QUẬN 10	020226812	23/05/2007	Việt Nam	9,900	99,000,000	0.18%
86	C	304	TRẦN VĂN	HOÀNG	382/12/9 TÂN KỲ TÂN QUÝ P.SƠN KỲ QUẬN TÂN PHÚ	020096832	18/07/2007	Việt Nam	6,750	67,500,000	0.12%

STT	Mã	Số	HỌ	TÊN	ĐỊA CHỈ	SỐ CMND/ĐKKD	Ngày cấp	Quốc tịch	Tổng số CP sở hữu	MỆNH GIÁ	Tỷ lệ (%)
87	B	076	NGUYỄN HOÀ	HƯNG	280/33/9A CÁCH MẠNG THÁNG 8 F10 QUẬN 3	022643360	28/08/1997	Việt Nam	5,100	51,000,000	0.09%
88	B	006	PHAN VĂN	HÒA	81 NGÔ THỜI NHIỆM F6 QUẬN 3	20507100	30/10/2006	Việt Nam	247	2,470,000	0.00%
89	B	021	TRƯƠNG THỊ THÁI	HÒA	194 BÀ HẠT QUẬN 10	020036911	18/04/2011	Việt Nam	41,575	415,750,000	0.75%
90	B	060	ĐẶNG THỊ THU	HÒA	164A/1 NGUYỄN VĂN TRỖI F8 QUẬN PHÚ NHUẬN	020606297	28/10/1993	Việt Nam	3,795	37,950,000	0.07%
91	C	225	KHUU THIÊN	HÒA	698 KINH DƯƠNG VƯƠNG P.AN LẠC BÌNH TÂN	023765929	05/01/2008	Việt Nam	1,500	15,000,000	0.03%
92	C	387	LÊ TRỌNG	HÒA	270/10 ĐƯỜNG LINH TRUNG - P.LINH TRUNG - Q.THỦ ĐỨC	273189435	30/10/2001	Việt Nam	825	8,250,000	0.01%
93	B	071	NGUYỄN THỊ MINH	HƯƠNG	25/7 BIS NGUYỄN PHI KHANH P.TÂN ĐỊNH QUẬN 1	020089272	29/02/2008	Việt Nam	2,310	23,100,000	0.04%
94	B	156	PHẠM THỊ HỒNG	HƯƠNG	41 ĐƯỜNG 11 P.13 QUẬN 6	023426339	04/08/1997	Việt Nam	1,000	10,000,000	0.0%
95	B	005	NGUYỄN THỊ NGỌC	HƯƠNG	280/33/9A CÁCH MẠNG THÁNG 8 F10 QUẬN 3	021720619	02/10/1997	Việt Nam	8,800	88,000,000	0.16%
96	C	345	DƯƠNG QUỲNH	HƯƠNG	72-74 NGUYỄN THỊ MINH KHAI - P.6 - QUẬN 3	023622241	13/11/1997	Việt Nam	9,405	94,050,000	0.17%
97	C	440	NGÔ THỊ GIÁNG	HƯƠNG	22/19/5 LÝ THƯỜNG KIỆT - P.6 - QUẬN TÂN BÌNH	022687614	31/12/2004	Việt Nam	45,952	459,520,000	0.83%
98	B	115	LÂM BÁ	HỮNG	2/5/2 QUỐC LỘ 13-P.HIỆP BÌNH CHÁNH-Q.THỦ ĐỨC	024766070	21/06/2007	Việt Nam	5,737	57,370,000	0.10%
99	B	007	ĐOÀN XUÂN	HƯƠNG	108/46/5 THÍCH QUẢNG ĐỨC F5 Q.PHÚ NHUẬN	020359329	20/09/2005	Việt Nam	3,960	39,600,000	0.07%
100	C	233	ĐOÀN	HUẤN	27/13/3 ĐƯỜNG SỐ 27 P.HIỆP BÌNH CHÁNH THỦ ĐỨC	024333810	27/01/2005	Việt Nam	3,960	39,600,000	0.07%
101	B	074	NGUYỄN ĐỨC	HUÂN	220/21/6 LÊ VĂN SỸ-P.14-QUẬN 3	021770315	12/04/1999	Việt Nam	825	8,250,000	0.01%
102	B	185	PHÙNG THỊ KIM	HUỆ	72/19/8/27 ĐƯỜNG SỐ 4 KP6 HIỆP BÌNH PHƯỚC Q.THỦ ĐỨC	0131166367	05/09/1996	Việt Nam	1,485	14,850,000	0.03%
103	B	202	TRẦN PHƯƠNG	HUỆ	28/6 TỔ 5 ĐƯỜNG 11 P.TRƯỜNG THỌ - THỦ ĐỨC	021412899	09/08/2007	Việt Nam	5,400	54,000,000	0.10%
104	C	236	HOÀNG TỬ	HÙNG	349/129 LÊ ĐẠI HÀNH P.13-QUẬN 11	020116794	18/01/2005	Việt Nam	1,237	12,370,000	0.02%

STT	Mã	Số	HỌ	TÊN	ĐỊA CHỈ	SỐ CMND/ĐKKD	Ngày cấp	Quốc tịch	Tổng số CP sở hữu	MỆNH GIÁ	Tỷ lệ (%)
105	C	240	TRẦN KIM	HÙNG	40/5 PHÚ MỸ - PHƯỜNG 22 - QUẬN BÌNH THẠNH	024528334	15/03/2006	Việt Nam	1,237	12,370,000	0.02%
106	C	268	TÂN CHIÊU	HÙNG	341 CAO ĐẠT - CĂN HỘ C2-13 -P.1-QUẬN 5	024033643	27/08/2002	Việt Nam	2,475	24,750,000	0.04%
107	C	301	NGUYỄN CHÍ	HÙNG	483 SỰ VẠN HẠNH - PHƯỜNG 12 - QUẬN 10	023163935	28/12/1994	Việt Nam	2,475	24,750,000	0.04%
108	C	333	ĐẶNG ĐỨC THẾ	HUY	20-21 LÔ K - CƯ XÁ BÙI MINH TRỰC - P.5 - QUẬN 8	022548781	07/06/2004	Việt Nam	11,700	117,000,000	0.21%
109	C	458	HOÀNG ANH	HUY	011 LÔ L CHUNG CƯ NGÔ GIA TỰ, PHƯỜNG 2, QUẬN 10	023279014	24/06/2008	Việt Nam	4,950	49,500,000	0.09%
110	C	267	PHAN MINH	HUYỀN	68 ĐƯỜNG C1 F13 QUẬN TÂN BÌNH	020613368	26/05/2003	Việt Nam	2,475	24,750,000	0.04%
111	C	340	NGUYỄN THANH	HUYỀN	06 ĐẶNG TẮT F.TÂN ĐỊNH QUẬN 1	023860416	20/12/2000	Việt Nam	121,692	1,216,920,000	2.19%
112	C	410	PHẠM THANH	HUYỀN	174 ĐƯỜNG SỐ 7 KHU DÂN CƯ TRUNG SƠN BÌNH CHÁNH	024342749	29/03/2005	Việt Nam	3,300	33,000,000	0.06%
113	B	471	NGUYỄN QUANG	HUYNH	706 NGUYỄN DUY TRINH - PHƯỜNG BÌNH TRÚNG ĐÔNG	271494924	05/04/2011	Việt Nam	500	5,000,000	0.01%
114	C	325	NGUYỄN VĂN	KHA	390 Đ.TÊN LỬA P.BÌNH TRỊ ĐÔNG B - BÌNH TÂN	021606144	29/07/2003	Việt Nam	12,375	123,750,000	0.22%
115	C	390	HOÀNG MINH	KHAI	A6.02 CAO ỐC TECHCÓN SỐ 48 ĐƯỜNG HOA SỨ-P.7-Q.	024533713	15/08/2006	Việt Nam	23,842	238,420,000	0.43%
116	B	078	NGUYỄN TẤN	KHANG	154/2 LÝ CHÍNH THẮNG P.7 QUẬN 3	023420746	18/06/1996	Việt Nam	476	4,760,000	0.01%
117	C	277	LÊ THÁI NGUYỄN	KHANG	A/521 PHƯỜNG HIỆP PHÚ QUẬN 9	021365555	07/08/1979	Việt Nam	2,250	22,500,000	0.04%
118	B	091	NGUYỄN HÙNG	KHANH	128/24 LÊ ĐỨC THỌ - PHƯỜNG 6 - QUẬN GÒ VẤP	020126646	31/01/2000	Việt Nam	2,845	28,450,000	0.05%
119	C	338	TRẦN THỊ NHƯ	KHANH	219/21A TẠ QUANG BỬU -P.3-QUẬN 8	024333029	24/12/2004	Việt Nam	4,950	49,500,000	0.09%
120	C	263	NGUYỄN HÀ MỸ	KHÁNH	3B4 ĐƯỜNG 23 P.18 Q.TÂN BÌNH	022176954	15/10/91	Việt Nam	1,125	11,250,000	0.02%
121	C	308	NGUYỄN	KIẾN	150/9 UNG VĂN KHIÊM F25 QUẬN BÌNH THẠNH	020034125	31/03/1978	Việt Nam	7,425	74,250,000	0.13%
122	B	161	LÊ HẠNH	KIẾU	19/1/23 KINH DƯƠNG VƯƠNG P.12 QUẬN 6	024153813	10/07/2003	Việt Nam	6,000	60,000,000	0.11%

STT	Mã	Số	HỌ	TÊN	ĐỊA CHỈ	SỐ CMND/ĐKKD	Ngày cấp	Quốc tịch	Tổng số CP sở hữu	MỆNH GIÁ	Tỷ lệ (%)
123	C	384	ĐÀO THIÊN	KIM	156 HÙNG VƯƠNG P.2 QUẬN 10	022314904	27/06/2001	Việt Nam	1,650	16,500,000	0.03%
124	C	253	TRẦN VĂN	KINH	135/73/57 ĐỘI CÁN P.NGOC HÀ Q.BA ĐÌNH HÀ NỘI	010039153	08/05/1978	Việt Nam	2,250	22,500,000	0.04%
125	C	446	NGUYỄN VĂN	KÍNH	180A LÊ VĂN SĨ F10 QUẬN PHÚ NHUẬN	021875688	10/09/1997	Việt Nam	3,750	37,500,000	0.07%
126	C	290	VŨ NGỌC	KINH	14/13/38 THÂN NHÂN TRUNG P.13 Q.TÂN BÌNH	023140139	15/05/2008	Việt Nam	12,375	123,750,000	0.22%
127	C	336	HOÀNG ĐẠI	KỬ	172 ĐƯỜNG SỐ 1-P.3-QUẬN GÒ VẤP	020552988	14/02/2008	Việt Nam	8,000	80,000,000	0.14%
128	C	392	HUỖNH HỒNG	KỶ	134/4 TÔN ĐẢN P.10 QUẬN 4	032702376	19/01/2001	Việt Nam	2,475	24,750,000	0.04%
129	B	042	NGUYỄN THANH	LÂM	376/34 AN DƯƠNG VƯƠNG P.4 QUẬN 5	025015896	11/04/2009	Việt Nam	15,138	151,380,000	0.27%
130	B	061	NGUYỄN NGỌC	LÂN	46/22 VƯỜN CHUỐI P.4 QUẬN 3	020076762	17/12/2004	Việt Nam	1,650	16,500,000	0.03%
131	C	359	PHẠM TRỌNG	LÂN	SỐ 2 NGÕ 99 TRUNG LIỆT ĐỒNG ĐA HÀ NỘI	010231062	07/02/2001	Việt Nam	15,750	157,500,000	0.28%
132	C	269	NGUYỄN XUÂN	LẬP	384/47 NAM KỶ KHỞI NGHĨA F8 QUẬN 3	020034076	21/07/2000	Việt Nam	6,750	67,500,000	0.12%
133	B	213	LÊ THỊ	LẮM	524/1/13 -14 LÔ H NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU F4 QUẬN 3	020089134	06/05/1978	Việt Nam	6,187	61,870,000	0.11%
134	B	179	ĐÌNH THỊ	LAI	194/50 BẠCH ĐẰNG P.24 QUẬN BÌNH THẠNH	020177113	16/01/2007	Việt Nam	6,435	64,350,000	0.12%
135	B	081	TỔNG THỊ	LAN	21/50 NGUYỄN CẢNH CHÂN F. CẦU KHO QUẬN 1	024269905	11/01/2005	Việt Nam	2,598	25,980,000	0.05%
136	B	110	NGUYỄN THỊ ÁNH	LAN	74/566 PHAN HUY ÍCH F12 QUẬN GÒ VẤP	020230792	18/09/1999	Việt Nam	2,000	20,000,000	0.04%
137	B	216	DƯƠNG THỊ PHƯƠNG	LAN	489A/23/253 HUỖNH VĂN BÁNH F13 PHÚ NHUẬN	021721482	22/09/2003	Việt Nam	12,002	120,020,000	0.22%
138	C	302	TRẦN THỊ NGỌC	LAN	20 ĐẶNG DUNG F.TÂN ĐỊNH QUẬN 1	021899681	23/06/2009	Việt Nam	2,475	24,750,000	0.04%
139	B	455	LÃNG NGUYỄN THÙY	LAN	47/H12 NGUYỄN VĂN ĐẬU - PHƯỜNG 6 - QUẬN BÌNH T	021043128	22/07/2008	Việt Nam	1,425	14,250,000	0.03%
140	B	118	NGUYỄN THỊ KHÁNH	LÊ	7/12 ĐƯỜNG SỐ 7-P.16-QUẬN GÒ VẤP	022800953	31/07/1999	Việt Nam	3,300	33,000,000	0.06%

STT	Mã	Số	HỌ	TÊN	ĐỊA CHỈ	SỐ CMND/ĐKKD	Ngày cấp	Quốc tịch	Tổng số CP sở hữu	MỆNH GIÁ	Tỷ lệ (%)
141	C	462	NGUYỄN DIỆU	LÊ	243 LẤU 2 C/C BÌNH PHÚ - ĐƯỜNG SỐ 30 - P.10 - QUẬN 1	022444240	14/06/2008	Việt Nam	2,250	22,500,000	0.04%
142	B	073	NGÔ THỊ MỸ	LỆ	339 CHU VĂN AN P.12 QUẬN BÌNH THẠNH	020414516		Việt Nam	8,758	87,580,000	0.16%
143	C	274	TRẦN QUYẾN	LỄ	77/5 NGUYỄN THỊ NHỎ - P.9 -Q.TÂN BÌNH	021638702	07/07/1995	Việt Nam	34,408	344,080,000	0.62%
144	B	140	PHẠM THANH	LIÊM	242/73/15 NGUYỄN THIÊN THUẬT F3 Q3	020539874	12/12/1978	Việt Nam	2,350	23,500,000	0.04%
145	B	172	LÊ KIM	LIÊN	97 NGUYỄN CÔNG TRÚ F19 QUẬN BÌNH THẠNH	020177389	24/01/1989	Việt Nam	1,750	17,500,000	0.03%
146	C	231	NGUYỄN THỊ	LIÊN	29 BẾN CHUÔNG DƯƠNG QUẬN 1	0361402325	13/06/2009	Việt Nam	1,125	11,250,000	0.02%
147	C	245	PHAN THỊ HỒNG	LIÊN	18/5 NGUYỄN CỬU VÂN - P.17-Q. BÌNH THẠNH	024281916	09/08/2004	Việt Nam	4,950	49,500,000	0.09%
148	C	246	NGUYỄN THỊ	LIÊN	18/9 NGUYỄN CỬU VÂN F17 BÌNH THẠNH	024511313	21/03/2006	Việt Nam	1,237	12,370,000	0.02%
149	C	298	NGUYỄN THỊ THANH	LIÊN	528/5/75 ĐIỆN BIÊN PHỦ-P.11-QUẬN 10	020780969	12/10/2006	Việt Nam	4,950	49,500,000	0.09%
150	C	397	NGUYỄN THỊ NGỌC	LIÊN	14/12 TRẦN MAI NINH P.12 Q.TÂN BÌNH	023760574	15/12/2004	Việt Nam	825	8,250,000	0.01%
151	B	171	ĐINH THỊ MỸ	LINH	688 NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU P.3 QUẬN 3	024178009	08/10/2003	Việt Nam	79,777	797,770,000	1.44%
152	C	303	TRẦN THỊ CHÍ	LINH	15 ĐỖ QUANG ĐẪU F.PHẠM NGŨ LÃO QUẬN 1	020302570	09/03/2006	Việt Nam	2,475	24,750,000	0.04%
153	B	086	TRẦN THỊ THANH	LOAN	159/32 TRẦN VĂN ĐANG P.11 QUẬN 3	020696646	07/06/2006	Việt Nam	3,000	30,000,000	0.05%
154	C	396	BÙI THỊ KIM	LOAN	179 C CÁCH MẠNG THÁNG 8 - P.5 - QUẬN 3	020209485	14/03/2000	Việt Nam	825	8,250,000	0.01%
155	C	028	LÊ THỊ BÍCH	LỢI	236/1 KP1 P.BÌNH THỌ QUẬN THỦ ĐỨC	172256759	11/10/1999	Việt Nam	550	5,500,000	0.01%
156	B	205	NGUYỄN THỊ	LỢI	225 XÔ VIẾT NGHỆ TĨNH F17 BÌNH THẠNH	020547398	28/10/99	Việt Nam	2,544	25,440,000	0.05%
157	C	316	PHAN VĂN	LỢI	299- C20 KHU DÂN CƯ SÔNG GIỒNG F.AN KHÁNH QUẬN 1	020097587	18/01/1997	Việt Nam	12,375	123,750,000	0.22%
158	C	326	TRỊNH QUỐC	LƯƠNG	757 ĐƯỜNG 3/2 QUẬN 10	020697252	02/08/2003	Việt Nam	11,250	112,500,000	0.20%

STT	Mã	Số	HỌ	TÊN	ĐỊA CHỈ	SỐ CMND/ĐKKD	Ngày cấp	Quốc tịch	Tổng số CP sở hữu	MỆNH GIÁ	Tỷ lệ (%)
159	C	377	NGUYỄN THANH	LIU	95/34 PHAN VĂN TRỊ P.2 QUẬN 5	022799121	03/11/2007	Việt Nam	1,650	16,500,000	0.03%
160	B	022	TRƯƠNG TẤN	LUẬT	39 PHONG PHÚ F11 QUẬN 8	020919696	30/09/1999	Việt Nam	11,055	110,550,000	0.20%
161	C	409	NGÔ THỊ CẨM	LY	78-80 CMT8 -P.6-QUẬN 3	022474267	31/12/2004	Việt Nam	233,610	2,336,100,000	4.21%
162	C	292	NGUYỄN THỊ	MÃN	55/29 TRẦN ĐÌNH XU P.CẦU KHO QUẬN 1	020226811	14/06/2010	Việt Nam	2,475	24,750,000	0.04%
163	C	305	TRẦN DOÃN	MẬU	617/17 NGUYỄN KIÊM F9 Q.PHÚ NHUẬN	023006776	28/07/1992	Việt Nam	4,500	45,000,000	0.08%
164	B	094	TRẦN THỊ	MAI	109A NGUYỄN PHÚC CHU - P.15 - Q.TÂN BÌNH	022027469	28/06/2005	Việt Nam	5,623	56,230,000	0.10%
165	C	232	LÊ THỊ NGỌC	MAI	97 NGUYỄN CÔNG TRÚ F19 BÌNH THẠNH	022260574		Việt Nam	1,125	11,250,000	0.02%
166	C	332	NGUYỄN THỊ LỆ	MAI	158/1 NGUYỄN CÔNG TRÚ P.NGUYỄN THÁI BÌNH-QUẬN	022971872	20/08/2002	Việt Nam	17,919	179,190,000	0.32%
167	C	322	LÊ THỊ	MÃI	CTY CP CÁP VÀ VẬT LIỆU VIỄN THÔNG BIÊN HOÀ - Đ.	280408870	28/11/2002	Việt Nam	5,062	50,620,000	0.09%
168	B	036	NGUYỄN THỊ	MÃNH	236H LÊ VĂN SĨ - P1-Q.TÂN BÌNH	020177317	05/11/1991	Việt Nam	4,950	49,500,000	0.09%
169	B	150	ĐẶNG THỊ THANH	MINH	193/38 BẾN PHÚ ĐỊNH - P.16- Q.QUẬN 8	020628625	17/02/2004	Việt Nam	4,455	44,550,000	0.08%
170	B	222	NGUYỄN ĐĂNG	MINH	513 ĐỖ XUÂN HỢP F.PHƯỚC LONG B QUẬN 9	023168957	05/04/1996	Việt Nam	1,650	16,500,000	0.03%
171	C	393	TRẦN THỊ NGỌC	MINH	326 TRẦN HƯNG ĐẠO B P.11 QUẬN 5	020083878	23/07/1998	Việt Nam	8,250	82,500,000	0.15%
172	B	134	NGUYỄN THỊ	MƠ	40/10 PHÚ MỸ P.22 Q.BÌNH THẠNH	022018130	03/02/1999	Việt Nam	4,500	45,000,000	0.08%
173	C	266	NGUYỄN THỊ	MỘT	QL.1 KHU 4 THỊ TRẦN CAI LẬY TIỀN GIANG	310376413	14/12/2000	Việt Nam	5,225	52,250,000	0.09%
174	B	217	GIANG	MUỘI	12/8 NGUYỄN PHI KHANH P.TÂN ĐỊNH QUẬN 1	020177354	16/12/2003	Việt Nam	4,950	49,500,000	0.09%
175	C	427	HUỖNH NHỊ	MUỐI	32/18 ẬU CƠ P.9 Q.TÂN BÌNH	021845701	07/05/2007	Việt Nam	13,488	134,880,000	0.24%
176	B	169	HUỖNH THỊ HOÀI	MỸ	98 LẤU 2 NGUYỄN VĂN CỬ F.NGUYỄN CƯ TRINH QUẬN	020274463	16/09/2003	Việt Nam	1,100	11,000,000	0.02%

STT	Mã	Số	HỌ	TÊN	ĐỊA CHỈ	SỐ CMND/ĐKKD	Ngày cấp	Quốc tịch	Tổng số CP sở hữu	MỆNH GIÁ	Tỷ lệ (%)
177	C	385	HỒ THỊ TUYẾT	MỸ	20/D50 ĐƯỜNG 3-2 P.12 QUẬN 10	021634069	07/01/2009	Việt Nam	4,125	41,250,000	0.07%
178	C	342	NGUYỄN HỮU	ĐẮM	430/32A CÁCH MẠNG THÁNG 8 QUẬN 3	020276279	02/03/2010	Việt Nam	2,576	25,760,000	0.05%
179	B	166	NGUYỄN THỊ	ĐỈNH	382/12/9 TÂN KỲ TÂN QUÝ P.SƠN KỲ QUẬN TÂN PHÚ	020177376	27/06/2007	Việt Nam	9,382	93,820,000	0.17%
180	C	355	TRẦN VĂN	ĐẠT	195/35 TRẦN VĂN ĐANG P.11 QUẬN 3	021571556	09/05/2013	Việt Nam	101,913	1,019,130,000	1.84%
181	B	048	TRẦN HOÀNG	NAM	235/20 THÍCH QUẢNG ĐỨC P.4 QUẬN PHÚ NHUẬN	020526466	29/06/2005	Việt Nam	13,805	138,050,000	0.25%
182	B	009	LÊ THỊ	NAM	45/67 TRẦN HUY LIỆU P.12 QUẬN PHÚ NHUẬN	020210170	25/08/2003	Việt Nam	3,150	31,500,000	0.06%
183	D	436	CTY TNHH SX&TM	NAM LONG PH	KM 1929 QL1A - LONG BÌNH - LONG HIỆP - BẾN LỨC	1100499874	07/02/2001	Việt Nam	25,000	250,000,000	0.45%
184	B	443	NGÔ THỊ TRANG	ĐÀI	1/26 TRẦN BÌNH TRỌNG P.5 Q.BÌNH THẠNH	023388255	22/07/2003	Việt Nam	150	1,500,000	0.00%
185	B	129	TRẦN HỮU	ĐÀN	25 PHAN CHU TRINH P.BẾN THÀNH QUẬN 1	022057076	19/07/2006	Việt Nam	12,993	129,930,000	0.23%
186	B	018	LƯƠNG THỊ TUYẾT	ĐÀO	212/89/1 NGUYỄN THIÊN THUẬT F3 QUẬN 3	020508614	15/05/1996	Việt Nam	4,130	41,300,000	0.06%
187	B	221	TRẦN THỊ XUÂN	ĐÀO	006 Lô G C/C NGUYỄN THIÊN THUẬT F1 QUẬN 3	023162883	06/06/2013	Việt Nam	3,630	36,300,000	0.07%
188	C	299	TRẦN HỒNG	ĐÀO	205 TÂN KỲ TÂN QUÝ - P.TÂN SƠN NHÌ - Q.TÂN PHÚ	020130979	16/12/1995	Việt Nam	4,950	49,500,000	0.09%
189	B	099	TRẦN THỊ KIM	NGA	47/2A3 ĐƯỜNG TÂN HÓA P.14 QUẬN 6	020725958	11/04/1996	Việt Nam	12,825	128,250,000	0.23%
190	C	426	LÝ THỊ KIM	NGA	240 QUÁCH ĐÌNH BẢO-P.PHÚ THẠNH-Q. TÂN PHÚ	022536096	21/03/1997	Việt Nam	3,093	30,930,000	0.06%
191	B	224	ĐÌNH KIM	NGÂN	201/94 NGUYỄN XÍ F26 QUẬN BÌNH THẠNH	023688982	12/06/1999	Việt Nam	1,650	16,500,000	0.03%
192	C	297	LÊ BÍCH	NGÂN	108/56B TRẦN QUANG DIỆU F14 QUẬN 3	023429854	24/06/1998	Việt Nam	3,369	33,690,000	0.06%
193	C	312	TRẦN THỊ KIM	NGÂN	42L KHU DÂN CƯ MIẾU NỞI F3 Q.BÌNH THẠNH	023616439	24/06/2009	Việt Nam	11,250	112,500,000	0.20%
194	C	398	LÊ THỊ NGỌC	NGÂN	14/9 CÙ CHÍNH LAN - PHƯỜNG 13 - QUẬN TÂN BÌNH	260822130	10/06/1994	Việt Nam	1,650	16,500,000	0.03%

STT	Mã	Số	HỌ	TÊN	ĐỊA CHỈ	SỐ CMND/ĐKKD	Ngày cấp	Quốc tịch	Tổng số CP sở hữu	MỆNH GIÁ	Tỷ lệ (%)
195	B	151	LÊ THỊ	NGHIỆM	414 LÊ VĂN SĨ F14 QUẬN 3	020527856	17/07/98	Việt Nam	3,200	32,000,000	0.06%
196	B	154	HUỲNH TRỌNG	NGHĨA	62/7/35 NGUYỄN ĐÌNH CHÍNH F15 Q.PHÚ NHUẬN	022458535	26/06/2010	Việt Nam	1,980	19,800,000	0.04%
197	C	300	NGUYỄN TIẾN	NGHĨA	199/6 HOÀNG VĂN THỤ F8 Q.PHÚ NHUẬN	023447449	12/01/1999	Việt Nam	1,237	12,370,000	0.02%
198	B	083	NGUYỄN THỊ	NGỌC	146/6 LÝ CHÍNH THẮNG F7 QUẬN 3	020576072	01/03/2010	Việt Nam	5,320	53,200,000	0.10%
199	C	230	NGUYỄN THỊ KHÁNH	NGỌC	339/48 TÔ HIẾN THÀNH F12 QUẬN 10	022101300	27/06/2002	Việt Nam	1,237	12,370,000	0.02%
200	B	135	NGUYỄN NHƯ MINH	NGUYỆT	229/4 BÙI THỊ XUÂN - P.1 - QUẬN TÂN BÌNH	021212555	03/02/2000	Việt Nam	430	4,300,000	0.01%
201	C	254	VŨ THỊ MINH	NGUYỆT	333/15A LÝ THÁI TỔ F9 QUẬN 10	021859384	08/09/1994	Việt Nam	2,475	24,750,000	0.04%
202	B	193	NGUYỄN THỊ THỤY	NGUYỄN	6C LÝ CHIÊU HOÀNG P.10 QUẬN 6	020582671	28/02/2001	Việt Nam	9,562	95,620,000	0.17%
203	C	243	VĂNG VĨNH	NGUYỄN	528/35 ĐIỆN BIÊN PHỦ F11 QUẬN 10	022110183	02/03/2004	Việt Nam	2,475	24,750,000	0.04%
204	C	287	TRƯƠNG THỊ THU	NGUYỆT	246 MINH PHỤNG F16 QUẬN 11	021183426	15/01/1991	Việt Nam	2,475	24,750,000	0.04%
205	C	313	TRƯƠNG THỊ MINH	NGUYỆT	44 ĐƯỜNG HOA ĐÀO F2 QUẬN PHÚ NHUẬN	021574331	14/01/2008	Việt Nam	4,950	49,500,000	0.09%
206	C	310	NGUYỄN VĂN	NHẮN	26/19 ĐƯỜNG SỐ 8 - KP 3 - PHƯỜNG LINH TRUNG - Q.	021445754	10/11/1980	Việt Nam	5,625	56,250,000	0.10%
207	B	174	VÕ THỊ	NHAN	626 KINH DƯƠNG VƯƠNG P.AN LẠC Q.BÌNH TÂN	020094812	18/08/2010	Việt Nam	6,600	66,000,000	0.12%
208	B	472	TRƯƠNG THANH	NHÃ	634 XÔ VIẾT NGHỆ TĨNH - PHƯỜNG 25 -QUẬN BÌNH TH	321192272	19/06/2001	Việt Nam	3,000	30,000,000	0.05%
209	B	045	TRẦN THỤC	NHÀN	197/33 NGUYỄN THỊ NHỎ-F9-QUẬN TÂN BÌNH	021638701	24/10/1995	Việt Nam	1,237	12,370,000	0.02%
210	C	383	NGUYỄN THỊ THANH	NHÀN	166/5/21 LÝ THÁI TỔ P.1 QUẬN 3	273205380	01/08/2002	Việt Nam	8,250	82,500,000	0.15%
211	C	281	HỒNG THỊ KIM	NHUNG	16 CÔNG TRƯỜNG AN ĐÔNG F9 QUẬN 5	020061143	12/04/2007	Việt Nam	10,000	100,000,000	0.18%
212	B	130	LÊ THỊ KIỂM	ĐIỂM	327/9B/404 C.CỦ 116 CĂN F13 NƠ TRANG LONG-P.13 B	021571729	02/10/1999	Việt Nam	4,950	49,500,000	0.09%

STT	Mã	Số	HỌ	TÊN	ĐỊA CHỈ	SỐ CMND/ĐKKD	Ngày cấp	Quốc tịch	Tổng số CP sở hữu	MỆNH GIÁ	Tỷ lệ (%)
213	B	173	NGUYỄN HOÀNG	DIỆP	006 ĐƯỜNG BẠCH MÃ CƯ XÁ BẮC HẢI F15 QUẬN 10	020115304	23/10/2007	Việt Nam	7,597	75,970,000	0.14%
214	B	198	ĐẶNG THỊ	NỘI	236/37B ĐIỆN BIÊN PHỦ F17 Q.BÌNH THẠNH	020623890	02/07/2012	Việt Nam	3,375	33,750,000	0.06%
215	C	270	DƯƠNG THÀNH	ĐÔNG	25 NGUYỄN HUỆ P1 THỊ XÃ BẾN TRE	321321574	17/08/2004	Việt Nam	9,900	99,000,000	0.18%
216	C	419	NGUYỄN VĂN	ĐỜI	408/6/22 CHU VĂN AN F12 BÌNH THẠNH	020243573	29/07/2003	Việt Nam	12,100	121,000,000	0.22%
217	B	178	HUỖNH VĂN	ĐỨC	8/3C QUANG TRUNG F11 QUẬN GÒ VẤP	021723392	11/08/1999	Việt Nam	950	9,500,000	0.02%
218	C	260	HUỖNH	ĐỨC	205/6 ÂU CƠ P.5 QUẬN 11	021803624	06/07/1995	Việt Nam	77,055	770,550,000	1.39%
219	B	023	NGUYỄN THỊ KIỀU	OANH	75K/10 NGUYỄN THƯỢNG HIỀN F5 Q.BÌNH THẠNH	020686172	19/04/2005	Việt Nam	4,967	49,670,000	0.09%
220	B	068	TRẦN THỊ	OANH	947/11 LẠC LONG QUÂN F11 QUẬN TÂN BÌNH	021050301	15/02/2005	Việt Nam	5,197	51,970,000	0.09%
221	C	241	HOÀNG THỊ	OANH	158/225A PHẠM VĂN HAI F3 TÂN BÌNH	022111235	16/01/2004	Việt Nam	1,237	12,370,000	0.02%
222	C	261	HÀ VĨNH	PHÁT	32/18 ÂU CƠ P.9 Q.TÂN BÌNH	021845883	28/06/2008	Việt Nam	24,750	247,500,000	0.45%
223	C	438	HỨA TẤN	PHÁT	28/70 PHAN TÂY HỒ - PHƯỜNG 7 - QUẬN PHÚ NHUẬN	022857880	13/04/1992	Việt Nam	11,250	112,500,000	0.20%
224	B	203	HUỖNH HOA	PHI	41/35 TAM BÌNH F.TAM PHÚ Q. THỦ ĐỨC	020002592	21/07/1993	Việt Nam	4,950	49,500,000	0.09%
225	B	020	TRẦN THANH	PHONG	2.3 CC 26/14 ĐÌNH TIỀN HOÀNG-P.1-Q.BÌNH THẠNH	025219593	15/04/2010	Việt Nam	3,000	30,000,000	0.05%
226	C	464	NGUYỄN THẾ	PHONG	156/10 NGUYỄN LÂM, PHƯỜNG 3, QUẬN BÌNH THẠNH	211848767	20/02/2002	Việt Nam	2,500	25,000,000	0.05%
227	B	096	PHẠM THỊ KIM	PHƯƠNG	401/32 PHAN VĂN TRỊ P.11 QUẬN BÌNH THẠNH	020772520	30/05/1996	Việt Nam	1,465	14,650,000	0.03%
228	B	209	ĐỖ THỊ THÚY	PHƯƠNG	08/31 MINH PHỤNG F5 QUẬN 6	020177200		Việt Nam	2,625	26,250,000	0.05%
229	C	431	LÊ THỊ HOÀNG	PHƯƠNG	315/3 TRƯỜNG CHINH-P.14-Q.TÂN BÌNH	023185620	01/06/2007	Việt Nam	2,475	24,750,000	0.04%
230	B	125	VÕ MAI	PHƯƠNG	154/2 LÝ CHÍNH THẮNG P.7 QUẬN 3	301164397	13/10/2000	Việt Nam	500	5,000,000	0.01%

STT	Mã	Số	HỌ	TÊN	ĐỊA CHỈ	SỐ CMND/ĐKKD	Ngày cấp	Quốc tịch	Tổng số CP sở hữu	MỆNH GIÁ	Tỷ lệ (%)
231	B	145	VÕ SƠN	PHƯƠNG	166 HẬU GIANG P.6 QUẬN 6	020119302	14/01/2008	Việt Nam	4,275	42,750,000	0.08%
232	C	284	NGUYỄN HỒNG	PHƯƠNG	35/8 NGUYỄN VĂN ĐẬU F6 QUẬN BÌNH THẠNH	022535212	07/04/2010	Việt Nam	2,475	24,750,000	0.04%
233	C	258	PHAN HỮU	PHƯỚC	39 NGUYỄN TRÃI F2 QUẬN 5	020034296	04/03/1978	Việt Nam	7,425	74,250,000	0.13%
234	C	272	LÊ HỮU	PHƯỚC	97 NGUYỄN CÔNG TRÚ F19 Q.BÌNH THẠNH	022262239		Việt Nam	2,250	22,500,000	0.04%
235	B	206	CHÂU NGUYỆT	PHỤNG	28/70 PHAN TÂY HỒ F7 PHÚ NHUẬN	021720586	06/11/2003	Việt Nam	14,662	146,620,000	0.26%
236	B	155	NGÔ HỒNG	PHÚC	1/26 TRẦN BÌNH TRỌNG F5 Q.BÌNH THẠNH	023030269	26/03/2006	Việt Nam	495	4,950,000	0.01%
237	B	128	NGUYỄN ĐỨC	PHÚC	93/51/15B, BÌNH THỜI F14 QUẬN 11	023433889	13/06/2011	Việt Nam	600	6,000,000	0.01%
238	C	344	BÙI QUANG	PHÚC	04 LONG HÙNG - P.7 - Q.TÂN BÌNH (TIỆM VẢI LONG N	021038057	06/10/2009	Việt Nam	1,485	14,850,000	0.03%
239	C	373	PHẠM HUY	QUANG	179C CÁCH MẠNG THÁNG TÁM P.5 QUẬN 3	022674597	15/03/2002	Việt Nam	1,650	16,500,000	0.03%
240	B	003	LÊ VĂN	QUẾ	6/11 PHAN BỘI CHÂU - F2 - Q. BÌNH THẠNH	020743375	30/10/1997	Việt Nam	31,787	317,870,000	0.57%
241	B	011	DƯƠNG VĂN	QUÍ	159/44/3 TRẦN VĂN ĐANG F1 QUẬN 3	022107303	26/03/1999	Việt Nam	2,475	24,750,000	0.04%
242	B	467	PHÙNG VĂN	QUYẾT	1063 XỐ VIẾT NGHỆ TĨNH - PHƯỜNG 28- QUẬN BÌNH T	023887826	16/06/2009	Việt Nam	2,000	20,000,000	0.04%
243	C	454	HỨA THỊ NGỌC	QUỲNH	28/70 PHAN TÂY HỒ - PHƯỜNG 7 - QUẬN PHÚ NHUẬN	022448242	23/06/2004	Việt Nam	6,200	62,000,000	0.11%
244	B	015	HUỲNH	RÂN	78/5 NGUYỄN ĐÌNH CHÍNH -P.15-Q.PHÚ NHUẬN	021717384	01/08/2001	Việt Nam	990	9,900,000	0.02%
245	B	186	NGUYỄN THỊ	RY	NHÀ 306 LẦU 3 LÔ B 43 C.CƯ HỒ VĂN HUÊ P.9 QUẬN	020089335	18/06/1998	Việt Nam	6,075	60,750,000	0.11%
246	C	371	PHAN PHÙNG	SANH	156 HÙNG VƯƠNG P.2 QUẬN 10	021348756	05/08/1999	Việt Nam	1,650	16,500,000	0.03%
247	C	321	PHẠM NGỌC	SINH	67 BÀ HUYỆN THANH QUAN P.6 QUẬN 3	023450977	17/06/2009	Việt Nam	39,019	390,190,000	0.70%
248	B	182	TRẦN VĂN	SĨ	553/73 NGUYỄN KIỆM P.9 QUẬN-PHÚ NHUẬN	020809450	20/04/2009	Việt Nam	13,860	138,600,000	0.25%

STT	Mã	Số	HỌ	TÊN	ĐỊA CHỈ	SỐ CMND/ĐKKD	Ngày cấp	Quốc tịch	Tổng số CP sở hữu	MỆNH GIÁ	Tỷ lệ (%)
249	C	391	VÕ TẤN	SĨ	196/5 TÔN THẤT THUYẾT P.3 QUẬN 4	022789206	23/11/1995	Việt Nam	2,550	25,500,000	0.05%
250	B	062	NGUYỄN THÀNH	SƠN	23 ĐẶNG VĂN NGŨ P.10 QUẬN PHÚ NHUẬN	020320409	13/09/2004	Việt Nam	618	6,180,000	0.01%
251	B	063	NGUYỄN HỒNG	SƠN	417/30 LÊ VĂN THỌ P.9 QUẬN GÒ VẤP	020355229	15/11/2005	Việt Nam	5,825	58,250,000	0.10%
252	B	079	ĐẶNG THÁI	SƠN	62/245 LÝ CHÍNH THẮNG P.8 QUẬN 3	023660670	05/08/1998	Việt Nam	1,000	10,000,000	0.02%
253	C	369	PHẠM THÁI	SƠN	7A/19/36 THÀNH THÁI F14 QUẬN 10	020177092	23/05/2001	Việt Nam	3,375	33,750,000	0.06%
254	C	447	HỒNG DƯƠNG	SƠN	438/17C LÊ ĐỨC THOẠI - PHƯỜNG 15 - QUẬN GÒ VẤP	023121004	14/04/2008	Việt Nam	6,367	63,670,000	0.11%
255	B	468	PHAN THANH	SƠN	506/19/24 ĐUỐNG 3/2 - PHƯỜNG 14 - QUẬN 10	290877374	12/06/2010	Việt Nam	2,000	20,000,000	0.04%
256	C	307	CAO THỊ NGỌC	SƯƠNG	45 NGUYỄN ĐĂNG GIAI P.THẢO ĐIỀN - QUẬN 2	020203157	12/08/2008	Việt Nam	12,370	123,700,000	0.22%
257	B	051	TRẦN THÀNH	TÂM	1BIS (1A) AN DƯƠNG VƯƠNG-P.8-QUẬN 5	022555066	29/03/2007	Việt Nam	15,310	153,100,000	0.28%
258	B	208	NGUYỄN MINH	TÂM	61 NGUYỄN CHÍ THANH F9 QUẬN 5	020919275	24/04/1979	Việt Nam	12,622	126,220,000	0.23%
259	C	341	THÁI THANH	TÂM	478 NGUYỄN THỊ MINH KHAI - PHƯỜNG 2 - QUẬN 3	021541860	29/02/2008	Việt Nam	16,650	166,500,000	0.30%
260	C	445	NGUYỄN HOÀNG THANH	TÂM	180A LÊ VĂN SỸ - P.10 - QUẬN PHÚ NHUẬN	023128136	02/08/2010	Việt Nam	3,750	37,500,000	0.07%
261	B	131	CÙ NGỌC	TÂN	81 NGÔ THỜI NHIỆM P.6 QUẬN 3	020689917	20/10/1999	Việt Nam	14,250	142,500,000	0.26%
262	C	282	LƯƠNG THỊ	TÂN	97/7 TRẦN VĂN ĐANG F9 QUẬN 3	020812820	02/08/2012	Việt Nam	6,750	67,500,000	0.12%
263	C	315	NGUYỄN MINH	TÂN	299 B12 KHU DÂN CƯ SÔNG GIỐNG - NGUYỄN THỊ ĐỊNH	020205649	05/05/2009	Việt Nam	22,275	222,750,000	0.40%
264	C	330	NGUYỄN THỊ ĐỨC	TÂN	76 LÝ TỰ TRỌNG (LẦU 1) F.BẾN THÀNH QUẬN 1	020067679	24/02/1999	Việt Nam	4,950	49,500,000	0.09%
265	B	019	KIẾN THỊ NGỌC	TÀI	164/25 TRẦN QUỐC THẢO P7 QUẬN 3	022671505	01/06/2006	Việt Nam	6,000	60,000,000	0.11%
266	B	029	CAO TỬ	TÀI	47/48 BÙI ĐÌNH TÚY F24 Q. BÌNH THẠNH	021776965	19/03/2002	Việt Nam	48,872	488,720,000	0.88%

STT	Mã	Số	HỌ	TÊN	ĐỊA CHỈ	SỐ CMND/ĐKKD	Ngày cấp	Quốc tịch	Tổng số CP sở hữu	MỆNH GIÁ	Tỷ lệ (%)
267	B	188	TRẦN THỊ	TÁM	96 HỒNG LẠC - P.11 -Q.TÂN BÌNH	021695965	24/11/2008	Việt Nam	16,458	164,580,000	0.30%
268	C	278	TRƯƠNG THỊ	THẨM	1 BIS (1A) AN DƯƠNG VƯƠNG F8 QUẬN 5	020507016	15/07/1995	Việt Nam	13,530	135,300,000	0.24%
269	C	430	HOÀNG THỊ	THẨM	81 NGÔ THỜI NHIỆM P.6 QUẬN 3	020177134	20/10/1999	Việt Nam	1,125	11,250,000	0.02%
270	B	039	BÙI NGỌC	THẮNG	301 LÊ ĐẠI HÀNH P.13 QUẬN 11	020036885	26/06/2006	Việt Nam	34,522	345,220,000	0.62%
271	C	423	NGUYỄN ĐỨC	THẮNG	17 NGUYỄN ĐÌNH KHÔI F4 QUẬN TÂN BÌNH	022770883	27/05/2008	Việt Nam	2,200	22,000,000	0.04%
272	B	025	PHẠM THỊ	THANH	156 HÙNG VƯƠNG F2 QUẬN 10	020037263	26/02/2007	Việt Nam	15,498	154,980,000	0.28%
273	B	111	LƯU THỊ KIM	THANH	289/2F PHAN ĐÌNH PHÙNG-P.15-Q.PHÚ NHUẬN	021428275	29/10/99	Việt Nam	3,000	30,000,000	0.05%
274	C	250	TẠ THỊ	THANH	4BIS CMT8 F4 Q.TÂN BÌNH	020082769	26/08/1999	Việt Nam	1,237	12,370,000	0.02%
275	C	275	LƯƠNG VĂN	THÀNH	120 NGUYỄN DUY DƯƠNG F9 QUẬN 5	023182075	30/07/1994	Việt Nam	2,250	22,500,000	0.04%
276	C	334	NGUYỄN VIỆT	THÀNH	54 PHỐ TÔN ĐỨC THẮNG - HÀ NỘI	011488043	20/09/1999	Việt Nam	25,900	259,000,000	0.47%
277	C	364	LÊ THỊ VIỆT	THÀNH	33AA ĐƯỜNG SỐ 4 KHU DÂN CƯ BÌNH HƯNG - BÌNH CH	020083856	26/07/2001	Việt Nam	11,387	113,870,000	0.21%
278	C	408	PHẠM HUY	THÀNH	174 ĐƯỜNG SỐ 7 KHU DÂN CƯ TRUNG SƠN BÌNH CHÁM	024033440	23/07/2007	Việt Nam	5,582	55,820,000	0.10%
279	B	024	THÁI THANH	THẢO	478 NGUYỄN THỊ MINH KHAI F2 QUẬN 3	021106828	25/06/2008	Việt Nam	27,675	276,750,000	0.50%
280	B	077	NGUYỄN THỊ	THẢO	16/8 NGUYỄN THIỆN THUẬT-P.2-QUẬN 3	021541836	29/05/1995	Việt Nam	352	3,520,000	0.01%
281	B	146	LÊ NGỌC	THẢO	19/1/19 KINH DƯƠNG VƯƠNG, PHƯỜNG 12, QUẬN 6	021729564	10/05/2011	Việt Nam	4,500	45,000,000	0.08%
282	B	159	NGUYỄN H.PHƯƠNG	THẢO	609 LÔ B CƯ XÁ GÒ DẦU-P.TÂN QUÝ-Q.TÂN PHÚ	024397974	19/05/2005	Việt Nam	4,000	40,000,000	0.07%
283	C	327	DƯƠNG PHƯƠNG	THẢO	268/65 NGUYỄN THÁI BÌNH -P.12-Q.TÂN BÌNH	020026582	22/09/2006	Việt Nam	29,685	296,850,000	0.53%
284	C	403	LÂM THỊ THU	THẢO	103/59 HỒ THỊ KỶ P.1 QUẬN 10	022322439	31/12/2004	Việt Nam	5,850	58,500,000	0.11%

STT	Mã	Số	HỌ	TÊN	ĐỊA CHỈ	SỐ CMND/ĐKKD	Ngày cấp	Quốc tịch	Tổng số CP sở hữu	MỆNH GIÁ	Tỷ lệ (%)
285	C	280	NGUYỄN VĂN	THỊ	75 ĐƯỜNG 26 F10 QUẬN 6	024527330	08/10/2008	Việt Nam	4,500	45,000,000	0.08%
286	C	428	LÊ THỊ ANH	THỊ	19P NGUYỄN THỊ TẤN P.2 QUẬN 8	023330631	27/06/1995	Việt Nam	1,027	10,270,000	0.02%
287	C	461	NGUYỄN XUÂN	THỊ	155 TÂN LẬP 2 - KP6 - P.HIỆP PHÚ - QUẬN 9	021783263	16/11/2009	Việt Nam	4,500	45,000,000	0.08%
288	B	056	NGUYỄN XUÂN	THIỆN	20C/19 PHẠM VĂN CHIÊU - F8 - Q. GÒ VẤP	021951068	11/03/2008	Việt Nam	2,350	23,500,000	0.04%
289	B	046	NGUYỄN ĐỖ ANH	THƯ	76/4/2B LÊ TRỌNG TẤN P.TÂY THẠNH Q.TÂN PHÚ	024462753	03/03/2010	Việt Nam	825	8,250,000	0.01%
290	C	395	HOÀNG ĐỨC	THOẠI	173 ĐƯỜNG SỐ 8 P.11 QUẬN GÒ VẤP	024977415	29/07/2008	Việt Nam	1,500	15,000,000	0.03%
291	C	248	PHAN THẾ	THÔNG	14E NGUYỄN HỒNG P.1 QUẬN GÒ VẤP	023085039	13/05/2005	Việt Nam	23,209	232,090,000	0.42%
292	C	239	NGÔ THỊ	THỌ	56 ĐƯỜNG 20 F.BÌNH AN QUẬN 2	023141457	25/06/1993	Việt Nam	1,237	12,370,000	0.02%
293	C	319	TRƯƠNG VĨNH	THỌ	218B PASTEUR P.6 QUẬN 3	021573639	15/04/1994	Việt Nam	3,712	37,120,000	0.07%
294	C	324	ĐỖ NGỌC	THỊNH	230 NHẬT TẢO P.8 QUẬN 10	020504109	10/04/2009	Việt Nam	7,425	74,250,000	0.13%
295	C	399	CAO PHƯỚC	THỊNH	14B NGUYỄN HỒNG-P.1-Q. GÒ VẤP	024618917	09/10/2006	Việt Nam	26,551	265,510,000	0.48%
296	C	407	QUẢN HỮU	THỊNH	97 QUANG TRUNG F8 QUẬN GÒ VẤP (CTY DPDL TW 2	025097813	07/04/2009	Việt Nam	220	2,200,000	0.00%
297	C	388	PHẠM THỊ HẢI	THƯƠNG	A6.02 PN - TECHONS SỐ 48 ĐƯỜNG HOA SỮ-P.7-Q.PHÚ	022970316	01/11/2006	Việt Nam	33,000	330,000,000	0.59%
298	B	215	PHẠM LÊ	THU	148/20B NGUYỄN VĂN CỬ P.NGUYỄN CƯ TRINH QUẬN	020089244	17/08/1994	Việt Nam	5,850	58,500,000	0.11%
299	C	235	HOÀNG THỊ	THU	77 ĐOÀN NHƯ HẢI F12 QUẬN 4	024099691	07/07/2003	Việt Nam	1,237	12,370,000	0.02%
300	C	358	NGUYỄN THỊ KIM	THU	BB 12 TRƯỜNG SƠN-P.15-QUẬN 10	024184549	14/08/2003	Việt Nam	3,217	32,170,000	0.06%
301	B	034	THỊ THỊ BÍCH	THUẬN	334/47 LÊ QUANG ĐỊNH P.11 QUẬN BÌNH THẠNH	020271067	06/09/2008	Việt Nam	9,982	99,820,000	0.18%
302	C	283	LÝ MINH	THUẬN	128 NGUYỄN HÙNG SƠN - RẠCH GIÁ - KIẾN GIANG	370626330	13/12/2006	Việt Nam	7,425	74,250,000	0.13%

STT	Mã	Số	HỌ	TÊN	ĐỊA CHỈ	SỐ CMND/ĐKKD	Ngày cấp	Quốc tịch	Tổng số CP sở hữu	MỆNH GIÁ	Tỷ lệ (%)
303	C	285	PHẠM TIẾN	THUẬT	89/1 TRẦN QUỐC TOẢN P.7 QUẬN 3	022157579	09/10/1997	Việt Nam	1,237	12,370,000	0.02%
304	B	014	VÕ XUÂN	THÙY	19P NGUYỄN THỊ TẤN P2 QUẬN 8	020177378	06/10/2008	Việt Nam	14,593	145,930,000	0.26%
305	B	084	VÕ PHƯỚC	THỦ	TẦNG 10 P.30 351/31 NƠ TRANG LONG F13 BÌNH THẠ	020490621	14/06/2000	Việt Nam	5,993	59,930,000	0.11%
306	B	069	NGÔ THỊ KIM	THÚY	167 BÀU CÁT F14 Q.TÂN BÌNH	024650500	15/11/2006	Việt Nam	7,548	75,480,000	0.14%
307	B	026	NGUYỄN THỊ THANH	THÚY	195/11A LÊ VĂN SĨ P.13 QUẬN 3	020605260	22/03/2004	Việt Nam	3,175	31,750,000	0.06%
308	B	121	ĐẶNG THỊ THANH	THÚY	43/18 THÀNH THÁI - P.14 - QUẬN 10	024857371	26/01/2008	Việt Nam	3,000	30,000,000	0.05%
309	B	175	LÊ THỊ CẨM	THÚY	2/7 QUÁCH VĂN TUẤN F12 QUẬN TÂN BÌNH	022848108	02/08/2007	Việt Nam	990	9,900,000	0.02%
310	B	057	PHẠM THU	THỦY	167 NGUYỄN PHÚC NGUYỄN - P.10 - Q.3 (LẦU 11, PHỐ	020061156	05/10/2009	Việt Nam	2,500	25,000,000	0.05%
311	B	097	VÕ THỊ	THỦY	236H LÊ VĂN SĨ P.1 QUẬN TÂN BÌNH	021562254	14/02/1998	Việt Nam	2,475	24,750,000	0.04%
312	B	117	LÊ THANH	THỦY	99 NGUYỄN ĐÌNH CHIẾU P.6 QUẬN 3	023855713	26/03/2001	Việt Nam	2,700	27,000,000	0.05%
313	B	157	PHẠM THỊ THANH	THỦY	7A/19/36 THÀNH THÁI P.14 QUẬN 10	022769339	03/06/2010	Việt Nam	3,465	34,650,000	0.06%
314	B	160	VŨ THỊ THANH	THỦY	112 TRẦN BÁ GIAO P.5 QUẬN GÒ VẤP	023660939	12/08/1998	Việt Nam	1,750	17,500,000	0.03%
315	B	176	KIỀU THỊ THU	THỦY	138/5 DUY TÂN F15 QUẬN PHÚ NHUẬN	022634243	22/01/2010	Việt Nam	1,900	19,000,000	0.34%
316	B	177	LÊ THỊ THANH	THỦY	139/215 KA LÝ CHÍNH THẮNG F8 QUẬN 3	020852056	25/08/2004	Việt Nam	3,350	33,500,000	0.06%
317	C	265	PHẠM THỊ THANH	THỦY	37/1 ĐƯỜNG C18 F12 QUẬN TÂN BÌNH	023760342	08/10/1999	Việt Nam	5,020	50,200,000	0.09%
318	C	288	NGUYỄN THỊ	THỦY	PHÒNG D2, TẦNG 12A, KHU CT5, CHUNG CƯ HÀ ĐÔ, N	020041272	16/02/2012	Việt Nam	4,950	49,500,000	0.09%
319	C	348	NGUYỄN THỊ MINH	THỦY	156/5 ĐẶNG VĂN NGŨ - P.14 - QUẬN PHÚ NHUẬN	020761794	22/05/2006	Việt Nam	2,475	24,750,000	0.04%
320	C	463	NGUYỄN THỊ THU	THỦY	42 NÚI THÀNH, PHƯỜNG 13, QUẬN TÂN BÌNH	023683952	23/06/1999	Việt Nam	10,740	107,400,000	0.19%

STT	Mã	Số	HỌ	TÊN	ĐỊA CHỈ	SỐ CMND/ĐKKD	Ngày cấp	Quốc tịch	Tổng số CP sở hữu	MỆNH GIÁ	Tỷ lệ (%)
321	C	415	LƯU THANH	THỦY	284/22B LÊ VĂN SĨ P.14 QUẬN 3	023580817	07/08/1997	Việt Nam	990	9,900,000	0.02%
322	C	306	NGUYỄN SINH	TIẾN	46/18 NGUYỄN CỬU VÂN F17 Q.BÌNH THẠNH	023149666	28/05/2008	Việt Nam	4,950	49,500,000	0.09%
323	C	381	PHẠM THỦY	TIỀN	214/C24 NGUYỄN TRÃI P.NGUYỄN CƯ TRINH QUẬN 1	023593047	16/05/2001	Việt Nam	1,650	16,500,000	0.03%
324	B	152	NGUYỄN THỊ	TỐT	44/44 NGÔ TẤT TỐ P.19 QUẬN BÌNH THẠNH	022260841	08/10/1995	Việt Nam	18,067	180,670,000	0.33%
325	C	320	DƯƠNG THỊ	TỐI	218B PASTEUR P.6 QUẬN 3	020552874	10/06/2004	Việt Nam	3,712	37,120,000	0.07%
326	C	368	HỨA THỊ NGỌC	TRÂM	28/70 PHAN TÂY HỒ-P.7-Q.PHÚ NHUẬN	022695642	20/02/2006	Việt Nam	10,841	108,410,000	0.20%
327	C	452	NGUYỄN THỊ HUYỀN	TRÂM	26B 3.2 CỤ XÁ ĐIỆN LỰC - KP4 - PHƯỜNG BÌNH AN -	024529034	28/03/2006	Việt Nam	500	5,000,000	0.01%
328	C	350	ĐOÀN THỊ BẢO	TRÂN	186/D7 BÌNH THỚI P.14 QUẬN 11	023090575	22/07/2004	Việt Nam	2,475	24,750,000	0.04%
329	B	100	NGUYỄN THỊ MỸ	TRANG	79/1 PHƯỜNG LINH ĐÔNG QUẬN THỦ ĐỨC	021400385	24/06/2008	Việt Nam	1,000	10,000,000	0.02%
330	B	114	NGUYỄN THỊ THẢO	TRANG	236H LÊ VĂN SĨ P.1 QUẬN TÂN BÌNH	023856760	20/10/2000	Việt Nam	3,435	34,350,000	0.06%
331	B	223	HUYỀN THỊ THU	TRANG	7A/19/36 THÀNH THÁI F14 QUẬN 10	024699503	31/07/2007	Việt Nam	1,650	16,500,000	0.03%
332	C	296	DƯƠNG THỊ MAI	TRANG	43 NGUYỄN CÔNG TRÚ F19 Q.BÌNH THẠNH	020061125	05/08/2003	Việt Nam	1,237	12,370,000	0.02%
333	C	356	NGUYỄN THIÊN	TRANG	243A NGUYỄN THƯỢNG HIỀN, B10, PHƯỜNG 6, QUẬN	024540864	29/08/2006	Việt Nam	2,970	29,700,000	0.05%
334	C	363	NGUYỄN THỊ	TRANG	204/29 NƠ TRANG LONG P.12 BÌNH THẠNH	023994064	11/03/2002	Việt Nam	1,125	11,250,000	0.02%
335	C	372	PHẠM THỊ	TRANG	179C CÁCH MẠNG THÁNG 8 P.5 QUẬN 3	020469957	20/05/2007	Việt Nam	3,300	33,000,000	0.06%
336	C	375	HOÀNG NGUYỄN ĐOÀN	TRANG	179C CÁCH MẠNG THÁNG 8 P.5 QUẬN 3	023121323	20/05/2007	Việt Nam	1,650	16,500,000	0.03%
337	C	416	LÊ THUY ĐOÀN	TRANG	139/106 KA LÝ CHÍNH THẮNG P.7 QUẬN 3	022594102	07/10/1997	Việt Nam	9,900	99,000,000	0.18%
338	C	389	LÊ THỊ NGỌC	TRÍ	37 TER ĐÌNH CÔNG TRÁNG P..TÂN ĐỊNH QUẬN 1	022536330	05/08/2008	Việt Nam	1,650	16,500,000	0.03%

STT	Mã	Số	HỌ	TÊN	ĐỊA CHỈ	SỐ CMND/ĐKKD	Ngày cấp	Quốc tịch	Tổng số CP sở hữu	MỆNH GIÁ	Tỷ lệ (%)
339	B	136	NGUYỄN MỘNG	TRINH	239/34/2A TRẦN VĂN ĐANG P.11 QUẬN 3	020298394	16/06/1994	Việt Nam	2,350	23,500,000	0.04%
340	C	366	CỔ ĐỨC	TRỌNG	160A BÌNH LONG P.PHÚ THẠNH Q.TÂN PHÚ	020713416	26/06/2002	Việt Nam	4,500	45,000,000	0.08%
341	C	414	ĐẶNG DUY	TRƯỜNG	64/439 QUANG TRUNG P.12 QUẬN GÒ VẤP	024278546	23/07/2004	Việt Nam	1,350	13,500,000	0.02%
342	C	276	PHAN CHÍ	TRUNG	62/1/8 TRƯỜNG CÔNG ĐỊNH F14 Q.TÂN BÌNH	022508899	25/06/1997	Việt Nam	4,950	49,500,000	0.09%
343	C	420	NGUYỄN ĐÌNH	TRUNG	118/3 NGUYỄN THỊ ĐỊNH F. AN PHÚ QUẬN 2	024951274	01/10/2008	Việt Nam	7,627	76,270,000	0.14%
344	B	126	NGUYỄN LÊ THANH	TRÚC	414 LÊ VĂN SỸ- P.14 - QUẬN 3	023855822	08/01/2010	Việt Nam	720	7,200,000	0.01%
345	B	162	NGUYỄN ANH	TUẤN	387 HÙNG VƯƠNG P.12 QUẬN 6	023807728	29/06/2000	Việt Nam	1,650	16,500,000	0.03%
346	B	180	HOÀNG ANH	TUẤN	80/42 TRẦN QUANG DIỆU F14 QUẬN 3	021865047	04/06/1997	Việt Nam	5,445	54,450,000	0.10%
347	C	444	PHẠM LÊ ANH	TUẤN	158/65/2 HOÀNG HOA THÁM F12 Q.TÂN BÌNH	024984596	11/06/2008	Việt Nam	5,000	50,000,000	0.09%
348	C	429	VŨ ANH	TUẤN	B4 KTT GIÁO VIÊN TRƯỜNG NGÔ THỜI NHIỆM-HỒ BÁ P	024355483	21/06/2005	Việt Nam	3,085	30,850,000	0.06%
349	C	237	NGUYỄN LƯƠNG	TUYỂN	349/129 LÊ ĐẠI HÀNH -P.13-QUẬN 11	022076557	03/04/1996	Việt Nam	1,237	12,370,000	0.02%
350	B	047	NGUYỄN THỊ ÁNH	TUYẾT	77/25 KINH DƯƠNG VƯƠNG P.12 QUẬN 6	022748917	17/12/1999	Việt Nam	2,475	24,750,000	0.04%
351	B	137	TRỊNH THỊ NGỌC	TUYẾT	453/153 LÊ VĂN SĨ P.12 QUẬN 3	020709812	29/07/2008	Việt Nam	4,950	49,500,000	0.09%
352	B	168	LŨ THỊ	TUYẾT	204/4B CAO ĐẠT F1 QUẬN 5	020177366	24/08/2004	Việt Nam	12,375	123,750,000	0.22%
353	B	183	LÊ THỊ ÁNH	TUYẾT	210/7 CÁCH MẠNG THÁNG 8 F10 QUẬN 3	020641608	25/10/2001	Việt Nam	5,073	50,730,000	0.09%
354	B	189	PHẠM BẠCH	TUYẾT	549/75 XÔ VIẾT NGHỆ TĨNH F26 QUẬN BÌNH THẠNH	020679270	31/05/1997	Việt Nam	4,500	45,000,000	0.08%
355	C	331	QUÁCH THỊ	TỶ	67 BÀ HUYỆN THANH QUAN P.6 QUẬN 3	020064526	27/06/2003	Việt Nam	11,520	115,200,000	0.21%
356	B	112	NGUYỄN THỊ	ÚT	185/2A TRẦN KẾ XƯƠNG P.7 QUẬN PHÚ NHUẬN	020530477	15/10/99	Việt Nam	2,475	24,750,000	0.04%

STT	Mã	Số	HỌ	TÊN	ĐỊA CHỈ	SỐ CMND/ĐKKD	Ngày cấp	Quốc tịch	Tổng số CP sở hữu	MỆNH GIÁ	Tỷ lệ (%)
357	B	105	HUỖNH THỊ	ÚT	TẦNG 10 P.30 351/31 NƠ TRANG LONG P.13 QUẬN BÌNH	020603449	09/11/2009	Việt Nam	6,875	68,750,000	0.12%
358	B	218	NGUYỄN THỊ	ÚT	58/15/15 TÔN THẤT THUYẾT F16 QUẬN 4	020177236	01/04/2010	Việt Nam	12,003	120,030,000	0.22%
359	B	153	DƯƠNG THỊ KIM	UYÊN	145/2 ĐOÀN VĂN BƠ F13 QUẬN 4	020467973	07/06/2008	Việt Nam	7,795	77,950,000	0.14%
360	C	238	LÊ HOÀNG NHƯ	UYÊN	95/6/12 LƯƠNG ĐỊNH CỬA, PHƯỜNG BÌNH AN, QUẬN 2	023121868	01/03/2008	Việt Nam	2,475	24,750,000	0.04%
361	B	010	NGUYỄN BÍCH	VÂN	154/2 LÝ CHÍNH THẮNG F7 QUẬN 3	022996924	19/07/2005	Việt Nam	1,242	12,420,000	0.02%
362	B	013	LÊ THỊ THANH	VÂN	37/1 ĐƯỜNG C18 F12 QUẬN TÂN BÌNH	023453823	19/09/1996	Việt Nam	15,000	150,000,000	0.27%
363	B	087	NGUYỄN THỊ THU	VÂN	146/32 HUỖNH MÃN ĐẠT P.3 QUẬN 5	020489168	05/08/2004	Việt Nam	2,000	20,000,000	0.04%
364	B	113	TRẦN THỊ THU	VÂN	134/109/263 LÝ CHÍNH THẮNG P.7 QUẬN 3	020692924	19/07/2005	Việt Nam	4,125	41,250,000	0.07%
365	B	142	TRẦN THỊ THU	VÂN	12/9 NGUYỄN PHI KHANH F.TÂN ĐỊNH Q1	020850590	29/05/2003	Việt Nam	1,237	12,370,000	0.02%
366	C	346	HỒ THỊ HẢI	VÂN	441/39C NGUYỄN BÌNH KIỆM P.1 QUẬN GÒ VẤP	020813357	20/11/2006	Việt Nam	9,900	99,000,000	0.18%
367	C	347	VŨ THỊ	VÂN	31 NGUYỄN VĂN HƯỜNG P.THẢO ĐIỀN QUẬN 2	022956443	26/09/2001	Việt Nam	1,237	12,370,000	0.02%
368	C	367	NGUYỄN THỊ	VÂN	CTY CP DƯỢC LIỆU TW 2 - 97 QUANG TRUNG - P.8 - G	025168649	08/10/2009	Việt Nam	3,080	30,800,000	0.06%
369	C	379	ỪNG CHỐNG	VÀ	106C/117 LẠC LONG QUÂN-P.3-QUẬN 11	260820297	15/03/2001	Việt Nam	3,300	33,000,000	0.06%
370	C	386	NGUYỄN LÊ HỒNG	VI	SỐ 8 LÔ P CX VĨNH HỘI BẾN VÂN ĐỒN P.6 QUẬN 4	023360028	31/08/1995	Việt Nam	825	8,250,000	0.01%
371	C	295	LÊ MINH	VIỄN	31/14 HOÀNG HOA THÁM F13 Q.TÂN BÌNH	020035977	08/05/2000	Việt Nam	4,950	49,500,000	0.09%
372	C	441	NGÔ PHẠM	VIỆT	22/19/5 LÝ THƯỜNG KIỆT - P.6 - QUẬN TÂN BÌNH	022474183	13/11/2007	Việt Nam	87,000	870,000,000	1.57%
373	B	052	KHUU QUANG	VINH	26F/2 LÊ QUỐC HƯNG P.12 QUẬN 4	022303467	16/10/2000	Việt Nam	5,250	52,500,000	0.09%
374	C	252	TRẦN THỊ	VŨ	32 NGÁCH 36/31 NGÕ 36 ĐÀO TẤN P.CỐNG VỊ Q.BA Đ	012714671	10/09/2004	Việt Nam	2,475	24,750,000	0.04%

STT	Mã	Số	HỌ	TÊN	ĐỊA CHỈ	SỐ CMND/ĐKKD	Ngày cấp	Quốc tịch	Tổng số CP sở hữu	MỆNH GIÁ	Tỷ lệ (%)
375	B	050	LÂM NGUYỄN UYÊN	VY	133/65 QUANG TRUNG - P.10 - Q.GÒ VẤP	023547947	14/06/1999	Việt Nam	1,337	13,370,000	0.02%
376	B	210	NGUYỄN THỊ	XINH	47/3 HUỖNH MÃN ĐẠT F19 BÌNH THẠNH	022079534	09/09/2005	Việt Nam	15,000	150,000,000	0.27%
377	B	004	PHẠM THỊ THANH	XUÂN	02BIS HOÀNG DIỆU F13 QUẬN 4	020467328	15/07/2008	Việt Nam	3,175	31,750,000	0.06%
378	B	043	DƯƠNG PHƯƠNG	XUÂN	174 ĐƯỜNG SỐ 7 KHU DÂN CƯ TRUNG SƠN BÌNH CHÁNH	022037274	18/12/96	Việt Nam	25,233	252,330,000	0.45%
379	C	339	VÕ THỊ	XUÂN	67/43L KHU DÂN CƯ MIẾU NỔI P.3 QUẬN BÌNH THẠNH	020089521	05/04/2005	Việt Nam	2,475	24,750,000	0.04%
380	C	473	TRƯƠNG THANH	XUÂN	38 HOÀNG DIỆU F10 Q.PHÚ NHUẬN	021719246	19/11/2008	Việt Nam	2,475	24,750,000	0.04%
381	B	070	NGUYỄN THỊ BẠCH	YẾN	236H LÊ VĂN SĨ P.1 QUẬN TÂN BÌNH	020535850	24/08/1993	Việt Nam	5,940	59,400,000	0.11%
382	B	199	LƯU HỒNG	YẾN	7/15 đường HƯNG HÓA F6 Q.TÂN BÌNH	020177109	13/05/2002	Việt Nam	4,500	45,000,000	0.08%
383	C	291	LÊ THỊ	YẾN	395 TRẦN XUÂN SOẠN P.TÂN KIẾNG QUẬN 7	020807367	09/11/2004	Việt Nam	2,475	24,750,000	0.04%
384	C	337	NGUYỄN THỊ HẢI	YẾN	SÔ 2 NGÕ 99 TRUNG LIỆT-ĐỒNG ĐA-HÀ NỘI	011039135	19/07/2008	Việt Nam	18,000	180,000,000	0.32%
385	C	349	NGUYỄN THỊ	YẾN	61/56 ĐƯỜNG SỐ 1 F10 QUẬN TÂN BÌNH	020068522	20/10/2000	Việt Nam	1,237	12,370,000	0.02%
					TỔNG CỘNG:				5,550,000	55,500,000,000	100%

LẬP BIỂU

CN.ĐỖ THỊ XUÂN VINH

TRƯỞNG PHÒNG HCNS

CN.PHÙNG VĂN QUYẾT

GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH

CN.TRỊNH BÍCH DUNG

Ngày 10 tháng 03 năm 2015
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ĐS. CHỦ MAI HẢO